

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
theo Bộ chỉ số phát triển trường sư phạm

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

DANH MỤC KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	2
Phần 1. MỞ ĐẦU	3
1.1. Thông tin tóm tắt về Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.....	3
1.1.1. Đội ngũ giảng viên.....	3
1.1.2. Chương trình đào tạo và bồi dưỡng	4
1.1.3. Tài liệu phục vụ đào tạo bồi dưỡng	4
1.1.4. Cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin	5
1.1.5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	5
1.1.6. Phối hợp với các trường sư phạm và các cơ sở giáo dục phổ thông trong nước....	5
1.2. Bối cảnh chung của Trường và bối cảnh tham gia Chương trình ETEP	6
1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá.....	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
Tiêu chuẩn 1. TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	10
Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược	10
Tiêu chí 1.2. Quản lý.....	14
Tiêu chí 1.3. Đảm bảo chất lượng	23
Tiêu chuẩn 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	31
Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình	31
Tiêu chí 2.5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện	36
Tiêu chuẩn 3. NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI	46
Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới	46
Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới.....	56
Tiêu chuẩn 4: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI	63
Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/ địa phương.....	63
Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế	68
Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác	78
Tiêu chí: 4.11. Thông tin và truyền thông.....	87
Tiêu chuẩn 5. MÔI TRƯỜNG SƯ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC.....	94
Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm.....	94
Tiêu chí 5.13. Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học	99
Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính.....	108
Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực.....	113
Tiêu chuẩn 6. HỖ TRỢ DẠY HỌC	123
Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	123
Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên.....	135
Tiêu chuẩn 7: HỖ TRỢ HỌC TẬP	140
Tiêu chí 7.18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học	140
Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập	148
Tiêu chí 7.20: Các hoạt động ngoại khóa.....	153
Phần 4. KẾT LUẬN	162

DANH MỤC KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

BGH	Ban Giám hiệu
CBVC	Cán bộ viên chức
CBGD	Cán bộ giảng dạy
CBGV	Cán bộ, giảng viên
CGCN	Chuyên giao công nghệ
CTSV	Công tác Sinh viên
CSV	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐHĐN	Đại học Đà Nẵng
DHSP	Đại học Sư phạm
ĐTN	Đoàn Thanh niên
HTQT	Hợp tác quốc tế
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giảng viên
HSV	Hội sinh viên
KHCN	Khoa học công nghệ
LMS	Hệ thống quản lí học tập trực tuyến
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
PPGD	Phương pháp giảng dạy
SV	Sinh viên
TCHC	Tổ chức - Hành chính
TĐG	Tự đánh giá
TDTT	Thể dục thể thao
VLVH	Vừa làm vừa học

Phần 1. MỞ ĐẦU

1.1. Thông tin tóm tắt về Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (ĐHSP - ĐHDN) được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng, Cơ sở Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng, Bộ môn Cơ bản của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Bộ môn văn hóa của Trường Công nhân kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi. Là trường thành viên thuộc ĐHDN, Trường có chức năng và nhiệm vụ: đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo Sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên thuộc ĐHDN; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Trải qua 45 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Trường ĐHSP - ĐHDN là cơ sở giáo dục Đại học đa ngành, đa cấp với cơ cấu 07 phòng, 13 khoa, 02 trung tâm và 03 tổ trực thuộc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự được các cấp chính quyền, đoàn thể tại trung ương và địa phương trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Năm 2016, Nhà trường được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Nhà trường đã xác định sứ mạng: *Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.*

Triết lý giáo dục của Trường là: *Toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệm.*

Giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động. Đối với khoa học: *sáng tạo và tự do học thuật*; đối với công tác đào tạo: *chất lượng hàng đầu*; đối với công tác quản lý: *chuẩn mực và khách quan*; đối với giảng dạy: *kiến tạo tri thức và định hướng khởi nghiệp*; đối với người học: *tôn trọng năng lực cá nhân và tinh thần tập thể*; đối với đồng nghiệp: *chân thành và đoàn kết*; đối với cộng đồng: *cống hiến và phục vụ.*

Phương châm của hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn 2020 – 2025 được xác định là: Chuyên nghiệp - Chất lượng - Hiện đại - Hội nhập

1.1.1. Đội ngũ giảng viên

Tổng số cán bộ, viên chức của Trường tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2020 là 333 CBVC(235 GV), trong đó: Tỷ lệ Giáo sư, PGS: đạt 5,1% trong tổng số GV (12); Tỷ lệ Tiến sĩ đạt gần 50% trong tổng số GV (110); Tỷ lệ GV có trình độ Thạc sĩ trở lên đạt 100%; 55 CBGD đang đi học nghiên cứu sinh và cao học trong và ngoài nước.

1.1.2. Chương trình đào tạo và bồi dưỡng

Nhà trường đang triển khai đào tạo 34 ngành ở trình độ Đại học, 17 ngành Thạc sĩ, 07 ngành Tiến sĩ và 30 loại hình đào tạo chứng chỉ, chứng nhận. Trong 34 ngành đào tạo trình độ Đại học, có 17 ngành đào tạo giáo viên. Tất cả chương trình đào tạo (CTĐT), bồi dưỡng của các ngành, khóa bồi dưỡng kể trên đều đã được thẩm định, phê duyệt và ban hành.

Đối với hệ vừa làm vừa học (VLVH), Nhà trường đang tổ chức đào tạo tại Trường cũng như liên kết với các Trung tâm giáo dục thường xuyên, các cơ sở đào tạo trong nước để tổ chức đào tạo các trình độ Đại học, Cao đẳng, đào tạo liên thông và bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Nhà trường có 07 chương trình liên thông từ Cao đẳng lên Đại học, 05 chuyên ngành tuyển sinh từ bậc trung học phổ thông và văn bằng hai đối với các ngành đào tạo Đại học.

Các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận của Trường tập trung bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (NVSP), chức danh nghề nghiệp, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ hoặc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông... Các chương trình bồi dưỡng này bổ ích cho người học, đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục.

CTĐT, bồi dưỡng được xây dựng phù hợp với quy định; luôn được cập nhật, rà soát định kỳ; đáp ứng và phù hợp nhu cầu của người học cũng như các cơ sở sử dụng lao động.

Năm học 2020 - 2021, tổng số sinh viên (SV) hệ chính quy bậc Đại học là 6.972 SV, 1030 học viên Sau đại học. Tổng số học viên hệ VLVH là 2.941 học viên. Tổng số lưu học sinh nước ngoài học tại trường (SV Lào, Trung Quốc, Đài Loan...) là 170 SV. Tính đến nay Trường đã đào tạo được 2.258 Tiến sĩ và Thạc sĩ.

1.1.3. Tài liệu phục vụ đào tạo bồi dưỡng

Thư viện của Trường có diện tích 955m², được bố trí tại một khu vực độc lập, rộng rãi, yên tĩnh và thoáng mát; bao gồm hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu, báo chí riêng biệt. Thư viện có 25.357 đầu sách, với số lượng 115.371 cuốn trong đó số lượng số sách gắn với ngành đào tạo cấp bằng của Trường là 100.827 cuốn, có 15 máy tính được nối mạng internet, có hệ thống phần mềm quản lý sách, giáo trình và tài liệu.

Năm 2020, Thư viện của Trường được cải tạo, nâng cấp lên Thư viện điện tử hiện tại giúp hỗ trợ người học và giảng viên nghiên cứu tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Các khâu quản lý và nghiệp vụ đều được tin học hoá. Tài liệu được tra cứu bằng hệ thống máy tính nối mạng. Hệ thống các kho sách được chuyển thành kho mở, thủ tục mượn trả tài liệu được cảm ứng bằng quét mã vạch.

1.1.4. Cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin

Khuôn viên của Trường có tổng diện tích 47.585m², diện tích sàn xây dựng: 31.132m², diện tích nơi làm việc: 2118 m², nơi vui chơi giải trí: 6000 m². Tổng diện tích phòng học là 19.526 m² đạt 3,0 m²/ 1 SV; bao gồm 107 phòng học, trong đó có 11 giảng đường có sức chứa từ 100 - 200 chỗ, 01 giảng đường có sức chứa 600 chỗ, đều được trang bị đủ hệ thống thiết bị âm thanh, máy chiếu. Trường hiện có 37 phòng thực hành, thí nghiệm. Các phòng thí nghiệm được trang bị, nâng cấp hằng năm với nhiều thiết bị hiện đại đáp ứng được việc học tập, nghiên cứu của SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh...; 09 phòng máy tính với hơn 500 máy tính xách tay; 04 phòng thực hành phương pháp dạy học gồm các thiết bị hiện đại như hệ thống bảng tương tác, máy chiếu lập thể, tăng âm, camera ghi hình bài giảng...

Khuôn viên Kí túc xá dành cho SV và lưu học sinh nước ngoài đảm bảo diện tích phòng ở 7.280 m²; có cảnh quan đẹp, rộng rãi, thoáng mát; đảm bảo tốt mọi sinh hoạt và đảm bảo an ninh. Nhà tập thể dục thể thao (TDTT), Nhà sinh hoạt đa năng đảm bảo tốt việc rèn luyện TDTT thường xuyên và phong trào cho cán bộ và SV toàn trường.

Về công nghệ thông tin, Trường đã trang bị và thiết lập hệ thống dạy học trực tuyến tiên tiến, có thể liên kết nội bộ trong 06 phòng học lớn có sức chứa hơn 1200 SV cùng học tập đồng thời có thể liên kết đến các trường Đại học trong và ngoài nước.

Hệ thống máy chủ và mạng cáp quang nội bộ đáp ứng yêu cầu đào tạo cùng với các phần mềm quản lý hiện đại. Nhà trường đã xây dựng có hiệu quả và thường xuyên cập nhật website để giới thiệu và cung cấp đầy đủ các thông tin có liên quan về công tác quản lý, điều hành dạy học của trường.

1.1.5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Hoạt động NCKH từng bước phát triển, đạt hiệu quả tốt. Nhiều công trình NCKH của Trường được ứng dụng vào thực tiễn giáo dục - đào tạo và đời sống sản xuất như đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD), CGCN nuôi cấy mô cây trồng giúp các địa phương trong khu vực nâng cao năng suất. Số lượng các bài báo của các CBVC Nhà trường đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI và Scopus không ngừng tăng lên qua các năm.

Hợp tác quốc tế (HTQT) không ngừng được phát triển theo đúng quy định của pháp luật và đã mang lại nhiều lợi ích cho Nhà trường. Trường đã trao đổi, hợp tác với nhiều trường Đại học trong khu vực và trên thế giới; nhiều biên bản ghi nhớ với các trường đối tác đã được triển khai và tiếp tục triển khai trong thời gian tới.

1.1.6. Phối hợp với các trường sư phạm và các cơ sở giáo dục phổ thông trong nước

Với tư cách là thành viên của 07 trường sư phạm trọng điểm, Trường ĐHSP - ĐHDN đã thường xuyên phối hợp chặt chẽ, tham gia, hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm với các trường sư phạm trong việc xây dựng CTĐT, xây dựng chuẩn đầu ra... Nhà trường còn luân phiên chủ trì tổ chức các hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý,

dạy học và NCKH... Điều này đã giúp công tác điều hành quản lý của Nhà trường đi đúng hướng, tạo ra mặt bằng chất lượng chung giữa các trường sư phạm trong nước.

Trường hợp tác thường xuyên với các Sở Giáo dục & Đào tạo, Học viện Quản lý Giáo dục, các Trung tâm Giáo dục thường xuyên các địa phương, các trường phổ thông trong cả nước và đặc biệt tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên trong việc bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông, trong đó có bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán cho 06 tỉnh thành được phân công thuộc Chương trình ETEP.

1.2. Bối cảnh chung của Trường và bối cảnh tham gia Chương trình ETEP

Trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới và các yêu cầu về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục ở nước ta đã được xác định trong Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đòi hỏi các trường Đại học cần phải có sự đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, HTQT...

Là một trong bảy trường sư phạm chủ chốt trong cả nước, Trường ĐHSP - ĐHĐN luôn ý thức được nhiệm vụ chính trị là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cho các địa phương trong nước nhằm góp phần thực hiện những thay đổi quan trọng trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới.

Trường ĐHSP - ĐHĐN xác định chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu và mục tiêu của Nhà trường là không ngừng nâng cao chất lượng trên cả 07 phương diện: tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng; chương trình đào tạo; nghiên cứu, phát triển và đổi mới; hoạt động đối ngoại; môi trường sư phạm và các nguồn lực; hỗ trợ dạy học; hỗ trợ học tập.

Chương trình Phát triển các trường sư phạm (Tên tiếng Anh: Enhancing Teacher Education Program - ETEP) do Ngân hàng Thế giới tài trợ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục chương trình đầu tư tại Quyết định số 956/QĐ-TTg ngày 30/5/2016. Chương trình tập trung vào lĩnh vực tăng cường năng lực cho các trường ĐHSP chủ chốt, thông qua các hoạt động nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông theo các chuẩn nghề nghiệp giáo viên và hiệu trưởng trường phổ thông mới.

Mục tiêu của Trường phù hợp với mục tiêu của Chương trình ETEP là hỗ trợ cho các trường sư phạm phát triển. Do đó, tham gia chương trình ETEP cùng với 06 trường sư phạm chủ chốt và Học viện Quản lý Giáo dục là điều kiện thuận lợi và cơ hội cho Trường ĐHSP - ĐHĐN để nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và thích ứng với xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa hiện nay.

Nhà trường cam kết đến khi Chương trình ETEP kết thúc, năng lực của Trường sẽ được nâng cao, đạt được số điểm TEIDI theo cam kết đã kí trong PA với Ban Quản lý ETEP Trung ương.

1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá

Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm (TEIDI) bao gồm 7 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí và 63 chỉ số là công cụ đo lường toàn diện năng lực các trường sư phạm, trong đó hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông là nội dung được đặc biệt quan tâm. Việc tự đánh giá (TĐG) theo bộ tiêu chuẩn TEIDI giúp các cơ sở giáo dục xác định những điểm mạnh, tồn tại trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; từ đó có những cải tiến, điều chỉnh cần thiết nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được tiến hành tại cơ sở giáo dục.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trường ĐHSP - ĐHĐN là đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông đáp ứng nhu cầu giáo dục tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Bên cạnh đó, Trường xác định nhiệm vụ của mình là đào tạo cử nhân khoa học, đào tạo Sau đại học, NCKH và CGCN phục vụ cộng đồng.

Với mục đích xác định năng lực hiện tại của Trường trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông các cấp, Trường ĐHSP - ĐHĐN đã tiến hành TĐG theo bộ Chỉ số TEIDI, từ đó đề xuất các chương trình hành động, kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Qua TĐG, Nhà trường xác định được những điểm mạnh và hạn chế trong việc thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông. Nhà trường cũng đề ra các kế hoạch chiến lược nhằm nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tới.

Quá trình TĐG được Nhà trường thực hiện theo quy trình khoa học. Hội đồng TĐG, Ban thư ký và 07 nhóm công tác chuyên trách được phân công tiến hành TĐG năng lực đào tạo bồi dưỡng theo bộ chỉ số TEIDI là những người am hiểu về lĩnh vực ĐBCL giáo dục và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường. Báo cáo TĐG TEIDI được hoàn thiện qua nhiều dự thảo khác nhau và được lấy ý kiến toàn thể cán bộ, giảng viên (CBGV) Nhà trường.

Kết quả tự đánh giá

Kết quả TĐG với bộ tiêu chuẩn TEIDI cho thấy Nhà trường đạt điểm năng lực là 4,87. Một trong những kết quả quan trọng của báo cáo TĐG là đã chỉ ra được thực trạng, phát hiện những điểm mạnh, điểm tồn tại của Nhà trường trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên. Bên cạnh đó, Trường cũng đã xây dựng được các kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH của Trường. Cụ thể, kết quả TĐG như sau:

- *Về tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng:* Trường xác định rõ ràng tầm nhìn, sứ mạng của mình. Sứ mạng của Nhà trường được tuyên bố phù hợp với nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó, góp phần thúc đẩy sự phát triển của giáo dục phổ thông nói riêng và sự tiến bộ về kinh tế xã hội nói chung. Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp, trong đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý và các hoạt động ĐBCL là những công cụ cốt lõi giúp Nhà trường hoàn thành sứ mạng, đạt được những mục tiêu chiến lược đã đặt ra. Tuy nhiên, Nhà trường chưa xây dựng chỉ số

KPIs cụ thể cho từng vị trí việc làm, đặc biệt vị trí các chuyên viên và nhân viên phục vụ.

- *Về chương trình đào tạo*: Tính đến tháng 11 năm 2020, Nhà trường thực hiện 15/17 chương trình đào tạo (CTĐT) giáo viên và nhiều chương trình bồi dưỡng ngắn hạn như bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phổ thông; bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục mầm non; bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; bồi dưỡng NVSP cho giảng viên (GV) đại học... Các CTĐT, bồi dưỡng được thiết kế một cách khoa học, có tham khảo các chương trình tiên tiến của các trường trong và ngoài nước. Nội dung chương trình hướng đến đáp ứng nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng. Các chương trình có tính thực tế cao, đảm bảo hình thành năng lực làm việc của người học sau tốt nghiệp. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có nhiều chương trình chất lượng cao và các chương trình liên kết quốc tế để thu hút người học quốc tế tham gia học tập.

- *Về điều kiện thực hiện các CTĐT, bồi dưỡng*: Nhằm ĐBCL các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, Trường đã đầu tư hợp lý về chiến lược, nhân lực và vật lực. Hiện nay, Trường đã tiến hành tin học hóa công tác quản lý với sự phân công, phân cấp rõ ràng đến từng bộ phận, cá nhân giúp cho việc thực hiện công việc một cách thông suốt.

Đội ngũ GV, chuyên viên và nhân viên phục vụ của Trường là những người có chuyên môn phù hợp, được tuyển dụng theo đúng quy định, được tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm, đảm bảo có đầy đủ năng lực thực hiện hiệu quả các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng.

Nhà trường luôn chú trọng đầu tư cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ đào tạo và NCKH. Nhiều phòng học, phòng thực hành - thí nghiệm được trang bị những thiết bị hiện đại; hệ thống học liệu đa dạng và đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và người học. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng quan tâm phát triển cảnh quan sư phạm, tạo những điều kiện tốt nhất cho người học.

Mặc dù vậy, hệ thống CSVC được đầu tư chưa đồng bộ, chưa theo kịp những yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông.

- *Về NCKH và CGCN*: Nhận thức được vai trò rất quan trọng của NCKH, Trường đã xây dựng kế hoạch KHCN dài hạn và ngắn hạn, trong đó rất quan tâm đến lĩnh vực khoa học giáo dục. Trong những năm qua, số lượng và chất lượng các đề tài NCKH ngày càng được nâng cao, các kết quả nghiên cứu góp phần đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập từ đó nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường; các chính sách của Nhà trường đã phát huy hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH. Tuy nhiên số lượng công trình NCKH lớn chưa nhiều, chưa tương xứng với tiềm năng của Nhà trường.

- *Về hoạt động đối ngoại*: Hoạt động HTQT và đối ngoại được xác định là nhiệm vụ nhằm nâng cao vị thế, uy tín học thuật của Trường. Trường hiện có quan hệ đối tác với nhiều đơn vị trong và ngoài nước trên nhiều lĩnh vực. Nhà trường cũng thường xuyên tiến hành các hoạt động hợp tác trên lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu với các địa

phương trong nước thông qua các hợp đồng liên kết đào tạo, bồi dưỡng và các hợp đồng đặt hàng NCKH và CGCN. Trường ĐHSP - ĐHĐN cũng tích cực tham gia vào Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường sư phạm, phối hợp với các trường Đại học khác tổ chức các hoạt động, hội thảo về khoa học giáo dục. Tuy vậy, HTQT với mục đích mang lại những kết quả thiết thực về tài chính cũng như CSVC của Trường còn rất hạn chế.

- *Về các hoạt động hỗ trợ người học:* Nhà trường luôn xác định người học là đối tượng trung tâm trong các hoạt động. Ngay từ khi nhập học, người học đã được hướng dẫn đầy đủ về chương trình, quy định đào tạo, được tạo các điều kiện rèn luyện chính trị, tư tưởng, TĐTT; người học cũng được thụ hưởng các hoạt động hỗ trợ học tập từ Nhà trường, được tư vấn việc làm sau tốt nghiệp. Hoạt động của Ban liên lạc cựu SV của Nhà trường và của các khoa còn hạn chế, chưa thiết thực.

Những định hướng nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng tại Trường ĐHSP - ĐHĐN

Khái quát lại, kết quả đánh giá trên cho thấy Nhà trường có nhiều thuận lợi trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông như: đội ngũ CBGD có chuyên môn cao, đảm bảo về lượng và cơ cấu chuyên môn; các CTĐT, bồi dưỡng đa dạng, được xây dựng theo những quy định hiện hành, phù hợp với nhu cầu học tập, bồi dưỡng của người học; hệ thống quản lý đào tạo và các công việc liên quan đến các hoạt động của Trường được tổ chức khoa học, đảm bảo hiệu quả công tác quản lý. Việc phát huy những thuận lợi trên giúp Trường nâng cao năng lực trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên phổ thông.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, qua quá trình TĐG cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế như sau: hệ thống CSVC thiếu đồng bộ; trang thiết bị dạy học, thực hành - thí nghiệm chưa tương thích với thực tế giáo dục phổ thông, gây khó khăn cho người học sau tốt nghiệp; các CTĐT mặc dù đã thực hiện TĐG nhưng chưa được kiểm định bởi một tổ chức kiểm định độc lập, chưa khẳng định được uy tín, cũng như giải trình về chất lượng của Nhà trường đối với xã hội.

Định hướng:

- Đồng bộ hoá CSVC; nâng cấp trang thiết bị dạy học, thực hành - thí nghiệm phù hợp với nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông là một trong những yêu cầu cần thực hiện, nhằm góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại Trường.

- Tham gia kiểm định các CTĐT bởi các tổ chức kiểm định trong nước và quốc tế nhằm mục đích nâng cao vị thế, uy tín của Nhà trường.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1. TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược

Chỉ số 1.1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của trường.

1. Mô tả

Trường ĐHSP là cơ sở giáo dục thành viên thuộc ĐHĐN, được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ; tất cả hoạt động của Trường ĐHSP - ĐHĐN được thực hiện theo Luật Giáo dục Đại học và Điều lệ trường đại học [H1.01.01.01.01].

Trường ĐHSP đã xác định rõ tầm nhìn chiến lược trung hạn và dài hạn. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường ĐHSP số 34/NQ-ĐU ngày 9/3/2010 [H1.01.01.01.02]. Năm 2019, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy trình rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược làm căn cứ triển khai hoạt động điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường [H1.01.01.01.03].

Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn để phù hợp với sự phát triển của Nhà trường và sự thay đổi nhu cầu về chất lượng nhân lực của xã hội. Năm 2016, Nhà trường đã điều chỉnh sứ mạng và tầm nhìn sau 5 năm ban hành. Đến năm 2019, để phù hợp với vai trò là một trong 7 trường sư phạm tham gia chương trình ETEP, Trường tiếp tục điều chỉnh theo hướng lấy nhiệm vụ đào tạo giáo viên là nòng cốt và địa bàn phục vụ *trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên*, đồng thời nâng cao vai trò của hội nhập quốc tế trong cả đào tạo và NCKH. Theo đó, Nhà trường xác định tầm nhìn như sau: *“Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo”* [H1.01.01.01.04]. Năm 2018, Nhà trường khảo sát ý kiến các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn. Mặc dù số lượng phản hồi bên ngoài trường chưa nhiều nhưng kết quả khảo sát cho thấy phần lớn CBVC, SV, nhà tuyển dụng, cựu SV và các đối tượng liên quan khác đánh giá sứ mạng, tầm nhìn được xây dựng hợp lý, thể hiện được vai trò, định hướng của Nhà trường trong việc đào tạo và NCKH [H1.01.01.01.05].

Với việc xác định sứ mạng là *“Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.”*; Tầm nhìn đã thể hiện định hướng của Nhà trường trong việc thực hiện sứ mạng. Theo đó, Nhà trường ưu tiên phát

triển đào tạo và nghiên cứu khoa học trên một số lĩnh vực trọng tâm, tạo động lực nâng cao chất lượng, khẳng định uy tín của Nhà trường [H1.01.01.01.06].

Để thực hiện Sứ mạng và hiện thực hoá Tầm nhìn, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược cụ thể, trong đó bao gồm tất cả các mặt từ đào tạo, NCKH, HTQT, CSVN, tài chính, nguồn nhân lực, ĐBCL, phục vụ cộng đồng. Các mục tiêu trong chiến lược phát triển của Nhà trường đều gắn chặt với những nội dung trong sứ mạng và tầm nhìn [H1.01.01.01.07]. Năm 2018, dưới dự hỗ trợ của chuyên gia tư vấn Hong Kong, Ngân hàng Thế giới và Ban Quản lý ETEP Trung ương, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường theo các lĩnh vực được xác định trong Bộ chỉ số TEIDI với những mục tiêu, giải pháp và thời gian cụ thể cho từng hoạt động [H1.01.01.01.08].

Khi sứ mạng và tầm nhìn có sự thay đổi, Trường đã chủ động xây dựng kế hoạch để điều chỉnh Kế hoạch chiến lược với mục tiêu điều chỉnh mục đích, xác định những giải pháp phù hợp cho từng lĩnh vực hoạt động để đạt được tầm nhìn và thực hiện sứ mạng mới [H1.01.01.01.09].

2. Điểm mạnh

- Sứ mạng, tầm nhìn đã được xác định rõ ràng, định kỳ điều chỉnh, công bố công khai và tham vấn ý kiến các bên liên quan.

- Trường có kế hoạch chiến lược cụ thể để thực hiện sứ mạng và đạt được tầm nhìn.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến các bên liên quan ngoài trường về Sứ mạng, Tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến của các đối tượng ngoài Trường về sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường.	Phòng TC-HC	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, đánh giá sự phù hợp của sứ mạng, tầm nhìn với nhu cầu phát triển của Nhà trường.	Các đơn vị	2021	2025
		Đánh giá hiệu quả các chính sách trong việc thực hiện sứ mạng, đạt được tầm nhìn.	Các đơn vị	2022	2023

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của trường.

1. Mô tả

Tầm nhìn, sứ mạng có vai trò định hướng trong các hoạt động của Nhà trường nhằm mục đích hướng đến việc đảm bảo chất lượng dạy học, đào tạo và NCKH. Nhà trường có kế hoạch chi tiết để giới thiệu, phổ biến tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường đến toàn thể CBVC, người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác [H1.01.01.02.01].

Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường được công bố rộng rãi qua nhiều kênh thông tin: Các pano giới thiệu về sứ mạng, tầm nhìn được đặt trong khuôn viên để CBVC, người học, các bên liên quan dễ dàng nhận biết và cũng để tạo sức lan toả. Sứ mạng, tầm nhìn cũng được công bố trong bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và công bố công khai trên website của Trường bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh [H1.01.01.02.02].

Để triển khai tầm nhìn, sứ mạng; Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược cho từng lĩnh vực hoạt động trong đó đã xác định những mục tiêu trung và dài hạn, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và đã đề ra những giải pháp nhằm thực hiện thành công được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.02.03].

Kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và đề ra những giải pháp để thực hiện từng lĩnh vực hoạt động. Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược, Nhà trường cụ thể hóa trong mục tiêu, nhiệm vụ của từng năm học. Các nhiệm vụ của từng năm học được rà soát, đánh giá định kì theo từng quý và được đánh giá tổng kết thường niên [H1.01.01.02.04].

Trường có đủ các nguồn lực để thực hiện sứ mạng và tầm nhìn: đội ngũ GV của Trường là những người có trình độ cao, có biên chế cơ hữu, hợp đồng không xác định thời hạn và ổn định; đội ngũ cán bộ quản lí, nhân viên có kinh nghiệm; uy tín của Trường có sức thu hút các GV, SV, công ty, tổ chức trong và ngoài nước; CSVC (phòng học, phòng Lab, phòng máy tính, mạng Internet..) về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng [H1.01.01.02.05].

Kết quả thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Nhà trường được rà soát, đánh giá theo chu kì 5 năm 1 lần theo nhiệm kì Đại hội Đảng bộ Trường [H1.01.01.02.06].

Trường đã tiến hành khảo sát sinh viên về mức độ tiếp cận của sinh viên đối với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong các đợt học chính trị đầu khóa. Kết quả

khảo sát cho thấy trên 95% đã tiếp cận với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.02.07].

2. Điểm mạnh

- Sứ mạng, tầm nhìn được phổ biến rộng rãi đến tất cả các đối tượng bên trong Nhà trường.

- Kế hoạch Chiến lược phát triển Nhà trường bám sát với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường đã đặt ra. Kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và đề ra những giải pháp để thực hiện từng lĩnh vực hoạt động. Nhà trường cụ thể hóa trong mục tiêu, nhiệm vụ của từng năm học. Các nhiệm vụ của từng năm học được rà soát, đánh giá định kì theo từng quý và được đánh giá tổng kết thường niên

3. Điểm tồn tại

Chưa đánh giá được mức độ tiếp cận của các bên liên quan ngoài Trường đối với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan ngoài Trường về sứ mạng, tầm nhìn	Phòng TCHC	2021	2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các seminar để giúp các đối tượng liên quan hiểu sâu sắc hơn về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường	Phòng TCHC	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

* Tự đánh giá Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược

Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số: 1.1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của trường.					X		
Chỉ số: 1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các				X			

<i>hoạt động của trường.</i>							
Điểm TB của tiêu chí	4.5						

Tiêu chí 1.2. Quản lí

Chỉ số 1.2.1. Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực.

1. Mô tả

Mô hình quản lí chính thức của Trường ĐHSP - ĐHĐN xây dựng căn cứ theo Luật Giáo dục ngày 14/6/2019, Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐN, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc [H1.01.02.01.01].

Cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm Hội đồng Trường; Ban Giám hiệu (BGH); các phòng chức năng; các khoa và bộ môn; tổ trực thuộc; các trung tâm trực thuộc; Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H1.01.02.01.02]. Trên cơ sở sứ mạng, tầm nhìn, [H1.01.02.01.03], Trường đã ban hành nhiều chính sách, quy định, quy chế nhằm thực hiện và triển khai chiến lược phát triển phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Tất cả các chính sách, quy trình, quy định, công cụ quản lí được xây dựng đảm bảo tính khoa học, công khai, dân chủ, mọi thành viên trong Trường được đóng góp ý kiến trước khi Hiệu trưởng quyết định, phê duyệt và tổ chức thực hiện. Đặc biệt là được phổ biến rộng rãi đến tất cả CBVC với nhiều hình thức khác nhau như các cuộc họp giao ban giữa lãnh đạo Trường và Thủ trưởng các đơn vị, văn thư điện tử (<http://vanthudentu.ued.udn.vn>) và hệ thống trang thông tin điện tử của Trường (<https://ued.udn.vn>) [H1.01.02.01.04].

Để đảm bảo thực hiện hiệu quả các chính sách, quy định, quy chế đã đề ra và thực hiện đúng kế hoạch chiến lược, có nhiều công cụ cũng được xây dựng, ban hành nhằm điều chỉnh, đánh giá mọi mặt hoạt động của cán bộ, viên chức, người lao động cũng như hoạt động của Nhà trường. Trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định nội bộ về tổ chức, quản lí như: Chiến lược phát triển Trường ĐHSP - ĐHĐN giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.02.01.05]; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.02.01.06]; Quy chế hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.01.02.01.07]; quy chế dân chủ cơ sở trong hoạt động của Nhà trường [H1.01.02.01.08]; quy chế chi tiêu nội bộ; đề án vị trí việc làm [H1.01.02.01.09]; quy định về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng [H1.01.02.01.10]; Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ [H1.01.02.01.11]; Quy định về hoạt động

đối ngoại [H1.01.02.01.12] và những quy định cụ thể khác có nội dung liên quan. Trong đó phân định rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên và nhân viên: Quy định chức năng và nhiệm vụ của các phòng và tổ trực thuộc của Trường ĐHSP - ĐHDN [H1.01.02.01.13].

Cùng với các quy định, quy chế; nhằm đảm bảo hoạt động của Nhà trường hiệu quả, đáp ứng được kế hoạch chiến lược thì nhân tố con người cũng được Nhà trường đề cao và coi đây là nhân tố quyết định. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển, Trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ theo từng năm với các mục tiêu và chỉ số cụ thể. Các nhiệm vụ được giao cho các đơn vị và cá nhân cụ thể với các mốc thời gian xác định giúp Trường quản lý CBVC một cách có hiệu quả, cũng như hỗ trợ CBQL, GV và NV, kỹ thuật viên phát huy năng lực của mình [H1.01.02.01.14].

Để khuyến khích đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường phát huy tốt năng lực của mình, Trường đã ban hành hệ thống các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, về nghiên cứu khoa học; đồng thời ban hành và thực hiện các quy định về chế độ làm việc của giảng viên, viên chức hành chính; đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng [H1.01.02.01.15]; xây dựng và thực hiện Đề án vị trí việc làm, trong đó chú trọng việc xây dựng và hoàn thiện bản mô tả công việc, tiến tới thực hiện bộ chỉ số KPIs để đánh giá hiệu quả công việc của từng đơn vị, từng cá nhân [H1.01.02.01.16]. Trên cơ sở các quy định này, Trường cụ thể hóa thành các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm để thực hiện [H1.01.02.01.17].

Nhà trường áp dụng mô hình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong các hoạt động [H1.01.02.01.18]. Nhà trường cũng đã xây dựng các Quy định về đào tạo Chính quy, vừa làm vừa học, sau đại học, bồi dưỡng ngắn hạn như: Quy định đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định yêu cầu kỹ năng sử dụng CNTT đối với sinh viên đại học hệ chính quy; Quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đầu ra đối với sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo đại trà; Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ; Các Quy định về hoạt động KHCN trong trường như Hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN cấp Khoa tại Trường ĐHSP; Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường; Quy định về hoạt động hợp tác quốc tế tại Trường ĐHSP; Quy định tham dự Hội nghị, Hội thảo KH và Quy định khen thưởng hoạt động KH&CN, do đó công tác quản lý của Nhà trường được thực hiện chuyên nghiệp và hiệu quả hơn [H1.01.02.01.19].

Trong quá trình thực hiện chính sách, quy định, quy chế để nâng cao hiệu quả hoạt động của mình, Trường đã có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy định, quy chế để nâng cao hiệu quả hơn nữa công tác quản trị của Trường. Qua rà soát, Trường đã điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn phù hợp với định hướng phát triển của Trường và nhu cầu của xã hội, làm cơ sở để ban hành mới các chính sách, kế hoạch nhằm phù hợp với sứ mạng hiện nay [H1.01.02.01.20]. Sau khi

điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn, Trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2017 - 2022 làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ từng năm [H1.01.02.01.21, H1.01.02.01.22]. Năm 2019, Quy định về công tác văn thư lưu trữ được ban hành mới, thay thế quy định không còn phù hợp. Cũng trong năm 2019, khi các văn bản hướng dẫn có yêu cầu thay đổi, ĐHĐN và Trường ĐHSP cũng ban hành mới Quy định quản lý và giải quyết văn bản hành chính theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Ban hành quy định khen thưởng KHCN vào năm 2017 và điều chỉnh vào năm 2019 theo hướng tăng cường hỗ trợ, khuyến khích đội ngũ CBVC tham gia nghiên cứu và tăng cường công bố khoa học trong và ngoài nước [H1.01.02.01.23].

Từ thực tiễn, Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy định khen thưởng hoạt động KH&CN đã điều chỉnh mức hỗ trợ đăng bài báo khoa học quốc tế. Nhà trường cũng ban hành quy định hỗ trợ CBVC tham dự hội nghị, hội thảo nhằm khuyến khích GV nâng cao chất lượng dạy học, tăng cường các hoạt động trao đổi chuyên môn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay [H1.01.02.01.24]. Đảng ủy Trường đã xây dựng và ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển Nhà trường giai đoạn mới [H1.01.02.01.25].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đầy đủ các chính sách, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc ban hành các văn bản, quy định của Trường sau khi Luật Giáo dục đại học sửa đổi có hiệu lực còn chậm do phải chờ Đại học Đà Nẵng ban hành quy chế, hướng dẫn.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng lại hệ thống văn bản theo quy định của Luật Giáo dục đại học sửa đổi	Phòng TCHC, các đơn vị chức năng	1/2021	12/2021

4	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật, xây dựng bổ sung các văn bản quản lý cũ Nhà trường	Phòng TCHC	1/2021	12/2021
---	--------------------	---	------------	--------	---------

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm.

1. Mô tả

Tính đến tháng 12/2020, Trường có 333 CBVC, trong đó có 239 giảng viên (12 PGS; 110 TS) phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH. Căn cứ đề án vị trí việc làm đã được Đại học Đà Nẵng phê duyệt, hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng cán bộ viên chức (CBVC) đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị. Thông báo tuyển dụng được công khai bằng văn bản, trên website của Khoa, Trường, ĐHDN và trên các phương tiện thông tin để thông báo đến được với nhiều tổ chức, cá nhân. Tất cả ứng viên đều được các đơn vị sử dụng trực tiếp xét hồ sơ và tham gia kì thi tuyển viên chức hoặc sát hạch về chuyên môn, nghiệp vụ [H1.01.02.02.01, H1.01.02.02.02]. Đội ngũ GV được tuyển dụng thông qua nhu cầu và đề xuất vị trí việc làm từ khoa chuyên môn đã được phê duyệt nên kịp thời bù khuyết vào những thiếu hụt nhân sự. Các ứng viên được sơ tuyển qua quy trình xét hồ sơ dự tuyển trước khi được Hội đồng tuyển dụng của Nhà trường thông qua. Đội ngũ GV giảng dạy thực hành của Trường đã được đào tạo đúng chuyên môn và được bố trí làm việc ở phòng thí nghiệm, thực hành của các Khoa Hóa học, Sinh - Môi trường, Tin học, Vật lí, Địa lí [H1.01.02.02.03].

Căn cứ các yêu cầu phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 – 2025, Trường đã triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm giai đoạn 2020 -2022 và tiếp tục hoàn thiện, bổ sung vào các năm tiếp theo, trong đó có mô tả chi tiết vị trí việc làm và yêu cầu về năng lực của nhân sự của từng vị trí. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên, chuyên viên, nhân viên các phòng chức năng và tổ trực thuộc được bố trí, phân công nhiệm vụ rõ ràng theo đề án vị trí việc làm và phù hợp năng lực sở trường của từng cá nhân [H1.01.02.02.04]. Đề án là kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá về đội ngũ nhân sự, về định hướng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ hiện tại và tương lai. Các đơn vị trong toàn Trường đều tích cực tham gia xây dựng Đề án này và Phòng TCHC là đầu mối tập hợp, triển khai theo đúng quy định, trình tự, biểu mẫu của Bộ GD&ĐT và trình Đại học Đà Nẵng phê duyệt [H1.01.02.02.05].

Nhằm đảm bảo tốt vai trò, chức năng của từng vị trí nhân sự với năng lực chuyên môn, sau khi được tuyển dụng, Nhà trường đã cử viên chức tham gia các lớp nghiệp vụ theo đúng yêu cầu của vị trí được tuyển dụng như các lớp nghiệp vụ sư phạm cho GV và bồi dưỡng quản lý Nhà nước, kỹ năng hành chính, văn thư lưu trữ cho chuyên viên [H1.01.02.02.06].

Trường cũng đã ban hành quy định về tiêu chuẩn, định mức giờ lao động của giảng viên, viên chức hành chính, phục vụ; quy định về đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của Trường, yêu cầu các ứng viên thực hiện cam kết thực hiện lộ trình học tập nâng cao trình độ [H1.01.02.02.07]. Chính vì vậy, các quy định về năng lực chuyên môn của các nhân sự đã đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm trong Trường. Hằng năm, Trường đều tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với từng cá nhân thông qua bộ tiêu chí đánh giá. Đối với GV, Nhà trường đánh giá theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng chuyên môn và nhiệm vụ khác [H1.01.02.02.08]. Đối với chuyên viên, kỹ sư, Nhà trường đánh giá dựa trên khối lượng công việc hoàn thành và nhiệm vụ khác theo quy định [H1.01.02.02.09].

Kết quả đánh giá từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019 - 2020, CBVC đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên, nhiều CBVC được nâng bậc lương trước thời hạn, điều này cho thấy năng lực chuyên môn của từng cá nhân đã đáp ứng được yêu cầu của công việc [H1.01.02.02.10]. Ngoài ra, đối với viên chức tập sự, sau thời gian tập sự phải thực hiện báo cáo kết quả tập sự và được đơn vị đánh giá kết quả quá trình tập sự đảm bảo đáp ứng được đủ các điều kiện, tiêu chuẩn, năng lực mới được bổ nhiệm chính thức vào chức danh vị trí việc làm và ký hợp đồng làm việc tiếp theo, kết quả đánh giá tập sự cho thấy 100% viên chức tập sự được đánh giá mức khá, tốt ở vị trí việc làm của mình. Trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học đối với giảng viên, chuyên viên phục vụ với kết quả cho thấy hầu hết được đánh giá mức khá và tốt [H1.01.02.02.11]. Tuy nhiên, số lượng sáng kiến kinh nghiệm hoặc giải pháp cải tiến kỹ thuật của các chuyên viên và kỹ thuật viên chưa nhiều và một số GV chưa thực hiện đúng cam kết lộ trình học tập, nâng cao trình độ. Nhà trường cũng đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư lưu trữ và hỗ trợ soạn thảo văn bản cho khối chuyên viên văn phòng; mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, lãnh đạo của Nhà trường [H1.01.02.02.12].

Trường định kỳ (2 năm/1 lần) quy hoạch, rà soát, điều chỉnh bổ sung đội ngũ CBVC cho các đơn vị phù hợp với vị trí việc làm, phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ cũng như chương trình đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực đội ngũ bảo đảm tính công khai, minh bạch [H1.01.02.02.13]. Trường cũng định kỳ rà soát đánh giá năng lực nhân sự của từng vị trí việc làm thông qua các Hội nghị tổng kết năm học, hội nghị CBVC hàng năm và kết quả phân loại cán bộ viên chức hàng năm [H1.01.02.02.14]. Ngoài ra Trường còn định kỳ rà soát đánh giá năng lực nhân sự của

từng vị trí việc làm thông qua kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên [H1.01.02.02.15]. Qua rà soát trình độ, yêu cầu chức danh nghề nghiệp của đội ngũ viên chức, Nhà trường có kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng, cử cán bộ đi học tập chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, đồng thời có các cơ chế khuyến khích, động viên đối với cán bộ, viên chức tham gia học tập [H1.01.02.02.16]. Qua đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, giảng viên, nhân viên, kỹ thuật viên đã vận dụng và phát huy tốt những kiến thức được đào tạo, bồi dưỡng vào công tác chuyên môn. Mỗi năm, có hàng chục giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trong và ngoài nước [H1.01.02.02.17]. Nhà trường tổ chức lấy phiếu khảo sát sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, theo đó tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy đều được đánh giá [H1.01.02.02.18]. Nhà trường bước đầu đã sử dụng kết quả phản hồi này để tìm cách cải thiện chất lượng giảng dạy.

2. Điểm mạnh

Đề án vị trí việc làm được xây dựng theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được định kỳ rà soát và điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường theo từng giai đoạn.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có bộ tiêu chí đánh giá xếp loại CBVC, tuy nhiên bộ tiêu chí chưa đo lường một cách toàn diện đối với đội ngũ chuyên viên, kỹ sư và người lao động.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá xếp loại CBVC đối với đội ngũ chuyên viên, kỹ sư và người lao động.	Phòng TCHC, các đơn vị chức năng	1/2021	12/2021
1	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sắp xếp vị trí việc làm của đội ngũ CBVC và người lao động nhằm tăng hiệu suất làm việc.	Phòng TCHC	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá:

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 1.2.3. Nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kì và theo yêu cầu

1. Mô tả

Trường đã phân định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị cũng như của từng cá nhân xây dựng hệ thống phiếu đánh giá và xếp loại bằng các mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân thông qua Đề án Vị trí việc làm (Mỗi vị trí việc làm của Nhà trường hiện nay đã được quy định cụ thể về tiêu chuẩn, chế độ làm việc) [H1.01.02.03.01]; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng chức năng và các Tổ trực thuộc [H1.01.02.03.02] và Hướng dẫn về việc đánh giá, phân loại viên chức năm học 2019-2020 [H1.01.02.03.03]. Trường cũng áp dụng biện pháp kỹ thuật trong quản lý giờ làm việc của khối cán bộ hành chính bằng hình thức sử dụng dấu vân tay trong đăng ký giờ làm việc [H1.01.02.03.04].

Đặc biệt, để thực hiện đầy đủ trách nhiệm và giải trình, đầu mỗi năm học Nhà trường đều ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm học cho từng đơn vị, hướng dẫn tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức của từng đơn vị, từ cấp bộ môn, tổ chuyên môn, tổ công tác, trong đó nhiệm vụ của từng cán bộ, giảng viên, nhân viên được mô tả rõ ràng, mọi người đều được tham gia góp ý xây dựng và được công khai trước khi thực hiện [H1.01.02.03.05].

Trong hoạt động đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, trong công tác thi đua khen thưởng các biểu mẫu quy định về kê khai, giải trình được xây dựng khoa học, cơ bản đáp ứng theo yêu cầu của các văn bản hướng dẫn, văn bản quy phạm pháp luật. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được căn cứ từ ba phía: Tự đánh giá, đánh giá từ đồng nghiệp và đánh giá của cán bộ lãnh đạo, quản lý. CBVC phải có trách nhiệm tự đánh giá công tác của cá nhân sau mỗi năm học và thủ trưởng các đơn vị (khoa/phòng/tổ/trung tâm) thực hiện đánh giá cá nhân theo các mảng công tác được giao được thể hiện qua Phiếu đánh giá, xếp loại giảng viên, chuyên viên, kỹ sư và biên bản họp đánh giá kết quả thi đua cuối năm của các đơn vị trong trường [H1.01.02.03.06].

Trên cơ sở kết quả đánh giá viên chức của các đơn vị, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường cùng xem xét, đánh giá kết quả công tác của CBQL, cá nhân trong các đơn vị và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả xếp loại CBVC và người lao động để chi lương tăng thêm theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của mỗi cá nhân [H1.01.02.03.07]. Kết quả đánh giá cho thấy đa số đội ngũ CBVC và người lao động đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1.01.02.03.08].

Trường ĐHSP-ĐHĐN cũng đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường, quy định cụ thể về nguyên tắc, trách nhiệm, nội dung thực hiện dân chủ phù hợp với mục tiêu và sứ mạng của Trường [H1.01.02.03.09]. Cùng với các hoạt động giám sát của Hội đồng trường đối với các hoạt động của Nhà trường. Trường thực hiện giám sát

hoạt động giải trình thông qua các kế hoạch, chương trình giám sát của các bộ phận Thanh tra – Pháp chế, Ban thanh tra Nhân dân, ủy ban kiểm tra của Công đoàn Trường, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy trường [H1.01.02.03.10]. Cán bộ, viên chức, theo đó, được biết và giám sát các hoạt động của Trường; được quyền chất vấn, tham gia, đóng góp ý kiến cho những công việc chung theo quy định. Trách nhiệm giải trình của các bộ phận, các cán bộ liên quan, vì vậy, cũng được thực hiện nghiêm túc.

Ngoài đánh giá kết quả hoạt động của cá nhân theo năm học, Nhà trường cũng yêu cầu thực hiện công khai, minh bạch tài sản đối với người thuộc diện phải kê khai; giải trình kết quả công tác theo nhiệm kỳ hoặc trước khi quy hoạch, bổ nhiệm như: cá nhân thuộc diện CBQL hoặc đề nghị bổ nhiệm, tái bổ nhiệm thực hiện bản tự đánh giá nhiệm vụ công tác, sau đó trình bày trước tập thể đơn vị để lấy ý kiến nhận xét và trình bày trước BGH hoặc Ban Chấp hành Đảng bộ [H1.01.02.03.11]. Ngoài ra, Nhà trường cũng giải trình những kiến nghị của viên chức và người lao động tại Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.02.03.12]. Giám sát thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trong trường thông qua các cuộc họp giao ban thủ trưởng. Hàng năm vào cuối năm học Nhà trường tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tất cả CBVC theo vị trí việc làm, bằng các loại phiếu đánh giá khác nhau [H1.01.02.03.13]. Lấy kết quả đánh giá làm tiền đề cho công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường được Nhà trường rà soát, điều chỉnh bổ sung nhằm đảm bảo tính minh bạch khi nhân sự thực thi nhiệm vụ thông qua một số phương thức như các quy định, quy chế các văn bản hướng dẫn tổng kết đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch năm học; các văn bản hướng dẫn tổ chức Hội nghị CBVC năm học; văn bản hướng dẫn tổ chức tổng kết Đảng hàng năm [H1.01.02.03.14].

Qua các hoạt động Tổng kết năm học, Hội nghị viên chức, Hội nghị cán bộ cốt cán..., Nhà trường đã nhanh chóng nắm bắt và có các điều chỉnh, thay đổi trong việc ban hành các quy định nhằm đảm bảo tính khả thi, tính thực tiễn. Thông qua các đợt xét thi đua, Nhà trường đều tổ chức rà soát quy chế đánh giá, xếp loại viên chức để đánh giá tính hiệu quả của quy chế này; qua đó nhằm điều chỉnh, cập nhật xếp loại cán bộ lãnh đạo - quản lý, GV, viên chức hành chính và nhân viên phục vụ [H1.01.02.03.15]. Trường nhận thấy để công tác đánh giá, xếp loại được thực hiện một cách khoa học, công bằng, hiệu quả, đảm bảo chính xác mức độ hoàn thành công việc của CBGV và cán bộ quản lý phù hợp với chuẩn GV, Nhà trường cần cải tiến bộ tiêu chí và hệ thống đánh giá CBVC. Vì vậy, từ cuối năm 2018, Nhà trường đã tổ chức tập huấn xây dựng KPIs cho CBVC của Nhà trường [H1.01.02.03.16]. Năm 2019, Trường đã xây dựng bộ tiêu chí và áp dụng bộ chỉ số đánh giá CBVC dựa trên năng lực thực hiện công việc vào năm 2020 [H1.01.02.03.17]. Năm học 2019 – 2020 Nhà trường đã áp dụng bộ đánh giá, phân loại cán bộ viên chức mới theo Hướng dẫn số 70/HD-ĐHSP và Thông báo số 584/TB-ĐHSP. Trong năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục tổ chức điều

chính quy chế đánh giá, xếp loại viên chức theo nghị định 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ [H1.01.02.03.18].

2. Điểm mạnh

Các đơn vị và đội ngũ nhân sự thực hiện nghiêm túc các quy định về giải trình, chế độ thông tin, báo cáo.

3. Điểm tồn tại

Công tác giám sát, kiểm tra lại sau giải trình, báo cáo còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Triển khai thực hiện các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các giải trình, báo cáo.	Phòng TCHC	1/2021	12/2021
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về giải trình, chế độ thông tin, báo cáo	Phòng TCHC	1/2021	12/2021

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

* Tự đánh giá Tiêu chí 1.2. Quản lý

Tiêu chí 1.2. Quản lý	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 1.2.1. Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực.</i>					X		
<i>Chỉ số 1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm.</i>					X		
<i>Chỉ số 1.2.3. Nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chí 1.3. Đảm bảo chất lượng

Chỉ số 1.3.1. Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.

1. Mô tả

Đảm bảo chất lượng trong việc quản lý, điều hành và thực hiện công việc luôn là ưu tiên hàng đầu trong tất cả các lĩnh vực của Nhà trường, hướng đến hoàn thành Sứ mạng và đạt được Tầm nhìn mà Nhà trường đã xác định.

Nhà trường chủ động rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, xây dựng chính sách chất lượng và chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục, tiến hành tự đánh giá và trở thành cơ sở giáo dục đại học đầu tiên trong cả nước được đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng vào năm 2016. Năm 2016, Nhà trường đã ban hành *Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn 2030*. Đến năm 2020, Nhà trường đã tiến hành rà soát và xây dựng *Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn 2030*. Chiến lược đảm bảo chất lượng của Nhà trường bám sát Chiến lược đảm bảo chất lượng của Đại học Đà Nẵng và phù hợp với bối cảnh thực tiễn, định hướng và tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN. Chiến lược ĐBCL giáo dục của Nhà trường được đưa vào triển khai trong thực tế và được rà soát đánh giá [H1.01.03.01.01].

Trường vận hành quản lý theo Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Với hệ thống này, tất cả các khâu từ ở các lĩnh vực công việc đều được quy trình hóa đảm bảo các hoạt động diễn ra một cách thông suốt và thuận lợi. Việc sử dụng hệ thống quy trình cùng với các biểu mẫu vừa giúp cho việc thực hiện công việc đảm bảo các yêu cầu, vừa giúp đơn giản hoá thủ tục hành chính, việc lưu trữ tài liệu cũng được thực hiện thuận lợi. Hệ thống ISO của Nhà trường đã được cải tiến định kì theo thực tế công việc và đã được nâng cấp từ hệ thống 9001:2008 lên hệ thống 9001:2015 [H1.01.03.01.02].

Nhà trường đã thành lập tổ Đảm bảo chất lượng từ năm 2009 với vai trò là đơn vị chuyên trách thực hiện việc tham mưu các chính sách ĐBCL cho Ban Giám hiệu, thực hiện các nhiệm vụ ĐBCL. Đến năm 2014, phòng Khảo thí và ĐBCLGD được thành lập với nhiệm vụ tham mưu cho BGH về công tác Khảo thí và ĐBCL giáo dục; xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động TĐG và khảo thí trong phạm vi toàn Trường nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng. Biên chế hiện nay của Phòng KT&ĐBCLGD có 05 CBVC; trong đó có 03 thạc sĩ và 02 cử nhân. Cán bộ của Phòng KT&ĐBCLGD đã được tham dự nhiều lớp tập huấn về ĐBCL bên trong, TĐG và đánh giá ngoài; các hội thảo chuyên đề về hoạt động ĐBCL do Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý Chất lượng, ĐHĐN và Trường tổ chức. Đội ngũ cán bộ của Phòng Khảo thí & ĐBCLGD là những người có năng lực, có kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục; có khả năng tham mưu, triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá, ĐBCL giáo dục nhằm nâng cao hoạt động toàn diện của Trường [H1.01.03.01.03].

Về mặt chính sách, Nhà trường xác định đảm bảo chất lượng cần cần được thực hiện trong tất cả các hoạt động được tiến hành trong trường, và thu hút được sự tham gia của toàn thể CBVC. Để đảm bảo được việc thực hiện chính sách chất lượng trong Trường, Nhà trường xây dựng mạng lưới và hệ thống ĐBCL bên trong. Mạng lưới ĐBCL nội bộ của trường được tổ chức thành Hội đồng ĐBCL cấp Trường và cấp Khoa. Mỗi đơn vị chức năng và các khoa chuyên môn đều có cán bộ tham gia vào mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm 01 lãnh đạo phụ trách và các cán bộ viên chức của đơn vị, giúp việc triển khai các công việc ĐBCL trong Trường được thực hiện tốt [H1.01.03.01.04].

Ngoài các cán bộ của Phòng Khảo thí & ĐBCLGD được tham gia các lớp bồi dưỡng về ĐBCL, các lãnh đạo, các cán bộ của các đơn vị trong Trường cũng được tham gia các khóa tập huấn, đào tạo về công tác ĐBCL do Bộ GD&ĐT tổ chức, các khóa đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục... nhờ đó giúp nâng cao năng lực của cán bộ, viên chức về hoạt động ĐBCL [H1.01.03.01.05].

2. Điểm mạnh

Trường có chính sách, chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục phù hợp. Đơn vị chuyên trách về ĐBCL được hình thành sớm với đội ngũ cán bộ viên chức có chuyên môn phù hợp, đủ năng lực để triển khai các công tác đảm bảo chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Biên chế đơn vị chuyên trách ĐBCL còn ít để triển khai các hoạt động ĐBCL mang tính toàn diện.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung nhân sự cho Phòng KT&ĐBCL	Phòng TCHC	2021	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện Hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường theo cách tiếp cận của AUN-QA	Phòng Khảo thí	2021	2025

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 1.3.2. Trường đã tiến hành TĐG cấp Trường, TĐG cấp CTĐT nhằm cải thiện chất lượng giáo dục.

1. Mô tả

Trường đã triển khai TĐG cấp cơ sở giáo dục và cấp CTĐT. Trường ĐHSP là cơ sở đầu tiên trong cả nước được kiểm định và được công nhận đạt chuẩn chất lượng bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội vào năm 2016 [H1.01.03.02.01]. Hiện nay Trường đang tiến hành TĐG theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT và chuẩn bị các công tác cần thiết để đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học vào năm 2021 [H1.01.03.02.02].

Bên cạnh công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Nhà trường còn tiến hành triển khai TĐG CTĐT. Trường đã tiến hành TĐG 12 CTĐT ngành sư phạm theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên THPT trình độ Đại học, trong đó ngành SP Ngữ văn đã được Bộ GD&ĐT đánh giá ngoài vào năm 2013 [H1.01.03.02.03].

Năm 2018, Trường đã tiến hành đánh giá ngoài CTĐT sư phạm Vật lý theo tiêu chuẩn AUN-QA [H1.01.03.02.04], đây là CTĐT giáo viên đầu tiên trong cả nước được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo AUN-QA [H1.01.03.02.05]. Năm 2019, Trường hoàn thành TĐG 03 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, các CTĐT này đã kí hợp đồng kiểm định chất lượng với Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Vinh và sẽ đánh giá ngoài vào tháng 12 năm 2020 [H1.01.03.02.06].

Đối với các chương trình đào tạo còn lại, Nhà trường đã xây dựng lộ trình kiểm định tất cả các chương trình trong giai đoạn từ 2020 đến 2027. Lộ trình này đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, Chiến lược đảm bảo chất lượng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng và kế hoạch năm học [H1.01.03.02.07].

Thông qua hoạt động TĐG và đánh giá ngoài, Nhà trường đã thấy rõ được điểm mạnh, tồn tại và triển khai những kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng phát triển Nhà trường [H1.01.03.02.08]. Tuy nhiên, số lượng CTĐT của Nhà trường được kiểm định bởi tổ chức kiểm định độc lập, đặc biệt là tổ chức kiểm định quốc tế như AUN-QA, còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHSP - ĐHN là cơ sở giáo dục Đại học đầu tiên được kiểm định và công nhận đạt chuẩn chất lượng bởi một tổ chức kiểm định chất lượng độc lập và đã hoàn thành TĐG tất cả CTĐT giáo viên theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá của Bộ GD&ĐT đối với các ngành sư phạm.

- Trường đã có CTĐT giáo viên được đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng của một tổ chức kiểm định quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các CTĐT của Nhà trường được kiểm định bởi tổ chức kiểm định độc lập, đặc biệt là tổ chức kiểm định quốc tế còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức TĐG Trường và các chương trình đào tạo theo đúng lộ trình	Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị	2021	2027
2	Phát huy điểm mạnh	Vận dụng những kế hoạch cải tiến đã được xác định qua quá trình tự đánh giá để cải tiến và nâng cao chất lượng Nhà trường và chương trình đào tạo	Các đơn vị	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 1.3.3. Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.

1. Mô tả

Nhà trường đang thực hiện việc quản lý người học, CBVC, hoạt động đào tạo, NCKH, tài chính, ĐBCL và các lĩnh vực công việc khác thông qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ <http://qlht.ued.udn.vn>. Dữ liệu về người học, giảng viên và các điều kiện phục vụ cho công việc điều hành, quản lý và tổ chức đào tạo được lưu trữ trên hệ thống này, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trích xuất và phân tích dữ liệu [H1.01.01.03.01].

Hệ thống quản lý thông tin bao gồm dữ liệu về người học toàn trường, theo khoa quản lý, ngành học, ban cán sự lớp, ban chấp hành chi đoàn hoặc theo các yêu cầu khác về dữ liệu; có thông tin chi tiết của người học từ lúc tuyển sinh, nhập học, tình trạng sức khỏe, tình hình học tập, kết quả học tập, điều kiện gia đình, thông tin liên lạc giúp Nhà trường quản lý sinh viên một cách toàn diện [H1.01.01.03.02]. Các thông tin của SV được cập nhật theo từng kì và được liên kết trực tiếp đến tài khoản của SV đảm bảo SV có thể dễ dàng cập nhật, đối chiếu và so sánh. Đối với SV mới nhập học, sau khi tiếp nhận hồ sơ SV, phòng CTSV cấp tài khoản cá nhân cho SV và cập nhật thông tin SV lên hệ thống bao gồm các thông tin cá nhân, điểm trúng tuyển, thành phần gia đình, nơi cư trú, nơi học THPT... [H1.01.01.03.03].

ĐHSP là trường thành viên của ĐHĐN, do đó Trường có hệ thống quản lý CBGV và người học bằng phần mềm liên thông trong ĐHĐN. Thông tin của từng GV về trình độ đào tạo, ngạch viên chức... được quản lý bằng phần mềm quản lý cán bộ tại địa chỉ <http://hrm.udn.vn>, khi có những biến động về CBGV như về trình độ học vấn, bằng cấp sẽ được cập nhật vào phần mềm; việc quản lý hoạt động NCKH cũng được quản lý bằng phần mềm trực tuyến. GV cập nhật lịch khoa học tại <http://scv.ued.udn.vn/>. Hằng năm, trên cơ sở các dữ liệu được cập nhật trên hệ thống phần mềm kết hợp với các minh chứng bằng văn bản, Nhà trường tính điểm công trình NCKH cho GV. Các thông tin thu thập bằng phần mềm được gửi cho các đối tượng liên quan để kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và công bằng [H1.01.01.03.04].

Trường thường xuyên tiến hành rà soát, bổ sung và cập nhật phần mềm để nâng cao hiệu quả trong việc quản lý và điều hành Nhà trường [H1.01.01.03.05].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống quản lý thông tin về CBGV, SV bằng phần mềm; đảm bảo truy xuất dữ liệu một cách nhanh chóng.

3. Điểm tồn tại

Một số lĩnh vực hoạt động của Nhà trường còn sử dụng hệ thống riêng, chưa tích hợp vào hệ thống quản lý qlht.ued.udn.vn của Trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tích hợp các module riêng lẻ vào phần mềm quản lý hệ thống	Tổ CNTT & TT; các đơn vị	2020	2023
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện phần mềm, bổ sung các biểu mẫu phục vụ trích xuất dữ liệu và báo cáo.	Tổ CNTT & TT; các đơn vị	2020	2023

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7
				X		

Chỉ số 1.3.4. Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.

1. Mô tả

Nhà trường quy định rõ ràng, có hệ thống hỗ trợ việc thu thập thông tin phản hồi từ người học về trải nghiệm và tiến bộ học tập [H1.01.03.04.01]. Mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành xét học vụ và đánh giá kết quả rèn luyện của người học để theo dõi kết quả xếp loại học tập, rèn luyện; phân tích xu hướng thay đổi trong kết quả học tập và rèn luyện của người học; đề xuất các giải pháp để hỗ trợ người học cải tiến thành tích học tập; nâng cao tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp; giảm tỉ lệ thôi học, buộc thôi học và tỉ lệ người học bị cảnh báo học vụ; giảm tỉ lệ sinh viên xếp loại rèn luyện dưới Trung bình [H1.01.03.04.02].

Nhà trường có đội ngũ giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập để theo dõi, hướng dẫn, tư vấn cho sinh viên trong học tập. Cố vấn học tập là cầu nối giữa sinh viên với Nhà trường để Trường theo dõi và quản lý được sự tiến bộ của người học [H1.01.03.04.03].

Nhà trường có hệ thống phản hồi trực tuyến và tiến hành lấy ý kiến người học thông qua phiếu trả lời câu hỏi cuối mỗi học kỳ về hoạt động giảng dạy cũng như các hoạt động khác của Nhà trường. Theo kế hoạch đào tạo hằng năm, sau khi kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí & ĐBCLGD xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát ý kiến người học về trải nghiệm học tập thông qua việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên [H1.01.03.04.04].

Trường cũng khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động hằng năm để thu thập thông tin phản hồi về tình hình việc làm của sinh viên sau 6 tháng và 1 năm khi tốt nghiệp, về mức độ đáp ứng thị trường lao động cũng như các ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chương trình đào tạo. Kết thúc các đợt thực tập sư phạm, nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác thực tập sư phạm để đánh giá khả năng đáp ứng của sinh viên trong môi trường công việc ở giáo dục phổ thông, bên cạnh đó nhà trường cũng nhận được ý kiến phản hồi từ các giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục phổ thông về năng lực của người học [H1.01.03.04.05].

Bên cạnh quản lý các thông tin cơ bản của GV về khối lượng giảng dạy, NCKH; Nhà trường cũng xây dựng hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan về chất lượng giảng dạy. Mỗi học kỳ, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến SV về công tác giảng dạy của GV; lấy ý kiến của GV, SV về chất lượng phục vụ của các phòng ban chức năng, thư viện và về CSVC. Những thông tin thu thập được từ các đợt khảo sát được gửi tới những đối tượng có liên quan để điều chỉnh hoạt động dạy-học, hỗ trợ dạy-học, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại để không ngừng nâng cao chất lượng dạy-học, đào tạo và hỗ trợ dạy-học của Nhà trường [H1.01.03.04.06].

Những SV nào thuộc diện cảnh báo học tập sẽ được thông báo trên hệ thống phần mềm và được yêu cầu rút bớt tín chỉ đăng kí để có thể hoàn thành nhiệm vụ học tập trong học kì tiếp theo [H1.01.03.04.07].

2. Điểm mạnh

Trường có quy định, định kì tổ chức đánh giá sự tiến bộ của người học về học tập và rèn luyện.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích sự tiến bộ chưa thực hiện được ở cấp cá nhân sinh viên mà mới dừng lại phân tích ở cấp lớp tín chỉ.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng phân mềm phân tích sự tiến bộ của người học	Tổ CNTT & TT Phòng KT&ĐBCL	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình về việc thu thập, cải tiến chất lượng học tập của người học	Phòng Đào tạo	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

* Tự đánh giá Tiêu chí 1.3. Đảm bảo chất lượng

Tiêu chí 1.3. Đảm bảo chất lượng	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 1.3.1. Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.</i>					X		
<i>Chỉ số 1.3.2. Trường đã tiến hành TĐG cấp Trường, TĐG cấp CTĐT nhằm cải thiện chất</i>					X		

<i>lượng giáo dục.</i>							
<i>Chỉ số 1.3.3. Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.</i>					X		
<i>Chỉ số 1.3.4. Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chuẩn 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình

Chỉ số 2.4.1 Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTĐT và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Năm 2017, Nhà trường đã xây dựng Quy trình mở ngành đào tạo dựa theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT và Công văn số 3566/2017/ĐHĐN-ĐT, đảm bảo đầy đủ các bước theo quy định hiện hành như: khảo sát nhu cầu, TĐG điều kiện mở ngành, quyết nghị của Hội đồng trường, xây dựng CTĐT, thẩm định CTĐT, xây dựng đề án mở ngành, ...và đúng theo trình tự xây dựng một quy trình [H2.02.04.01.01]. Cụ thể hóa Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng [H2.02.04.01.02]; cùng với đó là Quy trình cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo, bồi dưỡng [H2.02.04.01.03].

Trên cơ sở Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ được giao, Trường đã ban hành mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường [H2.02.04.01.04]. Quy trình yêu cầu các tổ biên soạn CTĐT, BD dựa vào mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường để xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra cho CTĐT, BD [H2.02.04.01.05]. Bước tiếp theo trong quy trình là xây dựng ma trận liên kết giữa các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, BD trên cơ sở đó các mỗi học phần đều xác định chuẩn đầu ra học phần [H2.02.04.01.06]. Ngoài Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược, khi xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra, Nhà trường còn tham khảo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn đầu ra của một số CTĐT tiên tiến đã được kiểm định chất lượng giáo dục [H2.02.04.01.07].

Năm 2018, Trường tham gia đánh giá CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bên liên quan trong quá trình đánh giá CTĐT, Trường đã nhận ra một số điểm hạn chế trong Quy trình xây dựng CTĐT, BD và đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, ban hành quy trình mới [H2.02.04.01.08].

Năm 2020, cụ thể hóa các Quy trình xây dựng CTĐT, BD bằng việc xây dựng các hướng dẫn, danh mục hồ sơ và các biểu mẫu đi kèm để thuận tiện cho việc rà soát, cập nhật CTĐT, BD [H2.02.04.01.09].

2. Điểm mạnh

Quy trình mở ngành, xây dựng CTĐT, BD được thiết kế khoa học, rõ ràng, chi tiết phù hợp với quy định hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến của các đơn vị ngoài Trường góp ý cho Quy trình xây dựng CTĐT, BD không nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Triển khai lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường trong quá trình rà soát, điều chỉnh quy trình mở ngành, xây dựng CTĐT, BD	Phòng Đào tạo	2021	2022
1	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tập huấn cho GV các khoa để thực hiện hiệu quả quy trình mở ngành, xây dựng CTĐT, BD.	Phòng Đào tạo	2021	2021
2					

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 2.4.2. Các CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

1. Mô tả

Khâu đầu tiên trong quy trình phát triển CTĐT, BD của Nhà trường là khảo sát nhu cầu đào tạo của các bên liên quan từ chuyên gia giáo dục, GV, viên chức quản lý, nhà tuyển dụng lao động đến người học trước và sau khi tốt nghiệp [H2.02.04.02.01]. Dựa trên kết quả khảo sát, phân tích nhu cầu của xã hội, yêu cầu nguồn nhân lực của địa phương, vùng miền, các tổ biên soạn chương trình báo cáo Hội đồng trường để được thông qua chủ trương phát triển chương trình [H2.02.04.02.02]. Để có các năng lực đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan thì mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình khung của các CTĐT, BD đều được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trước khi ban hành [H2.02.04.02.03].

Ngoài việc lấy ý kiến thì các bên liên quan cũng được mời trực tiếp tham gia vào quá trình phát triển CTĐT, BD với tư cách là thành viên Tổ biên soạn và Hội đồng thẩm định [H2.02.04.02.04; H2.02.04.02.05].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên phục vụ chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018, Nhà trường đã phát triển 06 CTĐT giáo viên cấp Tiểu học và 05 CTĐT giáo viên giảng dạy các môn tích hợp gồm: Sư phạm Khoa học Tự nhiên, Sư

phạm Công nghệ, Sư phạm Lịch sử - Địa lí, Sư phạm Tin học - Công nghệ Tiểu học và Giáo dục công dân [H2.02.04.02.06].

Các CTĐT, BD của Trường đều đảm bảo tính hệ thống, nhất quán phù hợp với sứ mạng, mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ được giao thông qua việc ban hành mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường dựa trên sứ mạng, mục tiêu chiến lược [H2.02.04.02.07]. Mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường được cụ thể hoá vào mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT, BD [H2.02.04.02.08]. Sau cùng là sự liên kết của chuẩn đầu ra các học phần với chuẩn đầu ra CTĐT thông qua ma trận liên kết chuẩn đầu ra [H2.02.04.02.09].

Để các CTĐT, BD của Nhà trường ngày càng đáp ứng tối hơn nhu cầu của các bên liên quan và có tính hệ thống, nhất quán cao, năm 2020 Trường đã rà soát, cập nhật và chi tiết hóa quy trình rà soát, cập nhật CTĐT, BD và xây dựng bộ biểu mẫu đi kèm [H2.02.04.02.10]. Trong quá trình triển khai rà soát, cập nhật CTĐT, BD Trường luôn yêu cầu các đơn vị cung cấp minh chứng theo danh mục thể hiện quá trình triển khai của đơn vị [H2.02.04.02.11]. Bên cạnh đó, một số chương trình BD tuyển sinh khó thì việc rà soát, cập nhật chưa được chú trọng.

2. Điểm mạnh

Các CTĐT của Nhà trường được phát triển theo một quy trình khoa học đảm bảo tính hệ thống và nhất quán đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu BD chưa được triển khai một cách thường xuyên nên một số chương trình BD chưa thu hút được nhiều học viên đăng ký.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát nhu cầu BD một cách liên tục, định kỳ để nắm bắt được nhu cầu xã hội và có những tham chiếu khách quan. Trên cơ sở đó phát triển các CTBD phù hợp với nhu cầu thực tế.	Phòng ĐT, KT&BDCLGD	2020	2025
2	Phát huy điểm mạnh	Các kế hoạch rà soát cập nhật sứ mạng tầm nhìn, kế hoạch chiến lược sẽ liên thông với kế hoạch rà soát cập nhật CTĐT, BD để các	Các phòng chức năng	2020	2025

		quá trình rà soát, cập nhật diễn ra đồng bộ, đảm bảo tính hệ thống và nhất quán.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Chỉ số 2.4.3. CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kì rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.

1. Mô tả

Quy trình rà soát, đánh giá, điều chỉnh và bổ sung các CTĐT, BD của Trường có nhiều khâu cần đến sự tham gia của các bên liên quan như: Khâu khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về dự thảo mục tiêu, chuẩn đầu ra; dự thảo khung chương trình [H2.02.04.03.01; H2.02.04.03.02]. Tổ chức hội nghị các bên liên quan để góp ý trước khi ban hành chính thức [H2.02.04.03.03].

Các CTĐT, BD của Trường được định kì 02 năm rà soát, đánh giá, điều chỉnh và bổ sung một lần. Trong quá trình triển các đơn vị phải thực hiện theo đúng quy trình, kế hoạch chung của Nhà trường và báo cáo quá trình triển khai kèm minh chứng [H2.02.04.03.04; H2.02.04.03.05]. Trong các đợt rà soát, cập nhật CTĐT, BD vẫn còn một số đơn vị triển khai chậm so với tiến độ của Nhà trường.

Trong quá trình rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT, BD được thực hiện theo đúng quy trình, có sự tham gia của các bên liên quan từ chuyên gia giáo dục, GV, viên chức quản lí, nhà tuyển dụng lao động đến người học trước và sau khi tốt nghiệp thông qua các hoạt động khảo sát lấy ý kiến và các hội nghị các bên liên quan [H2.02.04.03.06 – H2.02.04.03.10].

Năm 2019, Nhà trường đã ban hành Quy trình rà soát, cập nhật CTĐT, BD mới [H2.02.04.03.11]. Cụ thể hóa quy trình này, năm 2020, Trường tiếp tục ban hành các biểu mẫu và hướng dẫn chi tiết quy trình rà soát cập nhật CTĐT, BD [H2.02.04.03.12].

Trường đã xây dựng lộ trình tự đánh giá, đánh giá ngoài cho tất cả các CTĐT, BD từ năm 2020 đến 2027 [H2.02.04.03.13]. Đồng thời cũng xây dựng mẫu kế hoạch triển khai các hoạt động rà soát, cập nhật CTĐT, BD theo các bước trong quy trình [H2.02.04.03.14].

2. Điểm mạnh

Hồ sơ hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật CTĐT, BD đầy đủ, chi tiết giúp cho việc triển khai của các đơn vị đạt hiệu quả cao.

3. Điểm tồn tại

Quá trình giám sát hoạt động rà soát, cập nhật CTĐT, BD còn chưa sâu sát nên còn đơn vị chậm tiến độ so với kế hoạch chung.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch giám sát song hành với kế hoạch triển khai và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị	Phòng KT&ĐBCLGD	2020	2027
2	Phát huy điểm mạnh	Tập huấn cho GV thông suốt và thực hiện đủ, đúng yêu cầu các bước trong quy trình rà soát, cập nhật CTĐT, BD	Phòng ĐT	2020	2021

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

* Tự đánh giá Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình

Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 2.4.1 Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.</i>					X		
<i>Chỉ số 2.4.2 Các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.</i>				X			
<i>Chỉ số 2.4.3 Chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kì rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	4.7						

Tiêu chí 2.5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

Chỉ số 2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.

1. Mô tả

Trên cơ sở quy định về quy trình phát triển CTĐT, BD, Trường đã xây dựng hướng dẫn thiết kế CTĐT [H2.02.05.01.01], hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT [H2.02.05.01.02].

Để nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp..., đầu tiên Nhà trường dựa vào chuẩn nghề nghiệp giáo viên, khung trình độ Quốc gia, các chính sách lớn về giáo dục Việt Nam để ban hành mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường [H2.02.05.01.03]. Dựa theo đó, các Tổ phát triển CTĐT, BD tiếp tục xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT, BD và các bộ phận khác tiếp tục xây dựng theo Quy trình, biểu mẫu và kế hoạch xây dựng CTĐT, BD do Trường ban hành [H2.02.05.01.04].

Theo Quy trình phát triển CTĐT, BD của trường thì bước 1: xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT, BD (dựa trên mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường) [H2.02.05.01.05]; bước 2: xây dựng khung CTĐT, BD, ma trận liên kết giữa các học phần và chuẩn đầu ra và lộ trình phát triển kỹ năng [H2.02.05.01.06]; bước 3: xây dựng đề cương chi tiết (mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần, ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT, BD) [H2.02.05.01.07; H2.02.05.01.08]. Sau khi hoàn tất các bước, trước khi ban hành chính thức, Trường luôn gửi bản dự thảo xin ý kiến của các bên liên quan [H2.02.05.01.09].

Định kỳ 02 năm, Nhà trường triển khai rà soát, cập nhật điều chỉnh tổng thể các CTĐT, BD một lần [H2.02.05.01.10].

2. Điểm mạnh

Quá trình phát triển CTĐT được triển khai một cách khoa học nên nội dung CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật, tích hợp những vấn đề giáo dục quốc tế chưa được chú trọng.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tham khảo các chuẩn nghề nghiệp quốc tế khi phát triển chương trình. Lập kế hoạch kiểm định CTĐT	Phòng KT&BDCLGD; Khoa chuyên môn	2020	2022

		theo tiêu chuẩn quốc tế.			
2	Phát huy điểm mạnh	Triển khai rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết, kế hoạch giảng dạy hằng năm nhằm phù hợp với các thay đổi của xã hội.	Tổ Bộ môn	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Chỉ số 2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.

1. Mô tả

Trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực nên chuẩn đầu ra của các CTĐT, BD khác nhau; vì thế trường không ban hành quy định chung về tỉ lệ giờ thực hành/lý thuyết trong các CTĐT, BD. Thông tư số 07/2015/TT- BGDĐT, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cũng không quy định cụ thể về tỉ lệ này [H2.02.05.02.01].

Năm 2018, trên cơ sở khuyến nghị của các chuyên gia đánh giá AUN-QA và tham khảo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH, quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng [H2.02.05.02.02; H2.02.05.02.03], Trường xác định thời lượng thực hành trong các CTĐT trình độ đại học phân bố từ 30 đến 40%. Tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của từng ngành, từng học phần mà tỉ lệ này giữa các ngành, các học phần có khác nhau [H2.02.05.02.04].

Theo đó, năm 2019 Nhà trường đã yêu cầu các khoa rà soát, điều chỉnh chương trình theo hướng tăng cường thời lượng thực hành thông qua việc tăng có học phần thí nghiệm, thực hành, tăng giờ thực hành tại lớp trong các học phần lý thuyết, tăng thời lượng các hoạt động tập giảng, thuyết trình, thảo luận, báo cáo,... Nhờ đó, hầu hết chương trình ban hành năm 2019 có thời lượng thực hành trên 30%, đảm bảo đủ thời gian để người học vận dụng kiến thức vào quá trình phát triển năng lực và kỹ năng [H2.02.05.02.05; H2.02.05.02.06].

Ngoài thời lượng thực hành có trong CTĐT, Nhà trường bố trí không gian mở (nhà sinh hoạt đa năng, nhà thi đấu) để SV tham gia các hoạt động đội nhóm, câu lạc

bộ góp phần vào việc hình thành phẩm chất và phát triển năng lực, cho SV [H2.02.05.02.07].

2. Điểm mạnh

Thời lượng thực hành trong CTĐT hợp lí. Bên cạnh đó, Trường có các không gian mở để người học thực hành phát triển kỹ năng mềm giúp cho quá trình hình thành phẩm chất và phát triển năng lực của người học được đảm bảo.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động động đội nhóm, câu lạc bộ chưa chú trọng đến việc phát triển kỹ năng nghiệp vụ sư phạm.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khoa chuyên môn phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên lồng ghép các hoạt động phát triển kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong các hoạt động đội nhóm, câu lạc bộ.	Khoa chuyên môn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên	2020	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tham vấn, hỗ trợ các đội nhóm, câu lạc bộ triển khai các hoạt động chuyên sâu nhằm phát triển các kỹ năng mềm, nghề nghiệp cho sinh viên	Phòng ĐT, Khoa, Đoàn TN	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lí, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.

1. Mô tả

Để việc phân bổ các học phần trong cấu trúc chương trình và kế hoạch đào tạo đảm bảo tính hợp lí, thống nhất, Trường đã ban hành mẫu CTĐT với 4 khối kiến thức gồm: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức cơ sở và cơ sở ngành; Khối kiến thức chuyên ngành và Khối kiến thức tự chọn [H2.02.05.03.01]. Đồng thời ban hành mẫu Kế hoạch đào tạo được thiết kế thành 8 học kỳ với học kỳ đầu không có học phần tự

chọn, học kỳ cuối dành cho thực tập và khóa luận tốt nghiệp; các học kỳ còn lại đều có học phần bắt buộc và học phần tự chọn [H2.02.05.03.02].

Việc phân bổ các học phần vào kế hoạch đào tạo các học kỳ, các năm học và toàn khóa học dựa trên ma trận lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng và danh mục học phần tiên quyết, học phần học trước trong CTĐT [H2.02.05.03.03].

Tỷ lệ các học phần tự chọn và học phần bắt buộc trong CTĐT được Hội đồng khoa học và đào tạo của Nhà trường phân tích, thảo luận để đi đến thống nhất (Tỷ lệ các học phần tự chọn/ học phần bắt buộc trong CTĐT là 15-20/115-110) [H2.02.05.03.04].

Để đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học thì sinh viên được phép điều chỉnh kế hoạch đào tạo theo nhu cầu cá nhân trong khuôn khổ quy định về học phần tiên quyết và học phần học trước khi tham gia đợt đăng ký nhu cầu học tập ở mỗi học kỳ [H2.02.05.03.05].

Trong quy trình rà soát, cập nhật CTĐT, BD có bước lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là người học về dự thảo chương trình và kế hoạch đào tạo [H2.02.05.03.06]. Thay vì 02 năm rà soát, cập nhật CTĐT một lần thì Kế hoạch đào tạo được rà soát, điều chỉnh hằng năm tùy theo nhu cầu của người học [H2.02.05.03.07, H2.02.05.03.08].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch đào tạo được rà soát, điều chỉnh hằng năm, cùng với đó là sự linh động điều chỉnh kế hoạch đào tạo trên hệ thống quản trị giúp cho người học chủ động được kế hoạch học tập của mình.

3. Điểm tồn tại

Một số ngành có số lượng sinh viên ít nên việc triển khai nhiều kế hoạch đào tạo gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện danh mục học phần tương đương thay thế để sinh viên khác khoa, ngành gần lập kế hoạch học ghép	Phòng ĐT	2020	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng sổ tay cố vấn học tập và tổ chức tập huấn cho cố vấn học tập về kỹ năng tư vấn (đặc biệt về lập kế hoạch học tập cho sinh viên)	Phòng ĐT	2020	2021

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

1. Mô tả

Để việc tổ chức thực hiện các CTĐT, BD được bao quát, Trường đã ban hành các quy định về đào tạo trình độ đại học; trình độ thạc sĩ; tiến sĩ và bồi dưỡng [H2.02.05.04.01]. Bên cạnh đó, còn có những quy định cụ thể về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học... [H2.02.05.04.02].

Hầu hết các hoạt động giảng dạy và học tập của đại học chính quy được Trường triển khai và quản lý trên phần mềm hệ thống [H2.02.05.04.03]. Do tính đa dạng của hoạt động giảng dạy của hình thức đào tạo VLVH, BD và SĐH nên được Trường triển khai và quản lý dựa trên kế hoạch đào tạo từng lớp theo từng kỳ [H2.02.05.04.04; H2.02.05.04.05]. Tổ Thanh tra Pháp chế của Nhà trường thường xuyên thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo [H2.02.05.04.06].

Trong quá trình học tập sinh viên được giáo viên và trường phổ thông trực tiếp hướng dẫn trong các đợt kiến tập, thực tập sư phạm [H2.02.05.04.07]. Để kịp thời nắm bắt những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường phổ thông thì giảng viên cố vấn sẽ đến các cơ sở thực tập tham gia dự giờ và trao đổi chuyên môn với giáo sinh và giáo viên hướng dẫn [H2.02.05.04.08]. Sau mỗi đợt thực tập đều triển khai hoạt động tổng kết công tác thực tập [H2.02.05.04.09].

Nhà trường thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng cho giáo viên phổ thông như: bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm về giáo dục hòa nhập; bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quản lý giáo dục; bồi dưỡng năng lực tư vấn tâm lý cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh... [H2.02.05.04.10]. Nhờ đó mà các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra ở trường phổ thông được giáo viên đưa ra trao đổi trong một số chuyên đề của các khóa bồi dưỡng. Ngoài ra, hệ thống LMS của Trường có phân hệ lấy ý kiến phản hồi của giáo viên về nội dung và hoạt động bồi dưỡng. Đây là kênh giúp cho Trường có thông tin phản hồi của giáo viên, người học về các hoạt động giảng dạy của Nhà trường [H2.02.05.04.11].

Trường đã lập kế hoạch cụ thể hóa các quy định đào tạo bằng các bộ quy trình và biểu mẫu tiếp cận theo hướng đối tượng người dùng và từng bước cải tiến, khai thác triệt để các phần mềm quản trị hệ thống [H2.02.05.04.12].

2. Điểm mạnh

Hệ thống LMS của Nhà trường giúp thu thập được ý kiến phản hồi của người học, từ đó kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

3. Điểm tồn tại

Chưa khai thác hết các phân hệ của phần mềm quản trị hệ thống.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, điều chỉnh những phân hệ chưa phù hợp với hoạt động của trường để tiến đến 100% hoạt động được quản trị trên hệ thống	Tổ CNTT	2020	2025
2	Phát huy điểm mạnh	Phát triển phân hệ lấy ý kiến phản hồi trên LMS thành kênh lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường.	Tổ CNTT	2020	2021

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Để đảm bảo nguồn lực thực CTĐT, BD, mỗi bộ phận chức năng trong Trường đều xây dựng các quy định theo nhiệm vụ được phân công [H2.02.05.05.01]. Trước khi mở ngành đào tạo Trường thành lập đoàn kiểm tra các điều kiện mở ngành [H2.02.05.05.02]. Năm 2017, Cục Quản lý chất lượng của Bộ GD&ĐT đã kiểm tra và kết luận các điều kiện ĐBCL đào tạo của Nhà trường đáp ứng yêu cầu [H2.02.05.05.03].

Nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho việc tổ chức thực hiện CTĐT, BD của Nhà trường đáp ứng các yêu cầu theo quy định như: Năm 2020, tỉ lệ sinh viên/ giảng viên đạt 19,16; Tỉ lệ Tiến sĩ/Giảng viên đạt 46,7%; Tỉ lệ chuyên viên và nhân viên phục vụ/Tổng số đạt 34,8% [H2.02.05.05.04].

Trường có 20 cơ sở giáo dục phổ thông thường xuyên nhận sinh viên kiến tập, thực tập. Các cơ sở này đã tham gia vào quá trình dạy và học các CTĐT, bồi dưỡng của Nhà trường [H2.02.05.05.05].

Điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT, BD hiện có của Nhà trường với tổng diện tích phòng học là 19.526 m², bao gồm 107 phòng học, đủ cho công tác đào tạo. Trong đó, có 10 giảng đường lớn có từ 100 - 150 chỗ ngồi, 01 giảng đường lớn 600 chỗ, 34 phòng thí nghiệm và thực hành; 01 thư viện với hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu riêng biệt [H2.02.05.05.04]. Hằng năm, Trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến SV về CSVC, cảnh quan, của Nhà trường [H2.02.05.05.06].

Nguồn thu tài chính của Trường chủ yếu từ hai nguồn chính là Ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp, ngoài ra còn có các nguồn thu từ một số hoạt động khác. Nguồn lực tài chính của Nhà trường đáp ứng mọi khoản chi cho việc thực hiện CTĐT, BD [H2.02.05.05.07].

Để biết được sự phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT, BD trong những năm qua, Trường tích cực tham gia các hoạt động kiểm định CTĐT và đánh giá cơ sở giáo dục. Kết quả đánh giá cho thấy nguồn lực của Trường và các chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học [H2.02.05.05.08].

Trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn 2030. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch phát triển các nguồn lực của Trường để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục đại học [H2.02.05.05.09].

Hằng năm, Trường chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để tận dụng nguồn lực. Tuy nhiên, năm 2020 hoạt động bồi dưỡng giáo viên cốt cán cho các tỉnh thành thuộc khu vực Tây Nguyên và Thành phố Đà Nẵng tập trung vào những tháng cuối năm dẫn đến khó khăn trong việc phân bổ nguồn lực để triển khai nhiều mặt hoạt động của Nhà trường [H2.02.05.05.10].

2. Điểm mạnh

Nhân lực, tài lực và vật lực của Nhà trường đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT, BD hiện có.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán và đại trà tập trung vào giai đoạn ngắn vào cuối năm nên việc phân bổ nguồn lực của Nhà trường để thực hiện các mặt hoạt động còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục	Phối hợp với các bên liên quan	Phòng ĐT	2020	2023

	tồn tại	xây dựng sớm kế hoạch bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán để Trường chủ động nguồn lực và phân bổ thời gian một cách hợp lý.			
2	Phát huy điểm mạnh	Phát triển mọi nguồn lực để mở rộng quy mô đào tạo	Trường	2020	2023

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Chỉ số 2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

1. Mô tả

Nhà trường đã và đang triển khai nhiều chương trình BD giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông như: Nghiệp vụ cán bộ quản lý giáo dục, NVSP về giáo dục hòa nhập, Công tác Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Thiết kế bài giảng E-learning và Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho tất cả hạng bậc,... [H2.02.05.06.01]. Mỗi chương trình BD có các mục đích, yêu cầu riêng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện có nhiều điểm chung nên Trường đã ban hành Quy định đào tạo BD ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận [H2.02.05.06.02]. Quy định này dựa theo các thông tư của Bộ GD&ĐT quy định về các chương trình BD cấp chứng chỉ do Bộ ban hành [H2.02.05.06.03].

Kế hoạch thực hiện chương trình BD của Trường thể hiện tính linh hoạt, đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý thông việc ban hành kế hoạch từng lớp, từng đợt theo nhu cầu riêng của mỗi lớp trên cơ sở đảm bảo đúng quy định chung [H2.02.05.06.04].

Nhà trường đã xây dựng 02 hệ thống LMS (hoctructuyen.ued.udn.vn; hoctructuyen1.ued.udn.vn). Trên mỗi hệ thống LMS đều có phân hệ lấy ý kiến phản hồi của người học nhờ đó bộ phận xây dựng kế hoạch BD có thông tin về nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên để xây dựng kế hoạch dự kiến. Trên cơ sở kế hoạch dự kiến sẽ trao đổi với các đầu mối liên kết để chốt kế hoạch chính thức theo phương châm đáp ứng tốt nhất có thể yêu cầu của các bên [H2.02.05.06.05; H2.02.05.06.06].

Để có được thông tin phản hồi của người học thì sau mỗi học kỳ, Nhà trường trích xuất dữ liệu lấy ý kiến phản hồi từ hệ thống LMS chuyển cho các bộ phận liên quan để tiếp thu, điều chỉnh và cải tiến các quy trình của mình [H2.02.05.06.07].

Trước tình hình dịch COVID 19 và thiên tai bão lũ diễn biến phức tạp, Trường đã chủ động, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch BD từ trực tiếp sang trực tuyến đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của người học [H2.02.05.06.08].

2. Điểm mạnh

Trường có 2 hệ thống LMS phục vụ cho các hoạt động BD giúp quá trình triển khai đào tạo trực tuyến được thuận lợi, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phân hệ dành riêng cho quản lý hoạt động bồi dưỡng thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch xây dựng phân hệ quản lý các hoạt động BD riêng để thích ứng với sự linh hoạt của loại hình này.	Phòng ĐT và Tổ CNTT	2020	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Phát triển hệ thống LMS của Trường để tích hợp với hệ thống TEMIS của Bộ GD&ĐT thuận lợi cho kiểm đếm và báo cáo	Tổ CNTT	2020	2021

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

* Tự đánh giá Tiêu chí 2.5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

Tiêu chí 2.5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số. 2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế</i>				X			
<i>Chỉ số 2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người</i>					X		

<i>học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.</i>							
<i>Chỉ số 2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học</i>					X		
<i>Chỉ số 2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.</i>					X		
<i>Chỉ số 2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra</i>				X			
<i>Chỉ số 2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt, đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	4.7						

Tiêu chuẩn 3. NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

Chỉ số 3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới là những nhiệm vụ cốt lõi được xác định trong sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSP-ĐHĐN [H3.03.06.01.01]. Sứ mạng đã tuyên bố “Nhà trường có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, phục vụ cho sự phát triển của đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên”. Trong tầm nhìn phát triển của Trường đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN trở thành trường Sư phạm trọng điểm quốc gia, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn [H3.03.06.01.02].

Nhà trường đã xây dựng các mục tiêu và giải pháp cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ VII, nhiệm kỳ 2015-2020 [H3.03.06.01.03]. Các mục tiêu này được cụ thể bằng kế hoạch làm việc của Đảng ủy trong cả nhiệm kỳ [H3.03.06.01.04]. Trên cơ sở đó, các hoạt động, chính sách của Nhà trường nói chung và các hoạt động, chính sách liên quan đến khoa học và công nghệ nói riêng được xây dựng, triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá hằng năm trong các Hội nghị tổng kết công tác Đảng và Hội nghị viên chức hằng năm [H3.03.06.01.05], [H3.03.06.01.06]. Các chính sách, kế hoạch dài hạn phát triển Nhà trường nói chung và chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới nói riêng còn được thể hiện trong Thỏa thuận thực hiện chương trình ETEP của trường [H3.03.06.01.07].

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã tổng kết và đánh giá các hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) của Nhà trường giai đoạn 2015-2020 [H3.03.06.01.08]. Theo đó, lĩnh vực KHCN đã đạt và vượt được nhiều mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ VII đã đề ra. Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ VIII cũng đã xác định các mục tiêu phát triển của Nhà trường nói chung và các mục tiêu, giải pháp để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) nói riêng cho giai đoạn 2020-2025 [H3.03.06.01.09]. Quá trình xây dựng Nghị quyết Đại hội VIII được thực hiện theo quy trình chặt chẽ từ xây dựng dự thảo, đề nghị góp ý của các bên liên quan, tổng hợp, điều chỉnh, và thông qua tại Đại hội [H3.03.06.01.10]. Các nội dung nghị quyết liên quan đến lĩnh vực KHCN đã tính đến tiềm lực của Nhà trường và bối cảnh KHCN trong, ngoài nước. Vì vậy, các mục tiêu và giải pháp đề ra trong Nghị quyết là kết tinh

trí tuệ của cán bộ, GV Nhà trường và là kim chỉ nam cho tất cả các hoạt động của Trường trong 5 năm tới.

Để thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đã đề ra, Nhà Trường đã ban hành chiến lược phát triển Nhà trường nói chung và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) nói riêng giai đoạn 2020-2025 [H3.03.06.01.11]. Kế hoạch chiến lược dài hạn được cụ thể thông qua các kế hoạch ngắn hạn cho từng năm học [H3.03.06.01.12], và cho từng tháng [H3.03.06.01.13].

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đảng ủy và kế hoạch phát triển, Nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển KH&CN. Nhà trường đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, và đổi mới sáng tạo. Các chính sách này được cụ thể hoá trong các quy định của Nhà trường như quy định về *hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cấp Khoa* [H3.03.06.01.14]; quy định về *tham dự Hội nghị, Hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước* [H3.03.06.01.15]; quy định về *biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập sử dụng trong Trường* [H3.03.06.01.16]; quy định về *quản lý đề tài KH&CN cấp Trường* [H3.03.06.01.17]; quy định về *khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ* [H3.03.06.01.18]; quy định về *hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học* [H3.03.06.01.19]. Trong những năm gần đây, Nhà trường chú trọng đến việc tăng số lượng các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy (TRT), việc thành lập các nhóm nghiên cứu giảng dạy cũng được Nhà trường quan tâm và đang nghiên cứu để triển khai thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh. Quy trình thực hiện dựa vào *Quy chế hoạt động các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy thuộc Đại học Đà Nẵng và các Trường thành viên* [H3.03.06.01.20]. Bên cạnh áp dụng các quy định cụ thể do Hiệu trưởng ban hành, trong quá trình thực hiện công tác NCKH, Trường cũng đã áp dụng các quy định, chính sách của các Bộ và ĐHQĐ [H3.03.06.01.21].

Trong quá trình áp dụng thực hiện các chính sách về nghiên cứu, Nhà trường đã có những điều chỉnh, bổ sung và đổi mới các quy định để phù hợp hơn với các ý kiến phản hồi của các bên liên quan và chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn. Cụ thể, Quy định Khen thưởng hoạt động KH&CN thường niên Trường ĐHSPT năm 2017 được thay thế bằng quy định Khen thưởng hoạt động KH&CN Trường ĐHSPT ban hành vào năm 2019. Quy định mới vẫn giữ nguyên các bước thực hiện nhưng đã điều chỉnh về hình thức khen thưởng, ngoài việc hỗ trợ các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/ SCOPUS, còn có hỗ trợ các tác giả có bằng phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, chủ nhiệm các đề tài dự án lớn..., hình thức xét thưởng cũng có nhiều điểm mới như tăng mức kinh phí hỗ trợ đối với các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS, tạo sự công bằng khi tính điểm và xếp loại các công bố quốc tế ISI và SCOPUS [H3.03.06.01.22]. Quy định biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập ban hành năm 2017 cũng đã được thay đổi bằng quy định mới năm 2019. Quy định mới rút ngắn một số giai đoạn nhưng vẫn đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng và minh bạch,

tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục và thời gian cho GV [H3.03.06.01.23]. Quy định tham dự hội nghị, hội thảo năm 2017 được điều chỉnh và thay thế bởi quy định tham dự hội nghị hội thảo ban hành năm 2019. Trong đó, GV được hỗ trợ nhiều hơn khi tham dự các Hội nghị, Hội thảo khoa học trong nước và ở nước ngoài [H3.03.06.01.24]. Quy định NCKH SV cũng được điều chỉnh sửa đổi phù hợp với mục tiêu phát triển KHCN của Nhà trường, bảo đảm chế độ hỗ trợ GV hướng dẫn và SV thực hiện nghiên cứu [H3.03.06.01.25]. Khi xây dựng, điều chỉnh các chính sách nghiên cứu, Nhà trường đã tuân thủ theo Bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Nhà trường năm 2019 và quy trình ban hành chính sách đều tuân thủ theo quy chuẩn này [H3.03.06.01.26]. Quy trình như sau: xây dựng dự thảo, gửi các bên liên quan nhận xét, góp ý về dự thảo; tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến về chính sách; tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và tổng hợp, ban hành chính sách [H3.03.06.01.27].

Việc ban hành và áp dụng thực hiện các chính sách về NCKH một cách nhất quán đã đem lại những kết quả khả quan. Nhiều nhóm nghiên cứu giảng dạy được thành lập và hoạt động theo đúng quy chế, sẵn sàng đăng kí các đề tài, dự án theo khả năng của nhóm [H3.03.06.01.28]. Nhiều đề tài KHCN các cấp, đặc biệt là các đề tài địa phương được thực hiện thành công [H3.03.06.01.29]. Nhà trường đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều dự án KHCN quốc tế như Chương trình Hợp tác giữa Trường Đại học Sư phạm- ĐHQĐ và Hội Động vật học Frankfurt trong đào tạo nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn thiên nhiên từ năm 2011 đến nay [H4.04.09.01.30]; Chương trình phát triển sách điện tử (Ebook) theo STEM với Đại học Hull (Vương quốc Anh) từ năm 2016 đến năm 2018 [H4.04.09.01.31]; Dự án triển khai tập huấn về phục hồi chức năng tâm lý cho trẻ khuyết tật tại thành phố Đà Nẵng do JICA (Nhật Bản) tài trợ từ năm 2018 đến năm 2020 [H4.04.09.01.32]; Dự án Phát triển CTĐT trong lĩnh vực Khoa học Phân tử và Vật liệu theo định hướng nghiên cứu (MOMA) từ năm 2019 đến năm 2021 [H4.04.09.01.33]. Nhà trường cũng đã tổ chức thành công nhiều Hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế như Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ V với chủ đề: “Tâm lý học đường” năm 2016 [H4.04.09.01.34]; Hội thảo khoa học quốc tế về Ngôn ngữ học với chủ đề: “Ngôn ngữ học Việt Nam - những chặng đường phát triển và hội nhập quốc tế” năm 2018 [H4.04.09.01.35], Hội thảo Quốc tế Công nghệ tri thức và hệ thống (Knowledge and Systems Engineering – KSE) lần thứ 11 năm 2019 [H4.04.09.01.36]. Các công bố khoa học chất lượng cao của Nhà trường, đặc biệt là các bài báo ISI/Scopus, đã tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng [H3.03.06.01.37]. Nhà trường đã cơ bản hoàn thành tất cả các hoạt động theo kế hoạch đề ra cho năm 2020 trong lĩnh vực KHCN. Nhằm nâng cao hiệu quả của các chính sách, kế hoạch, quy định, Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan về các hoạt động KHCN [H3.03.06.01.38]. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% các ý kiến hài lòng với các kế hoạch chiến lược phát triển KHCN cũng như các quy

định, chính sách khuyến khích hoạt động KHCN hiện tại của Nhà trường [H3.03.06.01.38].

Các chính sách, kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới đã phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, yêu cầu, nhu cầu KHCN của các địa phương ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên chưa được quan tâm đúng mức. Vì vậy, số lượng các đề tài địa phương của Nhà trường còn thấp so với tiềm năng. Đây là điểm tồn tại cần cải thiện trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

- Các chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới đã ban hành phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; góp phần thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược và kế hoạch hằng năm.

3. Điểm tồn tại

- Quá trình thực hiện kế hoạch nghiên cứu phát triển chưa tích hợp được những nhu cầu của cộng đồng địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách liên kết chặt chẽ với cộng đồng địa phương trong các hoạt động nghiên cứu phát triển	Phòng KH&HTQT	2020	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục áp dụng các chính sách có hiệu quả để khuyến khích, thúc đẩy phát triển hoạt động NCKH toàn Trường	Phòng KH&HTQT	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7
				X		

Chỉ số 3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục.

1. Mô tả

Khoa học giáo dục (KHGD) là một trong các lĩnh vực thế mạnh của Nhà trường ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên nên được ưu tiên đầu tư phát triển. KHGD còn

được xác định ưu tiên thực hiện hàng đầu trong sứ mạng của Nhà trường [H3.03.06.02.01]. Vì vậy, Nhà trường đã xây dựng nhiều kế hoạch, chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục. Các chính sách này được thể hiện trong văn kiện Đại hội Đảng Bộ của Trường Đại học Sư phạm [H3.03.06.02.02]; các kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường [H3.03.06.02.03]; và các chương trình hành động hằng năm [H3.03.06.02.04].

Để xây dựng và phát triển các lĩnh vực khoa học và công nghệ một cách bài bản, Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển và đã được đầu tư các phòng thí nghiệm trọng điểm như dự án phòng thí nghiệm của Khoa Vật lý [H3.03.06.02.05], khoa Hóa học [H3.03.06.02.06], khoa Sinh - Môi trường [H3.03.06.02.07]. Các thiết bị hiện đại được đầu tư đã mang lại hiệu quả bước đầu trong nâng tầm tiềm lực KHCN của Trường, phát triển số lượng các đề tài KHCN các cấp, các bài báo khoa học quốc tế, bài báo ISI/Scopus của Trường thời gian qua. Bên cạnh đó, năm 2018, Trường được Bộ GD&ĐT đầu tư Dự án *Tăng cường kỹ năng thực hành và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên Trường ĐHSPT - ĐHQĐHN* bao gồm cải tạo nâng cấp Giảng đường A1 (20 tỷ đồng) [H3.03.06.02.08]. Năm 2019, Nhà trường tiếp được Bộ GD&ĐT phê duyệt Dự án *Đầu tư tăng cường năng lực cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho Trường ĐHSPT - ĐHQĐHN* bao gồm nâng cấp giảng đường B3 (50 tỷ đồng) [H3.03.06.02.09]. Để phát triển chương trình đào tạo và kiểm định giáo dục, năm 2020 Nhà trường tiếp tục được phê duyệt đề án: xây dựng Trung tâm phát triển chương trình và đánh giá chất lượng giáo dục tài Trường Đại học Sư phạm – ĐHQĐHN [H3.03.06.02.10].

Nhà trường có ưu tiên cho lĩnh vực KHGD trong quy định về *quản lý đề tài KHCN cấp Trường* [H3.03.06.02.11] và quy định về *khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ* [H3.03.06.02.12]. Nhiều đề tài KHCN các cấp trong lĩnh vực KHGD đã được triển khai và thực hiện thời gian qua [H3.03.06.02.13]. Bên cạnh đó, các đề trọng điểm của Trường trong lĩnh vực KHGD có yêu cầu thấp hơn (chỉ yêu cầu 1 bài báo thuộc danh mục Scopus) so với lĩnh vực khoa học tự nhiên (KHTN) (bắt buộc phải có 1 bài báo thuộc danh mục ISI) [H3.03.06.02.14]. Lĩnh vực KHGD được tính khen thưởng tất cả các bài báo thuộc danh mục ISI và Scopus, trong khi lĩnh vực KHTN chỉ được khen thưởng các bài báo thuộc danh mục ISI [H3.03.06.02.15]. Bên cạnh đó, bài báo thuộc lĩnh vực KHGD được tính mức khen thưởng cao hơn so với bài báo thuộc lĩnh vực KHTN nếu cùng thứ hạng Q trong danh mục ISI [H3.03.06.02.16].

Nhà trường đã tham gia thực hiện nhiều chương trình, dự án quốc tế trong lĩnh vực khoa học giáo dục như Chương trình phát triển sách điện tử (Ebook) theo STEM với Đại học Hull (Vương quốc Anh) từ năm 2016 đến năm 2018 [H3.03.06.02.17]; dự án triển khai tập huấn về phục hồi chức năng tâm lý cho trẻ khuyết tật tại thành phố Đà Nẵng do JICA (Nhật Bản) tài trợ từ năm 2018 đến năm 2020 [H3.03.06.02.18]. Các chương trình, dự án trên được Nhà trường ưu tiên bố trí phòng ốc và kinh phí để làm

các văn phòng dự án [H3.03.06.02.19]. Bên cạnh đó, Nhiều seminar, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế về KHGD được Nhà trường đầu tư kinh phí tổ chức như Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học học đường lần thứ V với chủ đề “Phát triển Tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam” năm 2016 [H3.03.06.02.20]; Hội nghị giảng dạy Vật lý” năm 2018 [H3.03.06.02.21].

Ngoài ra, Nhà trường đã đầu tư kinh phí để tổ chức biên soạn, xuất bản giáo trình phục vụ cho việc giảng dạy, học tập trong nhà trường và bồi dưỡng giáo viên phổ thông. Việc biên soạn giáo trình được thực hiện theo quy định về việc biên soạn và công nhận tài liệu học tập năm 2017 và 2019 [H3.03.06.02.22]. Nhiều giáo trình do các GV Nhà trường biên soạn được nghiệm thu và xuất bản [H3.03.06.02.22]. Trong năm 2020, Nhà trường đã xây dựng thành công 25 tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán theo chương trình phổ thông mới 2018 [H3.03.06.02.23] và 03 tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán [H3.03.06.02.24].

Nhà trường đã cơ bản hoàn thành tất cả các hoạt động theo kế hoạch đề ra cho năm 2020 trong lĩnh vực KHCN. Nhằm nâng cao hiệu quả của các chính sách, kế hoạch, quy định, Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan về các hoạt động KHCN [H3.03.06.02.25]. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% các ý kiến hài lòng với các chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục hiện tại của Nhà trường [H3.03.06.02.26].

Bên cạnh những kết quả đạt được, lĩnh vực KHGD của Nhà trường vẫn còn điểm tồn tại là chưa có nhiều đề tài KHCN lớn và các đề tài thực hiện với địa phương còn hạn chế so với tiềm năng.

2. Điểm mạnh

- Trường đầu tư cơ sở vật chất và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHCN nói chung và KHGD nói riêng.
- Các chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục đã mang lại hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều đề tài thực hiện với địa phương trong lĩnh vực KHGD.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hợp tác và trao đổi với các địa phương để có các đề xuất đề tài KHCN nói chung và đề tài trong lĩnh vực KHGD nói riêng phù hợp với yêu cầu của địa phương	Phòng KH&HTQT và Phòng CSVC	2020	2022

2	Phát huy điểm mạnh	- Tìm kiếm thêm các dự án để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và giảng dạy - Hoàn thiện cơ chế chính sách ưu tiên để thúc đẩy KHGD phát triển mạnh mẽ	Phòng KH&HTQT và Phòng CSVC	2020	2022
---	--------------------	--	-----------------------------	------	------

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7
				X		

Chỉ số 3.6.3. Kết quả nghiên cứu của Trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học.

1. Mô tả

Mục tiêu chiến lược phát triển KHCN của Nhà trường là NCKH gắn kết chặt chẽ với đào tạo, xâm nhập vào quá trình đào tạo, trở thành một bộ phận cơ hữu của quá trình đào tạo [H3.03.06.03.01]. Chính vì thế, Nhà trường luôn chú trọng và ưu tiên thực hiện các đề tài KHCN, dự án KHCN, thực hiện biên soạn tài liệu, giáo trình mang tính ứng dụng trong dạy và học [H3.03.06.03.02].

Từ năm 2017, số lượng đề tài các cấp (cấp tỉnh/ thành phố, cấp Trường, ĐHĐN, Bộ, Nafosted...) tăng lên đáng kể nhờ các chính sách hỗ trợ của Nhà trường [H3.03.06.03.03]. Các kết quả nghiên cứu của đề tài đã được Nhà trường sử dụng để phát triển và đổi mới trong công tác dạy và học. Hầu hết các đề tài NCKH có sản phẩm là đào tạo thạc sĩ, đào tạo cử nhân, hướng dẫn SV NCKH, bên cạnh các sản phẩm khoa học, sản phẩm ứng dụng khác [H3.03.06.03.04]. Năm 2018, Nhà trường đặt hàng thực hiện các đề tài KHCN về biên soạn sách điện tử ebook phục vụ dạy và học như: *Biên soạn sách điện tử Hệ quản trị cơ sở dữ liệu cho học sinh trung học phổ thông; Thiết kế Ebook hướng dẫn sinh viên sư phạm xây dựng và thiết kế chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM; Xây dựng ebook tương tác về biến đổi khí hậu và thiên tai phục vụ giảng dạy cho sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng* [H3.03.06.03.05]. Các đề tài này đã được nghiệm thu và đưa vào áp dụng dạy và học tại Trường Đại học Sư phạm cũng như các trường học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng [H3.03.06.03.06]. Ngoài ra, một số đề tài tập trung giải quyết các vấn đề mang tính thời sự của ngành giáo dục như: *Xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp phần nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong chương trình Giáo dục Công dân lớp 11 (Thực nghiệm ở các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng); Thiết kế khóa học E-learning để bồi dưỡng giáo viên phổ thông hướng dẫn học*

sinh nghiên cứu, sáng tạo khoa học trong lĩnh vực sinh học và môi trường; Nghiên cứu chương trình môn Chính trị tư tưởng ở Trung học phổ thông của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra trong cải cách chương trình sách giáo khoa môn Giáo dục công dân của Việt Nam [H3.03.06.03.07]. Các đề tài nghiên cứu thực trạng giáo dục của Trường ĐHSP - ĐHQĐN và các trường phổ thông, mầm non trên địa bàn các tỉnh, thành phố, đặc biệt là thành phố Đà Nẵng, đã đem lại nhiều kết quả khả quan như: *Nâng cao năng lực tìm hiểu đặc điểm tâm lý trẻ phổ tự kỷ cho giáo viên trường mầm non ở thành phố Đà Nẵng*; *Nhận thức của giáo viên các trường trung học cơ sở thành phố Đà Nẵng về sức khỏe tâm thần học sinh*; *Nghiên cứu stress của giáo viên mầm non trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*; *Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng* [H3.03.06.03.08]. Năm 2020, Trường đã nghiệm thu và đang trong thời gian xuất bản 04 giáo trình tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Giáo trình này sẽ được sử dụng để giảng dạy cho lưu học sinh học tiếng Việt tại Trường bắt đầu từ năm học 2020-2021 [H3.03.06.03.09].

Trường đã tiến hành khảo sát giảng viên về kế hoạch ứng dụng, tích hợp kết quả nghiên cứu vào hoạt động giảng dạy để điều chỉnh, bổ sung [H3.03.06.03.10]. Hơn 85% giảng viên hài lòng với yêu cầu tích hợp và ứng dụng các kết quả đề tài KHCN vào dạy và học để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường [H3.03.06.03.11]. Các ý kiến cho thấy đa phần các đề tài NCKH đã triển khai đều có giá trị trong việc ứng dụng vào công tác dạy và học của Nhà trường cũng như các trường học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, việc lan tỏa, mở rộng các kết quả nghiên cứu vào công tác dạy và học đòi hỏi kinh phí hỗ trợ. Đây là vấn đề cần đặt ra đối với Nhà trường trong thời gian sắp tới.

2. Điểm mạnh

Trường có quy định rõ và thực hiện tốt về việc tích hợp và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Thiếu quy định về hỗ trợ kinh phí lan tỏa các kết quả nghiên cứu các đề tài trong lĩnh vực KHGD vào quá trình dạy và học.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Có chính sách phát triển nghiên cứu khoa học giáo dục và đầu tư kinh phí để triển khai các kết quả nghiên cứu vào thực tế dạy và học tại Trường.	Phòng KH&HTQT	2020	2022

1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu vào hoạt động dạy và học tại Trường và các Trường phổ thông trên địa bàn thành phố.	Phòng KH&HTQT phối hợp với các Khoa	2020	2022
---	---------------------------	---	-------------------------------------	------	------

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7
				X		

Chỉ số 3.6.4. Kết quả nghiên cứu của Trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành các quy định thúc đẩy phát triển hoạt động KHCN của Trường, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho cán bộ GV thực hiện việc nghiên cứu [H3.03.06.04.01]. Nhà trường luôn tìm kiếm các đề tài, dự án của địa phương và giới thiệu cho CBGV tham gia [H3.03.06.04.02]. Vì vậy, trong những năm qua, CBGV của trường đã tham gia thực hiện các đề tài cấp tỉnh/ thành phố, mang lại những kết quả về phát triển kinh tế - xã hội. Đề tài NCKH cấp thành phố Đà Nẵng: *Xây dựng chương trình giáo dục phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học thành phố Đà Nẵng* đã nghiệm thu và được đánh giá cao [H3.03.06.04.03]. Các kết quả đề tài, chương trình phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh Tiểu học và tài liệu tập huấn cho giáo viên Tiểu học về phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh, được triển khai ứng dụng ở một số trường Tiểu học trên địa bàn Đà Nẵng [H3.03.06.04.04]. Ngoài ra, Nhà trường đang tổ chức chủ trì thực hiện các đề tài khác trong lĩnh vực KHGD mà kết quả dự kiến cũng nhằm mục đích phục vụ, ứng dụng vào sự phát triển KT-XH địa phương, vùng lân cận như: *Nghiên cứu đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống bệnh trầm cảm ở người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi* [H3.03.06.04.05] .

Hầu hết sản phẩm khoa học của các đề tài NCKH là các công bố trong nước và quốc tế. Số lượng đề tài các cấp tăng lên đồng nghĩa với số lượng các công bố trong nước và quốc tế cũng tăng lên so với các năm trước cả về chất lẫn về lượng, đặc biệt là số bài báo ISI/SCOPUS. Trong 3 năm gần đây, Nhà trường có tổng số 138 bài báo ISI/Scopus, trong đó năm 2018 có 30 bài báo; năm 2019 có 39 bài báo; năm 2020 có 69 bài báo [H3.03.06.04.06].

Trường đã khảo sát giảng viên của Trường về mức độ ảnh hưởng của các công bố khoa học của giảng viên toàn Trường [H3.03.06.04.07]. Hơn 85% giảng viên hài lòng với số lượng công bố của Nhà trường và mức độ ảnh hưởng của các công bố đó đến sự phát triển hoạt động KHCN của Trường [H3.03.06.04.08]. Bên cạnh đó, một số ý kiến nhận xét các công bố nghiên cứu Nhà trường chủ yếu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, chưa có nhiều bài báo quốc tế thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục và đề nghị nâng cao mức khen thưởng cho các bài báo quốc tế thuộc lĩnh vực KHGD.

2. Điểm mạnh

Các kết quả nghiên cứu của Trường được áp dụng tốt trong hoạt động dạy và học, phát triển kinh tế - xã hội tại Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

3. Điểm tồn tại

Các công bố quốc tế đa phần thuộc lĩnh vực tự nhiên, chưa có nhiều bài báo quốc tế thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Điều chỉnh chính sách khen thưởng hoạt động KHCN để khuyến khích GV đăng bài trên các tạp chí quốc tế uy tín, đặc biệt là các bài báo quốc tế thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục	Phòng KH&HTQT và các Khoa	2020	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế để thực hiện các đề tài KHCN cấp tỉnh/thành phố/quốc gia/quốc tế.	Phòng KH&HTQT và các Khoa	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7
			X			

* Tự đánh giá Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7

<i>Chỉ số 3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao</i>					X		
<i>Chỉ số 3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục</i>					X		
<i>Chỉ số 3.6.3. Kết quả nghiên cứu của Trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học</i>					X		
<i>Chỉ số 3.6.4. Kết quả nghiên cứu của Trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế</i>				X			
Điểm TB của tiêu chí	4.75						

Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

Chỉ số 3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

1. Mô tả

Nhà trường có bộ phận chuyên trách về quản lý KHCN là Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế [H3.03.07.01.01]. Phòng có nhiệm vụ hỗ trợ cho CBGV trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN các cấp theo các quy định về hoạt động KHCN của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN và Trường ĐHSP [H3.03.07.01.02].

Nhà trường có kế hoạch và chính sách hỗ trợ GV về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [H3.03.07.01.03]. Các đề tài KHCN của GV được thực hiện theo đúng các quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường Đại học Sư phạm và cấp ĐHĐN [H3.03.07.01.04]. Các bước thực hiện một đề tài theo một trình tự chặt chẽ từ việc thông báo đăng kí đề xuất, thành lập hội đồng xét duyệt danh mục, tuyển chọn cá nhân chủ trì thực hiện đề tài đến việc nghiệm thu đề tài, quyết toán đề tài [H3.03.07.01.05]. Các quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường Đại học Sư phạm và cấp ĐHĐN nêu rõ tiêu chí về đạo đức học thuật đối với chủ nhiệm đề tài. Theo đó, những cá nhân vi phạm những quy định về các hành vi bị cấm trong Điều 8 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 đều không được phép chủ trì, tham gia thực hiện các đề tài KHCN các cấp [H3.03.07.01.06].

Bên cạnh đó, Nhà trường hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho GV thực hiện các đề tài KHCN thông qua các đề xuất mua sắm thiết bị NCKH hiện đại. Nhà trường đã được đầu tư các phòng thí nghiệm trọng điểm như dự án phòng thí nghiệm của Khoa Vật lý [H3.03.07.01.07], khoa Hóa học [H3.03.07.01.08], khoa Sinh - Môi trường [H3.03.07.01.09]. Tất cả các phòng nghiên cứu, thí nghiệm của Nhà trường đều được

lất đặt điều hòa [H3.03.07.01.09]. Nhà Trường giao quyền tự chủ cho các đơn vị chủ quản trong quản lý thiết bị và cho phép giảng viên sử dụng CSVN, các thiết bị thí nghiệm để nghiên cứu và giảng dạy [H3.03.07.01.10]. Nhà trường đang tiếp tục xây dựng các đề án để trình Bộ GD&ĐT phê duyệt kinh phí đầu tư thiết bị nghiên cứu và giáo dục [H3.03.07.01.11].

Bên cạnh hỗ trợ về cơ sở vật chất, Nhà trường còn hỗ trợ cho GV về mặt pháp lý, giấy tờ thủ tục để GV thực hiện các điều tra, khảo sát, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, địa phương khác [H3.03.07.01.12]. Hằng năm, Nhà trường có chính sách hỗ trợ giảng viên quy đổi giờ nghiên cứu khoa học từ các hoạt động khoa học khác nhau như bài báo, đề tài khoa học, hướng dẫn sinh viên NCKH [H3.03.07.01.13].

Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực nghiên cứu của GV, Nhà trường tổ chức các lớp tập huấn về hướng dẫn viết bài báo quốc tế, về sở hữu trí tuệ, và chuyển giao công nghệ ... [H3.03.07.01.14]. Nhà trường có chính sách khuyến khích GV nghiên cứu và thực hiện các công bố chất lượng cao thông qua quy định về khen thưởng KHCN [H3.03.07.01.15]. Ngoài khen thưởng cấp Trường, các công bố chất lượng cao còn được khen thưởng cấp ĐHQG, Thành phố Đà Nẵng, và cấp Bộ [H3.03.07.01.16].

Nhà trường luôn hỗ trợ tích cực cho GV trong các hồ sơ đề xuất, đấu thầu, thực hiện đề tài KHCN các cấp, đặc biệt là các đề tài KHCN địa phương. Nhà trường, chủ trì là Phòng KH&HTQT, phân công chuyên viên hướng dẫn chi tiết về các thủ tục giấy tờ, hồ sơ tài chính,... cho chủ nhiệm và thành viên đề tài trong quá trình thực hiện đề tài đạt hiệu quả cao nhất [H3.03.07.01.17].

Với kế hoạch phát triển bài bản và những chính sách hỗ trợ đúng đắn, hoạt động KHCN của Nhà trường đã đạt những thành tựu khả quan. GV Nhà trường đã đăng ký và thực hiện thành công nhiều đề tài KHCN các cấp [H3.03.07.01.18]. Số lượng bài báo trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế, đặc biệt là các bài báo ISI/Scopus trong các năm qua không ngừng tăng lên [H3.03.07.01.19]. Với những hoạt động KHCN tích cực như trên, GV Nhà trường đã nhận được nhiều giải thưởng KHCN các cấp [H3.03.07.01.20]. Bộ GD&ĐT có quyết định công nhận đề tài cấp tỉnh có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc cho đề tài nghiên cứu của Nhà trường [H3.03.07.01.21].

Các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của GV được Nhà trường quy định chặt chẽ, đảm bảo thực hiện đúng theo luật bản quyền, luật khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, và chống đạo văn [H3.03.07.01.22]. Nhà trường hỗ trợ tích cực cho GV về hồ sơ, giấy tờ để thực hiện các đăng ký sở hữu trí tuệ. Đến nay, GV Nhà trường đã được Cục sở hữu trí tuệ chứng nhận 05 Bằng độc quyền sáng chế [H3.03.07.01.23], và 03 Bằng độc quyền giải pháp hữu ích [H3.03.07.01.24].

Để đáp ứng ngày càng cao các hoạt động hỗ trợ cho giảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, Nhà trường đã tổ chức khảo sát giảng viên trong Trường về hoạt động này [H3.03.07.01.25]. Kết quả cho thấy hơn 90% GV hài

lòng về các quy định, chính sách hỗ trợ hiện hành. Thông qua khảo sát, một số ý kiến đề nghị Nhà trường có quy định cụ thể về đạo đức và y đức học thuật trong các nghiên cứu, khảo sát liên quan đến con người [H3.03.07.01.26]. Đây là điểm tồn tại mà Nhà trường sẽ khắc phục trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

- Trường ban hành nhiều Quy định về quản lý hoạt động KHCN, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của CBGV.

- Nhà trường tích cực hỗ trợ về thủ tục, giấy tờ và tạo mọi điều kiện để CBGV thực hiện các đề tài NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có quy định về đạo đức và y đức học thuật trong các nghiên cứu, khảo sát liên quan đến con người.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và ban hành quy định về đạo đức và y đức học thuật trong các nghiên cứu, khảo sát liên quan đến con người.	Phòng KH&HTQT	2021	2022
1	Phát huy điểm mạnh	Ban hành, điều chỉnh, bổ sung các chính sách nhằm tạo mọi điều kiện để cán bộ tham gia NCKH tích cực và có hiệu quả đặc biệt là các chính sách hỗ trợ bằng hiện vật.	Phòng KH&HTQT	2020	2022
2		Nghiên cứu và ban hành chính sách hỗ trợ về hoạt động đăng ký phát minh sáng chế và bảo hộ độc quyền.	Phòng KH&HTQT	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7
				X		

Chỉ số 3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình

1. Mô tả

Nhà trường xác định nhiệm vụ của một GV là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của đơn vị. Theo đó, giờ NCKH chuẩn của GV là 600 giờ/năm [H3.03.07.02.01]. Để phát triển hoạt động NCKH và hỗ trợ GV đáp ứng được quy định về số giờ NCKH như trên, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu khác nhau phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, bối cảnh của Trường. Quy định tính giờ NCKH GV đã cụ thể hóa các hoạt động nghiên cứu đa dạng của GV và quy đổi thành giờ NCKH cho các hoạt động này [H3.03.07.02.02]. Định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng cụ thể như cán bộ quản lý các cấp, GV nữ trong thời gian nghỉ thai sản,... được xác định tỉ lệ % phù hợp vị trí việc làm và chức năng, nhiệm vụ của họ so với giờ chuẩn của một giảng viên [H3.03.07.02.03]. Hằng năm, Nhà trường căn cứ vào giờ NCKH đã quy đổi để xếp loại thi đua khen thưởng cho cán bộ, GV [H3.03.07.02.04].

Hằng năm, Nhà trường thông báo đến các GV đăng kí thực hiện các hoạt động KHCN như thực hiện đề tài KHCN các cấp [H3.03.07.02.05], biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo [H3.03.07.02.06], hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học [H3.03.07.02.07], ... Đối với đề tài cấp Trường, Nhà trường ưu tiên xét chọn cá nhân thực hiện đề tài theo nhóm: Khởi nghiệp (đối với GV trẻ, mới về trường); Thường niên (tất cả các cán bộ); Trọng điểm (ưu tiên bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/ Scopus) [H3.03.07.02.08]. Bên cạnh các đề tài cấp trường, GV tùy theo năng lực và hướng nghiên cứu của mình, có thể tham gia đề tài cấp ĐHQĐN, cấp Tỉnh/ Thành phố, cấp Bộ, Nafosted... Hầu hết GV đều có cơ hội tham gia thực hiện đề tài các cấp [H3.03.07.02.09].

Trường đã thành lập các nhóm nghiên cứu để khuyến khích CBVC hợp tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài Trường nhằm có đủ nguồn lực để thực hiện các đề tài/ dự án lớn [H3.03.07.02.10]. Dù vậy, số lượng các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài của Nhà trường vẫn còn ít so với tiềm năng. Đây là điểm hạn chế của Nhà trường và cần được khắc phục vào những năm tới.

Nhà trường cũng đã quan tâm và hỗ trợ kinh phí để tổ chức các hoạt động KHCN như hội nghị/ hội thảo cấp quốc gia/ quốc tế, hội nghị/ hội thảo, seminar cấp Khoa/ Tổ bộ môn... [H3.03.07.02.11]. Các hoạt động này nhằm hỗ trợ tăng cường trao đổi kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu, chuyên môn nghiệp vụ và tích điểm NCKH cho GV... [H3.03.07.02.12].

Nhà trường đã có những chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của các đơn vị hằng năm như cho phép các đơn vị đăng kí kết hợp với giao chỉ tiêu viết bài báo khoa học ISI/Scopus, viết giáo trình, và hướng dẫn SV NCKH [H3.03.07.02.13].

Cuối mỗi năm học, Nhà trường thông báo kê khai và tổng hợp các hoạt động NCKH và quy đổi thành giờ NCKH của từng GV trong năm học đó [H3.03.07.02.14]. Các kết quả kê khai được kiểm tra và thông báo cụ thể đến từng GV [H3.03.07.02.15]. Kết quả kê khai cho thấy hoạt động NCKH của rất đa dạng và phù hợp với quy định của Nhà trường. Kết quả đã đạt được và những định hướng phát triển trong năm học

mới về các hoạt động KHCN luôn được báo cáo và thảo luận trong Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm [H3.03.07.02.16]. Mặc dù Nhà trường có nhiều các đề tài KHCN các cấp nhưng thiếu các đề tài KHCN có hợp tác quốc tế.

Rà soát các chính sách để cải thiện, nhằm tạo mọi điều kiện để giảng viên thực hiện các hoạt động NCKH khác nhau là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường trong thời gian sắp đến. Nhà trường đã khảo sát các giảng viên để nắm bắt tình hình thực tế về việc áp dụng các chính sách về các hoạt động khoa học khác nhau cụ thể cho từng đối tượng giảng viên [H3.03.07.02.17]. Kết quả, hơn 90% CBGV đồng ý với các chính sách về nghiên cứu khoa học hiện nay của Nhà trường [H3.03.07.02.18].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động NCKH khác nhau để GV tham và gia phù hợp với hoàn cảnh của từng nhóm GV.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các lớp tập huấn về viết dự án quốc tế để tìm kiếm cơ hội thực hiện các đề tài/dự án có sự hợp tác của các nhà khoa học quốc tế	Phòng KH&HTQT	2020	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục áp dụng các chính sách hỗ trợ cho giảng viên nhằm tạo điều kiện để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ NCKH	Phòng KH&HTQT phối hợp với các Khoa	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7
				X		

Chỉ số 3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường

1. Mô tả

Từ năm 2016 đến nay, Trường đã có nhiều thành tích nổi bật về KHCN. Nhiều đề tài các cấp đã và đang triển khai thực hiện: 03 đề tài Nafosted, 22 đề tài cấp Bộ, 01

nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, 49 đề tài cấp ĐHĐN, 37 đề tài cấp Trường Thường niên và **23 đề tài cấp Trường trọng điểm**, 10 đề tài cấp Tỉnh, Thành phố. [H3.03.07.03.01].

ĐHĐN và Trường yêu cầu GV cập nhật thường xuyên các thông tin khoa học cá nhân liên quan đến đề tài KHCN, bài báo khoa học ... trên hệ thống quản lý lịch khoa học của ĐHĐN, Google Scholar, ... [H3.03.07.03.02]. Trường đã ban hành quy định về việc bổ sung tài liệu và yêu cầu tất cả các đề tài NCKH, giáo trình, tài liệu giảng dạy đã nghiệm thu phải nộp về Thư viện để làm cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu và dạy học [H3.03.07.03.03]. Các thông tin KHCN đều được Nhà trường thông báo công khai, rộng rãi đến GV bằng nhiều hình thức như văn bản, email hoặc đăng tải trên website của Phòng KH&HTQT [H3.03.07.03.04]. Hằng năm, số lượng đề tài và tình hình thực hiện các đề tài được Phòng KH&HTQT báo cáo tại hội nghị CBVC và hội nghị tổng kết năm học và các cuộc họp giao ban KHCN [H3.03.07.03.05]. Các công bố khoa học có chất lượng được Nhà trường khen thưởng theo đúng quy định [H3.03.07.03.06] và công khai trên website của Phòng KH&HTQT [H3.03.07.03.07]

Trường đang thực hiện cải tiến việc cập nhật và công bố dữ liệu về hoạt động khoa học công nghệ. Tích hợp việc công khai các dữ liệu các công bố khoa học của giảng viên với việc tính giờ nghiên cứu khoa học, khen thưởng KHCN của CBGV toàn trường [H3.03.07.03.08].

Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ CSVC, trang thiết bị để GV hoàn thành đề tài khoa học. Nhà trường luôn cập nhật danh mục các trang thiết bị, dụng cụ thí nghiệm để các GV tra cứu và có kế hoạch sử dụng hiệu quả. Nội dung được đăng tải tại các website của Khoa có đầu tư các thiết bị thí nghiệm phục vụ cho công tác nghiên cứu và đào tạo như: <http://bio-env.ued.udn.vn/gioi-thieu/co-so-vat-chat> ; <http://phy.ued.udn.vn/introduction/laboratories/laboratories-16.html> ; và cập nhật trong sổ thiết bị các phòng thực hành [H3.03.07.03.09]. Tuy nhiên, việc sử dụng các thiết bị phục vụ nghiên cứu giữa các nhóm và các đơn vị chưa thực sự mạnh, chưa có sự phối hợp đồng bộ với nhau.

2. Điểm mạnh

Trường thường xuyên cập nhật danh sách đề tài, kinh phí thực hiện, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu để CBGV toàn trường có thể tiếp cận được các dữ liệu về hoạt động KHCN của Trường.

3. Điểm tồn tại

Kết nối và sử dụng chung các thiết bị nghiên cứu khoa học giữa các nhóm nghiên cứu, các đơn vị còn yếu.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các seminar, hội thảo giới thiệu về các thiết bị nghiên cứu khoa học hiện đại của Nhà trường và các hướng nghiên cứu có thể hợp tác cho các nhóm nghiên cứu trong Trường	Phòng KH&HTQT	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật danh sách đề tài, kinh phí thực hiện, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu để CBGV toàn trường có thể tiếp cận được các dữ liệu về hoạt động KHCN của Trường theo phần mềm mới	Phòng KH&HTQT và các Khoa	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7
				X		

* Tự đánh giá tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ</i>					X		
<i>Chỉ số 3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình</i>					X		
<i>Chỉ số 3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chuẩn 4: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/ địa phương

Chỉ số 4.8.1: Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông được Nhà trường xây dựng từ năm 2005. Đến nay Nhà trường đang tổ chức nhiều CTĐT, bồi dưỡng tại hơn 20 đơn vị liên kết (sau đây gọi là đơn vị liên kết) trong cả nước.

Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình xây dựng và phát triển nên Nhà trường đã luôn xây dựng kế hoạch cho các nội dung liên quan đến công tác đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông. Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng được xây dựng chi tiết, cụ thể cho từng hoạt động từ khảo sát nhu cầu bồi dưỡng, liên kết với địa phương chương trình bồi dưỡng, tài liệu phục vụ bồi dưỡng, đội ngũ GV, CSVC, kế hoạch giảng dạy [H4.04.08.01.01].

Nhà trường tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng theo các hình thức học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến [H4.04.08.01.02]. Việc kết hợp này tạo điều kiện học tập phù hợp cho các đối tượng, đáp ứng tốt các hoạt động tự học, học nhóm và học cộng tác; tăng khả năng tương tác giữa người học viên và giảng viên. Sự chuẩn bị chu đáo các điều kiện giảng dạy trực tuyến, việc phối hợp chặt chẽ với các cơ sở liên kết để được đảm bảo CSVC phục vụ giảng dạy được Nhà trường rất quan tâm và đây cũng là điều kiện bắt buộc khi Nhà trường kí hợp đồng liên kết [H4.04.08.01.03]. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cũng được các nhóm chuyên môn xây dựng khoa học, đảm bảo đúng nội dung và đủ thời lượng [H4.04.08.01.04].

Các khóa bồi dưỡng được Nhà trường tổ chức theo quy trình khoa học, thuận lợi cho các bên liên quan và ĐBCL đào tạo. Từ việc phân công giảng dạy, theo dõi học tập trực tuyến, tổ chức thi đến việc công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ đều được thực hiện khách quan và đảm bảo đúng quy chế, quy định [H4.04.08.01.05; H4.04.08.01.06.].

Hàng năm nhà trường tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cho hàng nghìn giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông [H4.04.08.01.07]. Đặc biệt, trong khuôn khổ Chương trình ETEP, năm 2019 Trường đã tổ chức tập huấn Mô đun 1 “*Tìm hiểu Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*” cho 2.465 GVPTCC đến từ 6 tỉnh thành phố gồm Đà Nẵng, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. Trong đó, số

lượng GVPTCC hoàn thành chương trình bồi dưỡng là 1.975 người trong đó 1307 là nữ và 22 người là dân tộc thiểu số [H4.04.08.01.08]. Năm 2020, Nhà trường tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tập huấn Mô đun 2 và Mô đun 3 cho 2.469 GVPTCC của 6 tỉnh thành được Bộ giao nhiệm vụ [H4.04.08.01.09] và cũng đã triển khai bồi dưỡng Mô đun 1 “ *Hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*” cho 73.810 GVPT các tỉnh [H4.04.08.01.10]. Kết quả đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông trong vùng và địa phương có tác động tích cực tới hoạt động dạy và học của Nhà trường. Đội ngũ giảng viên được liên tục tập huấn và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ này cũng được cập nhật liên tục những vấn đề mới về đổi mới giáo dục phổ thông, được tương tác liên tục với giáo viên phổ thông.... Nó giúp giảng viên có thêm một nguồn vốn rất lớn về tri thức và phương pháp cung cấp cho sinh viên tại giảng đường. Điều này giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và học tập sát với giáo dục phổ thông.

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông được thực hiện dựa trên nhu cầu thiết thực giúp giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông tăng cường bồi dưỡng kiến thức, nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý trường học và mang lại kết quả học tập tốt cho học sinh. Do đó, việc khảo sát lấy ý kiến từ phía các nhà quản lý cũng như giáo viên về nội dung, chương trình bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng là rất cần thiết. Hoạt động này được Nhà trường tổ chức định kì và nghiêm túc [H4.04.08.01.11]. Ngoài những CTĐT, bồi dưỡng do Bộ GD&ĐT ban hành thì việc xây dựng nội dung chương trình cho các khóa đào tạo khác đều được xây dựng trên cơ sở tham khảo kết quả các khảo sát từ phía giáo viên và cán bộ quản lý [H4.04.08.01.12].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức các hội nghị tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm rút kinh nghiệm và có những cải tiến cho năm tiếp theo. Hoạt động này được tổ chức tại Trường và mời các bên liên quan tham dự để có những đánh giá khách quan cho công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên [H4.04.08.01.13]. Cũng tại các hội nghị này, Nhà trường sẽ công bố kết quả của các cuộc khảo sát để các bên cùng bàn, đưa ra giải pháp tốt hơn và cùng xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo. Các đợt bồi dưỡng GVPTCC cũng được khảo sát mức độ hài lòng của người học sau mỗi đợt bồi dưỡng [H4.04.08.01.14]. Kết quả này giúp Nhà trường điều chỉnh kịp thời những tồn tại và phát huy hơn nữa những điểm mạnh của công tác bồi dưỡng **như điều chỉnh chương trình, kế hoạch các khóa đào tạo và bồi dưỡng, hiệu chỉnh tài liệu**

học tập, kết hợp nhiều phương pháp dạy học trong đào tạo và bồi dưỡng, phối hợp dạy học trực tuyến và trực tiếp.

2. Điểm mạnh

- Trường luôn chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng.
- Linh hoạt các hình thức đào tạo, bồi dưỡng (trực tiếp, trực tuyến)

3. Điểm tồn tại

- Trong các Hội nghị tổng kết công tác đào tạo và bồi dưỡng chưa có đầy đủ các đại diện của CSLK.

4. Kế hoạch cải tiến

Nêu những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện. Tương ứng với mỗi điểm tồn tại (hoặc mỗi điểm mạnh) nên chỉ ra tối thiểu một nội dung hành động, một điểm tồn tại (hoặc một điểm mạnh) có thể tương ứng với nhiều nội dung hành động.

Các nội dung của Kế hoạch cải tiến nên được liệt kê theo thứ tự sắp xếp các điểm tồn tại trong phần Điểm tồn tại và thứ tự sắp xếp các điểm mạnh trong phần Điểm mạnh trong bảng sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Mời đại diện của các ĐVLK của tất cả các đơn vị liên kết về dự Hội nghị tổng kết công tác đào tạo và bồi dưỡng.	Phòng Đào tạo	22/2021	2021
1	Phát huy điểm mạnh	Kế hoạch hóa hoạt động liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các cơ sở liên kết.	Phòng Đào tạo	2021	2022

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục

1. Mô tả

Khoa học giáo dục (KHGD) là một trong các lĩnh vực thế mạnh của Nhà trường ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên nên được ưu tiên đầu tư phát triển. KHGD còn được xác định ưu tiên thực hiện hàng đầu trong sứ mạng của Nhà trường [H4.04.08.02.01]. Vì vậy, phát triển khoa học giáo dục gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực miền Trung và Tây Nguyên được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong nghị quyết Đại hội đảng bộ Trường [H4.04.08.02.02]. Vì vậy, Nhà trường đã có chủ trương tăng cường liên kết với các Sở GDĐT, Sở KH-CN-MT và các trường đại học trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác về giáo dục và KH-CN đặc biệt là khoa học giáo dục [H4.04.08.02.03].

Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã phối hợp với các trường Đại học, các viện nghiên cứu, hội chuyên ngành trong và ngoài nước để tổ chức các hội thảo, hội nghị Quốc gia và Quốc tế. Tiêu biểu là Hội thảo Quốc tế Ngôn ngữ học: “Ngôn ngữ học Việt Nam - những chặng đường hội nhập và phát triển” được phối hợp với Viện Ngôn ngữ học Việt Nam [H4.04.08.02.04]; Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ X năm 2018 được phối hợp với Hội Địa lí Việt Nam [H4.04.08.02.05]; Hội thảo quốc tế “Kĩ nghệ tri thức và hệ thống” (KSE) - năm 2019 [H4.04.08.02.06]. Về khoa học giáo dục chuyên sâu, Nhà trường đã tổ chức thành công các sự kiện như Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lí học học đường lần thứ V với chủ đề: “ Phát triển Tâm lí học học đường trên thế giới và ở Việt Nam” năm 2016 [H4.04.08.02.07]; Hội nghị Giảng dạy Vật lí toàn quốc lần IV - năm 2018 được phối hợp với Hội giảng dạy Vật lí Việt Nam [H4.04.08.02.08]; Hội thảo quốc tế “Giáo dục đại học Việt Nam và châu Á: tương quan và cơ hội hợp tác” – năm 2020 [H4.04.08.02.09]. Kết quả thu được từ các hội nghị, hội thảo này là tạo uy tín của Nhà trường trong cộng đồng các Trường đại học và địa phương và đúc kết những kinh nghiệm, giải pháp, kiến nghị về giáo dục được thể hiện trong các báo cáo khoa học tại hội nghị [H4.04.08.02.10].

Bên cạnh đó, Trường là đơn vị chủ trì thực hiện nhiều đề tài KH-CN cấp tỉnh, thành phố, đã được nghiệm thu và ứng dụng vào thực tế [H4.04.08.02.11]. Kết quả của đề tài “*Xây dựng chương trình giáo dục phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học thành phố Đà Nẵng*” được sử dụng tập huấn cho giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng [H4.04.08.02.12]. Kết quả đề tài “*Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tổng hợp các loại keo dán gỗ thân thiện với môi trường và ứng dụng trong sản xuất ván gỗ nhân tạo MDF*” đã được UBND tỉnh Quảng Nam công nhận và chuyển giao công nghệ cho công ty cổ phần Gỗ công nghiệp tỉnh Quảng Nam và được Bộ GD&ĐT công nhận giá trị ứng dụng và phạm vi ảnh hưởng toàn quốc

[H4.04.08.02.13]. Ngoài ra, Trường cũng đã đề xuất, đấu thầu các nhiệm vụ KHCN của các cấp ở nhiều địa phương trên cả nước như tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kiên Giang... Các đề tài mà Trường đã và đang tổ chức chủ trì thực hiện với thành phố và các tỉnh thành đều có giá trị giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như các đề tài: *Nghiên cứu phát triển công nghệ nhuộm màu tự nhiên trên vải lụa tơ tằm và vải sợi tổng hợp thay thế cho công nghệ nhuộm màu sử dụng hóa chất* (đề tài cấp tỉnh Quảng Nam năm 2019); *Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống bệnh trầm cảm ở người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi* (đề tài cấp tỉnh Quảng Ngãi năm 2019); *Nghiên cứu đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang* (đề tài tỉnh Kiên Giang năm 2018)... [H4.04.08.02.14].

Theo quy định nghiệm thu đề tài, Nhà trường thường xuyên mời các nhà khoa học từ các Sở GD&ĐT, Sở KHCN, các cơ quan ngoài trường, các GV, giáo viên từ các trường đại học và trung học tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Trường để tạo sự khách quan trong nhận xét đánh giá và góp phần nâng cao chất lượng của đề tài [H4.04.08.02.15]. Hằng năm, Nhà trường gửi các công trình KHCN tham gia xét giải thưởng KHCN thành phố Đà Nẵng theo đúng quy định [H4.04.08.02.16].

Tuy nhiên, Trường vẫn chưa có nhiều kí kết, thỏa thuận với các bên liên quan để thực hiện một số chương trình, sự kiện lớn. Một trong những giải pháp phát triển về KHCN tiếp theo của Nhà trường trong thời gian đến là tăng cường mối quan hệ với các Sở ban ngành địa phương và các tỉnh khác nhằm thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học liên quan đến giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội [H4.04.08.02.17].

Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến giảng viên về sự cần thiết của việc phối hợp với các bên liên quan tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực khoa học giáo dục. Hơn 90% GV Nhà trường hài lòng với các hoạt động phát triển chuyên môn, nhiệm vụ của mình do Nhà trường tổ chức.

2. Điểm mạnh

Trường đã phối hợp với các cơ quan và các đại phương tổ chức nhiều hoạt động về khoa học giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Chưa có văn bản thỏa thuận hợp tác với các trường đại học khác để phối hợp tổ chức định kì các sự kiện khoa học giáo dục với quy mô lớn.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành kí kết văn bản hợp tác khoa học với các trường Đại học, cơ quan nghiên cứu và địa phương	Phòng KH&HTQT	2020	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các hoạt động tổ chức sự kiện về khoa học giáo dục với các cơ sở	Phòng KH&HTQT	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7
				X		

* Tự đánh giá tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương

Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.</i>					X		
<i>Chỉ số 4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế

Chỉ số 4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này.

1. Mô tả

Hợp tác quốc tế (HTQT) là một trong những lĩnh vực hoạt động được Nhà trường quan tâm thúc đẩy phát triển trên cơ sở phân công cho một bộ phận đảm nhiệm là Phòng Khoa học và HTQT [H4.04.09.01.01], [H4.04.09.01.02]. Nhà trường đã xây dựng và ban hành các kế hoạch HTQT dài hạn giai đoạn 2017 – 2021 tầm nhìn 2030 [H4.04.09.01.03]. Các mục tiêu phát triển hoạt động HTQT trong giai đoạn mới được đề cập trong Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 [H4.04.09.01.04]. Các kế hoạch dài hạn trên được cụ thể bằng các kế hoạch hoạt động hằng năm [H4.04.09.01.05].

Để quản lý và đẩy mạnh hoạt động HTQT, Nhà trường đã áp dụng các quy định và quy chế của Đại học Đà Nẵng như *Quy định về người nước ngoài học tập tại Đại học Đà Nẵng* [H4.04.09.01.06], *Quy định về công tác quản lý hoạt động quốc tế của Đại học Đà Nẵng* [H4.04.09.01.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định liên quan như *Quy định về hoạt động hợp tác quốc tế tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng* [H4.04.09.01.08], *Quy định về thu hút chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng* [H4.04.09.01.09].

Để tăng cường giao lưu, kết nối khoa học công nghệ và học thuật, GV và SV Nhà trường được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này. Nhà trường xây dựng được mạng lưới đồng đẳng các đối tác quốc tế, từ các trường đại học, viện nghiên cứu đến các tổ chức phi chính phủ trên thế giới thông qua các bản ghi nhớ, biên bản hợp tác,...[H4.04.09.01.10]. Nhà trường chủ động tiếp và làm việc với khoảng 30 đoàn khách quốc tế mỗi năm để trao đổi, tìm kiếm các cơ hội hợp tác về NCKH, trao đổi GV và SV [H4.04.09.01.11]. Trường cũng đã chủ động cử các đoàn cán bộ lãnh đạo và GV ra nước ngoài để trao đổi, thảo luận với các đối tác về cơ hội hợp tác trong đào tạo, NCKH và đồng chủ trì các dự án quốc tế [H4.04.09.01.12]. Thông qua các hợp tác trên, nhiều học bổng cho các khóa học thạc sĩ, nghiên cứu sinh của các đối tác đã lựa chọn và trao cho GV và SV nhà trường [H4.04.09.01.13].

Khi tham dự các hội thảo quốc tế, các dự án quốc tế ở trong và ngoài nước, GV Nhà trường được hỗ trợ kinh phí ăn ở và đi lại theo hướng dẫn trong *Quy định về tham dự hội nghị, hội thảo khoa học ban hành năm 2017* [H4.04.09.01.14]. Định mức kinh phí hỗ trợ được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H4.04.09.01.15]. Để tăng cường số lượng công bố khoa học ở các Hội thảo quốc gia và quốc tế, Nhà trường đã điều chỉnh quy định về tham dự hội nghị, hội thảo khoa học theo hướng tăng số lần được hỗ trợ kinh phí cho mỗi GV trong năm và ban hành năm 2019 [H4.04.09.01.16]. Trên cơ sở các chính sách được quy định rõ ràng, từ năm 2017 đến 2019, nhiều GV đã tích cực tham gia các hội thảo quốc tế trong và ngoài nước [H4.04.09.01.17]. Riêng trong năm 2020, nhiều GV Nhà trường đã có kế hoạch nhưng không thể ra nước ngoài tham dự hội nghị, hội thảo do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Ngoài ra, hằng năm Trường tổ chức 1-2 hội thảo khoa học, seminar quốc tế để GV và SV có cơ hội giao lưu với các nhà khoa học và tiếp cận với các hướng nghiên cứu mới trên thế giới như Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học học đường lần thứ V với chủ đề: “ Phát triển Tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam” năm 2016 [H4.04.09.01.18]; Hội thảo khoa học quốc tế về Ngôn ngữ học lần thứ I với chủ đề: “Ngôn ngữ học Việt Nam - những chặng đường phát triển và hội nhập quốc tế” năm 2018 [H4.04.09.01.19], Hội thảo Quốc tế Công nghệ tri thức và hệ thống (Knowledge and Systems Engineering – KSE) lần thứ 11 năm 2019 [H4.04.09.01.20].

Thư mời tham dự hội thảo trên được Nhà trường gửi đến tất cả các đối tác quốc tế có cùng lĩnh vực nghiên cứu để tăng cường cơ hội giao lưu, xuất bản chung. Nhà trường khuyến khích GV công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín quốc tế thông qua các quy định về khen thưởng bài báo [H4.04.09.01.21]. Thời gian qua, nhiều bài báo đăng trên các tạp chí ISI/Scopus của các GV Nhà trường được khen thưởng theo quy định trên [H4.04.09.01.22]

Trường chủ động tham gia các chương trình, dự án quốc tế như: Chương trình Hợp tác giữa Trường Đại học Sư phạm- ĐHQĐN và Hội Động vật học Frankfurt trong đào tạo nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn thiên nhiên từ năm 2011 đến nay [H4.04.09.01.23]; Chương trình phát triển sách điện tử (Ebook) theo STEM với Đại học Hull (Vương quốc Anh) từ năm 2016 đến năm 2018 [H4.04.09.01.24]; Dự án triển khai tập huấn về phục hồi chức năng tâm lý cho trẻ khuyết tật tại thành phố Đà Nẵng do JICA (Nhật Bản) tài trợ từ năm 2018 đến năm 2020 [H4.04.09.01.25]; Dự án Phát triển CTĐT trong lĩnh vực Khoa học Phân tử và Vật liệu theo định hướng nghiên cứu (MOMA) từ năm 2019 đến năm 2021 [H4.04.09.01.26]. Trong khuôn khổ nội dung hợp tác của các chương trình, dự án trên, nhiều GV và SV Nhà trường được tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn ở trong và ngoài nước [H4.04.09.01.27].

Nhà trường tổ chức và hỗ trợ cho SV tham gia các chương trình trao đổi ngắn hạn ở nước ngoài [H4.04.09.01.28]. Trường đã tổ chức các buổi giao lưu, trao đổi học thuật với chuyên gia, SV nước ngoài để tăng cường giao lưu, kết nối trong sinh viên [H4.04.09.01.29]. GV của Trường tiếp nhận và hướng dẫn SV nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường [H4.04.09.01.30]. Các chính sách và hoạt động HTQT đã mang lại hiệu quả trong việc khuyến khích GV và SV tham gia vào mạng lưới quốc tế. GV và SV đã có nhiều cơ hội làm việc, trao đổi học thuật, nghiên cứu và học tập với các chuyên gia nước ngoài.

Nhà trường chủ động đưa tin tức về tiếp đón đoàn và thông báo về các chương trình trao đổi SV lên website của Trường [H4.04.09.01.31]. Các hoạt động HTQT, hoạt động khuyến khích, hỗ trợ cho giảng viên và người học khi tham gia mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu được tổng hợp và báo cáo định kì hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan chức năng như ĐHQĐN, Sở Ngoại vụ, Hội Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố Đà Nẵng... [H4.04.09.01.32].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát kế hoạch hoạt động HTQT dài hạn để có những điều chỉnh cho phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế. Nhà trường ban hành những kế hoạch hoạt động ngắn hạn phù hợp với thực tiễn điều kiện của Trường để khuyến khích giảng viên và người học tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu quốc tế và xuất bản các bài báo quốc tế [H4.04.09.01.33].

Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các quy định về hợp tác quốc tế, Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của GV và SV [H4.04.09.01.34]. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các ý kiến hài lòng với các quy định, chính sách khuyến khích GV và SV tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản hiện tại của Nhà trường [H4.04.09.01.35]. Tuy nhiên, một số ý kiến cũng đề nghị tăng mức kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động trên. Đồng thời một số ý kiến cũng đề nghị xây dựng chính sách để thu hút GV, SV quốc tế đến làm việc và học tập tại trường [H4.04.09.01.36].

Trên cơ sở các góp ý đó và có sự chỉ đạo của Đảng ủy, Nhà trường đã xây dựng dự thảo để xin ý kiến góp ý các bên liên quan cho Quy định về chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Trường [H4.04.09.01.37] và Quy định về chính sách thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Trường [H4.04.09.01.38]. Về mức kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của GV và SV nói chung và hoạt động hợp tác quốc tế nói riêng, Nhà trường đã có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ để xây dựng mức kinh phí hỗ trợ phù hợp cho từng hoạt động.

2. Điểm mạnh

- Hệ thống văn bản, quy định, chính sách về cơ bản đã được ban hành và đưa vào áp dụng, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế.

- Nhà trường tham gia nhiều chương trình, dự án quốc tế, tạo thuận lợi cho GV và SV khi muốn tham gia các lớp học ngắn hạn, dài hạn ở trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

- Mức kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động hợp tác quốc tế còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ để xây dựng mức kinh phí hỗ trợ phù hợp cho từng hoạt động	P. KHTC	2020	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật hệ thống các quy định, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động HTQT.	P.KH & HTQT	2018	2021

	Tiếp tục hỗ trợ, khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia các chương trình trao đổi quốc tế, học tập và nghiên cứu ở nước ngoài	P.KH & HTQT và các khoa	2019	2022
--	--	-------------------------	------	------

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng

1. Mô tả

Nhằm phát triển HTQT đa phương, Nhà trường đã lập kế hoạch dài hạn và ngắn hạn cho việc đa dạng hóa các hoạt động hợp tác và phát triển các mối quan hệ liên kết theo hướng bền vững trong đào tạo và nghiên cứu khoa học [H4.04.09.02.01]. Để nâng cao vị thế của Nhà trường trong khu vực và trên thế giới, Nhà trường đặt mục tiêu phát triển mạnh các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng, và hợp tác nghiên cứu khoa học quốc tế trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ VIII nhiệm kỳ 2020-2025 [H4.04.09.02.02] và Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020-2025 [H4.04.09.02.03]. Trường đã tăng cường kí kết thoả thuận MoU/MoA với nhiều viện nghiên cứu và trường đại học trên thế giới để nâng cao cơ hội xây dựng các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học [H4.04.09.02.04]. Các đối tác và Nhà trường có cùng thế mạnh trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội, nhân văn, và khoa học giáo dục.

Nhà trường đã tổ chức các đoàn cán bộ ra nước ngoài để tìm kiếm các cơ hội hợp tác trong đào tạo và NCKH, trao đổi GV và SV. Năm 2018, Trường tổ chức 02 đoàn cán bộ đi Ấn Độ và Nhật Bản [H4.04.09.02.05], [H4.04.09.02.06]. Năm 2019, Trường đã tổ chức đoàn cán bộ sang Đài Loan và Trung Quốc để triển khai trao đổi và kí kết các chương trình trao đổi sinh viên với ĐH Quốc Lập Cao Hùng, Đài Loan [H4.04.09.02.07] và Trường ĐHSP Vân Nam, Trung Quốc [H4.04.09.02.08]. Trường cũng đã cử đoàn công tác đến các tỉnh của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào năm 2016 để giới thiệu Trường và các chương trình học bổng dành cho SV Lào [H4.04.09.02.09]. Trong năm 2020, Nhà trường có kế hoạch cử GV sang châu Âu để

học tập về phát triển chương trình đào tạo và định hướng phát triển liên kết đào tạo. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên kế hoạch trên không thực hiện được. Nhà trường đã triển khai các hoạt động hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học theo các MoU/MoA đã ký kết và tiếp đón nhiều SV quốc tế đến học tập, thực tập tại Trường. Hằng năm, Nhà trường tiếp nhận các SV Đại học Quốc lập Cao Hùng (Đài Loan) và Trường ĐHSP Vân Nam (Trung Quốc) đến học tập theo Chương trình trao đổi 01 năm [H4.04.09.02.10], [H4.04.09.02.11]; SV từ Viện nghiên cứu Village Studies (Hoa Kỳ) sang học tập ngắn hạn về môi trường và đời sống văn hóa cộng đồng [H4.04.09.02.12]; SV Trường Đại học Calgary và Trường Odisee College University sang thực tập sư phạm tại Trường và các trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng [H4.04.09.02.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã mời và đón tiếp nhiều chuyên gia đến giảng dạy tại Trường [H4.04.09.02.14]. Ngoài ra, Nhà trường phối hợp với đối tác nước ngoài cùng thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án quốc tế [H4.04.09.02.15]; và tổ chức các hội thảo quốc tế như Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học học đường lần thứ V với chủ đề: “ Phát triển Tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam” năm 2016 [H4.04.09.02.16]; Hội thảo khoa học quốc tế về Ngôn ngữ học lần thứ I với chủ đề: “Ngôn ngữ học Việt Nam - những chặng đường phát triển và hội nhập quốc tế” năm 2018 [H4.04.09.02.17], Hội thảo Quốc tế Công nghệ tri thức và hệ thống (Knowledge and Systems Engineering – KSE) lần thứ 11 năm 2019 [H4.04.09.02.18].

Nhà trường hỗ trợ tích cực trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án hợp tác với các đối tác nước ngoài liên quan đến phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng, và nghiên cứu khoa học như Dự án xây dựng sách điện tử với Đại học Hull (Vương Quốc Anh) [H4.04.09.02.19], Dự án IPLAY với VVOB (Vương Quốc Bỉ) [H4.04.09.02.20], Dự án triển khai tập huấn về phục hồi chức năng tâm lý cho trẻ khuyết tật tại thành phố Đà Nẵng [H4.04.09.02.21], Dự án Phát triển CTĐT trong lĩnh vực Khoa học Phân tử và Vật liệu theo định hướng nghiên cứu [H4.04.09.02.22]. Thông qua các chương trình hợp tác, nhiều CBGV đã được mời ra nước ngoài tham quan, nghiên cứu, trao đổi hợp tác tại các nước như Nhật Bản, Úc, Đức, Bỉ [H4.04.09.02.23]. Thêm vào đó, Chương trình hợp tác giữa Trường Đại học Sư phạm-ĐHĐN và Hội Động vật học Frankfurt trong đào tạo nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn thiên nhiên được thực hiện từ năm 2011 đến nay cho thấy Nhà trường đã chú trọng tới bảo vệ môi trường và phát triển bền vững [H4.04.09.02.24].

Trong xu thế toàn cầu hóa, Nhà trường cũng chú trọng xây dựng CTĐT có tích hợp các vấn đề toàn cầu như vấn đề môi trường, giới tính vào các CTĐT. Điều này được thể hiện qua nội dung các chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo [H4.04.09.02.25], [H4.04.09.02.26]. Bên cạnh đó, Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động cho SV tuyên truyền về các vấn đề môi trường, nước sạch, vấn đề giới và phát triển, vấn đề bạo hành gia đình... [H4.04.09.02.27].

Hàng năm, Nhà trường đều có rà soát và tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động HTQT và vạch ra các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ và biện pháp để triển khai trong năm học mới để tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học [H4.04.09.02.28]. Trên cơ sở những đánh giá trên và ý kiến góp ý của các bên liên quan, Nhà trường đã xây dựng dự thảo và sẽ sớm ban hành thêm các quy định mới về HTQT như Quy định về Chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Trường [H4.04.09.02.29]; Quy định về Chính sách thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Trường [H4.04.09.02.30]; Quy định hỗ trợ GV nâng cao năng lực ngoại ngữ [H4.04.09.02.31]. Các quy định trên sẽ tạo tiền đề phát triển các hoạt động liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Nhà trường cũng tiến hành rà soát các chương trình đào tạo, bồi dưỡng để cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình trong và ngoài nước [H4.04.09.02.32].

2. Điểm mạnh

- Có hệ thống các quy định hỗ trợ, khuyến khích cán bộ tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Có nhiều MoU về hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có nhiều chuyên gia nước ngoài đến Trường làm việc trong thời gian 1 năm trở lên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường quảng bá và thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút chuyên gia quốc tế đến làm việc tại Trường	Tất cả các đơn vị	2020	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục ký kết các MoU mới và triển khai thực hiện các MoU đã ký kết	Tất cả các đơn vị	2017	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦

			X		
--	--	--	---	--	--

Chỉ số 4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định.

1. Mô tả

Nhà trường đang thực hiện theo phương châm 2C-2H: chuyên nghiệp, chất lượng, hiện đại, hội nhập như Đại hội Đảng bộ Trường ĐHSP lần thứ VIII đã đề ra [H4.04.09.03.01]. Để đạt được chất lượng và hội nhập, Đại hội đã đề xuất nâng cao chất lượng đội ngũ GV trong thời gian tới với mục tiêu cụ thể là phấn đấu đến năm 2025, tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ đạt 60%; giáo sư, phó giáo sư đạt tối thiểu 10%. Để đạt được mục tiêu trên và hội nhập sâu rộng, bên cạnh năng lực chuyên môn, Nhà trường luôn chú trọng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ và SV của Trường thông qua các kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 [H4.04.09.03.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát mức độ thông thạo ngoại ngữ của cán bộ, GV theo quy định của Bộ GDĐT và ĐHĐN [H4.04.09.03.03], [H4.04.09.03.04].

Theo Quy định của Nhà trường, tiêu chuẩn để tuyển dụng vào vị trí GV phải có trình độ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương trở lên [H4.04.09.03.05]. GV sau khi được tuyển dụng phải đăng kí lộ trình cụ thể để nâng cao năng lực chuyên môn và ngoại ngữ [H4.04.09.03.06]. Nhà trường áp dụng Quy chế của ĐHĐN về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức ĐHĐN trong đó quy định cán bộ tham gia học tập sau đại học ở trong nước phải đạt chuẩn ngoại ngữ theo Quy định, cụ thể là thạc sĩ, tiến sĩ phải đạt IELTS lần lượt từ 5.0 và 5.5 trở lên [H4.04.09.03.07].

Bên cạnh các quy định bắt buộc, Nhà trường có chính sách khuyến khích các đơn vị tổ chức seminar, hội thảo quốc tế để GV và SV có cơ hội tiếp xúc với các nhà khoa học quốc tế, tăng cường năng lực chuyên môn và ngoại ngữ [H4.04.09.03.08]. Nhà trường đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, seminar, hội thảo khoa học quốc tế với sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài như Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lí học học đường lần thứ V với chủ đề: “ Phát triển Tâm lí học học đường trên thế giới và ở Việt Nam” năm 2016 [H4.04.09.03.09]; Hội thảo khoa học quốc tế về Ngôn ngữ học lần thứ I với chủ đề: “Ngôn ngữ học Việt Nam - những chặng đường phát triển và hội nhập quốc tế” năm 2018 [H4.04.09.03.10], Hội thảo Quốc tế Công nghệ tri thức và hệ thống (Knowledge and Systems Engineering – KSE) lần thứ 11 năm 2019 [H4.04.09.03.11], Hội thảo quốc tế về Giáo dục đại học Việt Nam và châu Á: Tương quan và cơ hội hợp tác năm 2020 [H4.04.09.03.12] . Qua các buổi tập huấn, hội thảo đó, GV và SV được rèn luyện thêm kĩ năng nghe và nói để vận dụng vào công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Ngoài ra, để khuyến khích GV đầu tư vào nâng cao năng lực ngoại ngữ cho bản thân và SV, các học phần dạy bằng tiếng Anh tại trường được tính hệ số giờ giảng 1.5 [H4.04.09.03.13]. Nhà trường khuyến khích GV viết bài báo quốc tế để tăng cường khả năng ngoại ngữ và chuyên môn qua việc khen thưởng

cho các GV có bài báo quốc tế được đăng trên các tạp chí ISI/Scopus [H4.04.09.03.14].

Để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho người học, Nhà trường có quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh học tập tại Trường [H4.04.09.03.15], [H4.04.09.03.16]. Theo đó, SV trước khi tốt nghiệp phải đạt được trình độ tiếng Anh bậc 3, các ngoại ngữ khác đạt trình độ bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam [H4.04.09.03.17]. Bên cạnh tiếng Anh là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo, Nhà trường còn tổ chức các lớp học tiếng Nhật cho các SV có nhu cầu [H4.04.09.03.18]. Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt thi tiếng Anh để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định [H4.04.09.03.19]. Trong các đợt xét tốt nghiệp cho người học, Nhà trường chỉ xem xét tốt nghiệp cho những người học đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra ngoại ngữ [H4.04.09.03.20]. Bên cạnh đó, Trường khuyến khích SV tham gia các chương trình giao lưu văn hóa, học tập ngắn hạn ở nước ngoài bằng cách hỗ trợ một phần hoặc toàn phần kinh phí [H4.04.09.03.21]. Trường tổ chức các buổi giao lưu với SV nước ngoài để tạo cơ hội cho SV tiếp xúc, giao lưu với SV quốc tế [H4.04.09.03.22].

Từ những chính sách quyết liệt trên, Nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu trong nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV và SV thông qua kết quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và giao lưu học thuật. Tính đến 12/2020, tỉ lệ TS của Trường là 45,3% trong tổng số GV của trường, trong đó có 36 TS tốt nghiệp ở các trường đại học trên thế giới [H4.04.09.03.23]. Hiện tại, Nhà trường có 16 GV đang học nghiên cứu sinh và 04 GV đang làm nghiên cứu sau tiến sĩ ở nước ngoài [H4.04.09.03.24]. Thực hiện quy định về giảng dạy bằng ngoại ngữ, thời gian qua đã có nhiều học phần được GV đầu tư thời gian và công sức để chuyển sang giảng dạy bằng tiếng Anh [H4.04.09.03.25]. Thêm vào đó, Chương trình Sư phạm Vật lý của Trường đã đạt chuẩn theo bộ tiêu chuẩn kiểm định Đông Nam Á [AUN-QA] vào 12/2019 [H4.04.09.03.26]. Đây là chương trình sư phạm duy nhất hiện nay của Việt Nam đạt được chuẩn theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA 3.0 [H4.04.09.03.27]. Kết quả trên cho thấy năng lực ngoại ngữ của GV và SV Nhà trường nói chung và của Khoa Vật lý nói riêng đã cơ bản đáp ứng yêu cầu của khu vực Đông Nam Á. Về năng lực tiếng Anh học thuật, trong năm học 2019-2020, toàn trường có 101 bài báo quốc tế, trong đó có 66 bài báo ISI/Scopus [H4.04.09.03.28]. Nhà trường đã chi kinh phí khen thưởng cho tác giả của các bài báo này [H4.04.09.03.29]. Nhiều sinh viên của Nhà trường có cơ hội tham gia các chuyến giao lưu, học tập ngắn hạn ở nước ngoài [H4.04.09.03.30].

Hàng năm, Nhà trường rà soát và đánh giá tổng kết tất cả các hoạt động, trong đó có nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế, của năm học trước và đề xuất phương hướng, kế hoạch hành động cho năm học tiếp theo [H4.04.09.03.31], [H4.04.09.03.32]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành khảo sát các bên liên quan về các quy định, chính sách liên quan đến nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV và SV

[H4.04.09.03.33]. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các ý kiến tham gia khảo sát hài lòng với các quy định, chính sách hiện tại của Nhà trường [H4.04.09.03.34]. Tuy nhiên, một số ý kiến đánh giá số học phần giảng dạy bằng tiếng Anh hiện tại còn ít và chưa cho hướng dẫn, yêu cầu chi tiết về giảng dạy bằng tiếng Anh [H4.04.09.03.35]. Một số ý kiến đề nghị Nhà trường có chính sách hỗ trợ cho GV khi tham gia học và thi các chứng chỉ ngoại ngữ [H4.04.09.03.36]. Lãnh đạo Nhà trường nhận thức đây là điểm tồn tại và cần cần khắc phục trong thời gian tới. Hiện tại, Nhà trường đã biên soạn dự thảo Quy định về chính sách nâng cao năng lực ngoại ngữ của giảng viên và chờ góp ý của các bên liên quan [H4.04.09.03.37].

2. Điểm mạnh

- Có nhiều chính sách, quy định khuyến khích giảng viên và sinh viên nâng cao trình độ ngoại ngữ
- Có chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác nước ngoài.
- Tổ chức được nhiều seminar, hội thảo khoa học quốc tế.

3. Điểm tồn tại

- Số học phần giảng dạy bằng tiếng Anh còn ít.
- Chưa có quy định hướng dẫn chi tiết về giảng dạy bằng tiếng Anh.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao chất lượng và số lượng các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh thông qua quy định hướng dẫn chi tiết	P. Đào tạo và các đơn vị	2021	2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện hiệu quả các quy định, chính sách	Các đơn vị	2020	2022
		Tiếp tục tổ chức các seminar, hội thảo khoa học quốc tế	Phòng KH&HTQT và các đơn vị	2021	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦

				X		
--	--	--	--	---	--	--

Tự đánh giá Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế

Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này</i>					X		
<i>Chỉ số 4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng</i>					X		
<i>Chỉ số 4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định</i>					X		
Điểm tiêu chí	5						

Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác

Chỉ số 4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau

1. Mô tả

Cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức đã được Trường đã xác định rõ trong sứ mạng, cụ thể: “Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên”. Với nguồn nhân lực và tài lực hiện có, Nhà trường đã và đang thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chiến lược [H4.04.10.01.01]. Ngoài ra, việc xây dựng nhân lực, vật lực, tài lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức được thể hiện cụ thể trong Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 [H4.04.10.01.02]. Từ năm 2017 đến 2020, Nhà trường đã đào tạo được 3945 Cử nhân khoa học, 839 Thạc sĩ, 05 Tiến sĩ. Đây là nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động khu vực miền Trung - Tây nguyên và cả nước [H4.04.10.01.03]. Bên

cạnh các hệ đào tạo chính quy, Nhà trường cũng rất chú trọng đến công tác bồi dưỡng để tăng cường năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên của các cơ quan, đơn vị thông qua các lớp bồi dưỡng ngắn hạn như: Nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học; Nghiệp vụ Quản lý Giáo dục, công tác tư vấn học đường, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp [H4.04.10.01.04]. Ngoài ra, Giảng viên của Trường có sự đóng góp nhất định cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường, tổ chức xã hội như: hướng dẫn và chấm thi cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cho các trường THPT; giảng dạy cho các trường thành viên ĐHQĐ và thỉnh giảng cho các trường đại học khác; tham gia hướng dẫn luận văn, luận án và các hội đồng chấm luận văn, luận án...[H4.04.10.01.05], [H4.04.10.01.06].

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, từ năm 2017, Nhà trường đã chủ động xây dựng và định kỳ thực hiện kế hoạch rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo để đáp ứng chuẩn đầu ra nghề nghiệp phù hợp với xu thế đổi mới và tình hình thực tiễn ở địa phương [H4.04.10.01.07]. Ngoài ra, hằng năm Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh các loại hình, trong đó thể hiện được nguồn nhân lực, vật lực để thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo các ngành, lĩnh vực [H4.04.10.01.08].

Người học sau khi tốt nghiệp làm việc ở nhiều ngành nghề khác nhau và đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội. SV tốt nghiệp của Trường hiện đang công tác tại các trường đại học, các trường phổ thông, mầm non cũng như công ty, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ... Các SV hầu hết được công tác ở các lĩnh vực phù hợp với ngành được đào tạo. Trong đó, có nhiều SV tốt nghiệp đang làm việc cho các trường ĐHSP, các trường đại học khác như Đại học Quảng Nam, Đại học Phạm Văn Đồng, Trường Chính trị thành phố Đà Nẵng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng... Các cựu SV này làm việc ở nhiều vị trí và vai trò khác nhau từ lãnh đạo quản lý, giảng dạy, cán bộ chuyên trách tại các phòng chức năng [H4.04.10.01.09].

Đối với cựu SV, Nhà trường luôn giữ mối liên hệ thường xuyên và trao đổi thông tin qua các hoạt động như lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động rà soát, cập nhật, phát triển chương trình đào tạo; ngày hội Hội Cựu sinh viên của các Khoa; các hoạt động văn - thể - mỹ hằng năm; khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp; mời thỉnh giảng cựu sinh viên công tác các trường đại học nếu đảm bảo điều kiện theo quy định...[H4.04.10.01.10].

Để đáp ứng được yêu cầu chuyên môn ngày càng cao của các vị trí việc làm, đặc biệt ở các cơ sở giáo dục đại học, ngoài việc thường xuyên rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển mới các ngành đào tạo bậc đại học; Nhà trường luôn chú trọng đến công tác phát triển các ngành sau đại học, đặc biệt là các ngành về phương pháp giảng dạy. Năm 2017, Trường có 10 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, trong đó chỉ có 02 chuyên ngành Thạc sĩ về giáo dục học, phương pháp

giảng dạy. Thực hiện kế hoạch phát triển các ngành sau đại học, đặc biệt là các ngành về giáo dục học, phương pháp giảng dạy, đến năm 2020, Trường có 17 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 7 ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ, trong đó, có thêm 02 chuyên ngành Tiến sĩ và 04 chuyên ngành thạc sĩ về giáo dục học, phương pháp giảng dạy. Tiếp tục kế hoạch phát triển các ngành đào tạo, hằng năm phát triển thêm 1 ngành tiến sĩ và 1-2 ngành thạc sĩ [H4.04.10.01.11].

2. Điểm mạnh

Trường đã cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đa dạng về lĩnh vực, ngành nghề cho các tổ chức trong cả nước và trọng tâm là khu vực Miền trung - Tây nguyên.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng kế hoạch để cải tiến cho hoạt động kết nối với cựu sinh viên của trường đang làm việc ở các vị trí cán bộ lãnh đạo, quản lí, giảng viên của trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch để cải tiến hoạt động kết nối và trao đổi thông tin thường xuyên với đội ngũ cựu sinh viên đặc biệt là cựu sinh viên đang công tác trong các cơ sở giáo dục đại học	Phòng CTSV	2021	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch và lộ trình phát triển đội ngũ GV (Phó Giáo sư và Tiến sĩ) để phát triển các ngành đào tạo Sau đại học mới đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao	Phòng TC-HC	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Chỉ số 4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn

1. Mô tả

Năm 2017, Trường tham gia chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) với mạng lưới 07 trường ĐHSP chủ chốt [H4.04.10.02.01]. Trường đã tích cực tham gia các hoạt động của chương trình ETEP như: xây dựng thỏa thuận PA; đánh giá TEIDI; xây dựng, góp ý, đánh giá danh mục chuyên đề bồi dưỡng, bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán, chủ trì biên soạn tài liệu bồi dưỡng, góp các tài liệu bồi dưỡng của Trường... [H4.04.10.02.02], [H4.04.10.02.03], [H4.04.10.02.04], [H4.04.10.02.05], .

Dưới sự chỉ đạo của Ban quản lý chương trình ETEP trung ương các trường sư phạm chủ chốt thường xuyên có các hoạt động chung, hoạt động phối hợp nhằm chia sẻ kinh nghiệm quản lý, kế thừa, phát triển và công nhận các sản phẩm của nhau. Bên cạnh việc tham gia vào mạng lưới các Trường đại học sư phạm thông qua Chương trình ETEP, Trường cũng đã có sự liên kết, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học cũng như các sở ban ngành và các trường phổ thông địa phương. Về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, Trường đã chủ động hợp tác liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng trong khu vực như: Trường Đại học Quảng Nam, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum; Trường Đại học Phạm Văn Đồng; Trường Đại học Quảng Bình; Trường Đại học Bình Dương; Phân hiệu Đại học Bình Dương tại Cà Mau; Phân hiệu Trường Trung cấp Tổng hợp Đông Nam Á tại Cần Thơ; Trường Cao đẳng Bách Khoa Sài Gòn và Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk [H4.04.10.02.06]. Năm 2020, Trường tiếp tục mở rộng hợp tác với các đơn vị liên kết mới như Trường Trung cấp Hồng Hà thành phố Cần Thơ, Trường Trung cấp Việt Khoa thành phố Hồ Chí Minh [H4.04.10.02.07].

Đối với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, Trường là đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện một số đề tài NCKH cấp tỉnh/ thành phố như Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kiên Giang, Đắk Nông ... [H4.04.10.02.08]. Ngoài ra, Trường thường xuyên mời các chuyên gia, các nhà khoa học từ các trường đại học, các Sở ban ngành và các trường phổ thông tham gia với cương vị là thành viên hội đồng nghiệm thu đề tài các cấp do Nhà trường chủ trì thực hiện, đồng thời nhiều GV của Trường cũng là thành viên tham gia đánh giá và nghiệm thu đề tài KHCN, hội đồng bảo vệ luận văn Thạc sĩ, Tiến sĩ của các bên liên quan [H4.04.10.02.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, các buổi tập huấn nhằm chia sẻ, trao đổi những kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục như: hội nghị giảng dạy Vật lý toàn quốc lần thứ 4 năm 2018, hội thảo Địa lý toàn quốc năm 2018, hội thảo khoa học Quốc tế “Kỹ nghệ tri thức và hệ thống - KSE năm 2019, hội thảo Khoa học quốc tế với chủ đề: “Giáo dục đại học Việt Nam và châu Á: Tương quan và cơ hội hợp tác năm 2020 và các hội nghị hội thảo cấp Khoa/ Bộ môn có sự tham gia của các đơn vị liên kết trên [H4.04.10.02.10].

Công tác theo dõi, đánh giá cán bộ, giảng viên của trường tham gia chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn ở các lĩnh vực, Trường những phương thức theo dõi, đánh giá khác nhau. Về nội dung tham gia vào Chương trình ETEP, theo cách thức vận hành của chương trình thì quá trình giám sát đánh giá được triển khai song hành với các hoạt động của chương trình. Nhờ đó mà các hoạt động được giám sát, đánh giá, cải tiến liên tục góp phần vào sự thành công bước đầu của chương trình ETEP [H4.04.10.02.11]. Về hoạt động hoạt động liên kết đào tạo bồi dưỡng, hằng năm, Trường có kế hoạch quảng bá và xúc tiến liên kết ở các địa phương, thông qua hoạt động, hằng năm, Trường tổ chức tổng kết để đánh giá các hoạt động đã triển khai trong năm từ đó, xây dựng giải pháp và kế hoạch cho các năm tiếp theo. Nhờ hoạt động xúc tiến liên kết hằng năm, hoạt động liên kết đào tạo bồi dưỡng đã có sự phát triển rõ nét và đi vào chiều sâu, trong đó, năm 2020 có thêm 02 đơn vị liên kết đào tạo, đặc biệt 02 đơn vị trên ở các địa phương lớn của cả nước (TP Hồ Chí Minh và Cần Thơ) [H4.04.10.01.07], [H4.04.10.02.12]. Đối với hoạt động khoa học công nghệ, Trường xây dựng quy định khen thưởng hoạt động KHCN, kế hoạch hoạt động KHCN từng năm học và quy chế hoạt động nhóm nghiên cứu để từ đó có sự theo dõi, đánh giá và nâng cao hiệu quả hoạt động chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn với các đơn vị nói riêng và hoạt động KHCN của nhà trường nói chung. Kết quả của những hoạt động thiết thực trên đã không ngừng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường, thể hiện rõ nét nhất ở các hội thảo quốc tế được tổ chức tại Trường, đề tài NCKH cấp tỉnh tăng, số bài báo đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế, có chỉ số cao tăng vượt bậc cũng như sản phẩm nghiên cứu khoa học công nghệ được chuyển giao cho các địa phương cũng các sản phẩm của nghiên cứu khoa học đã được cung cấp ra thị trường [H4.04.10.02.13], [H4.04.10.02.14].

2. Điểm mạnh

Trường đã tham gia nhiều hoạt động chung trong mạng lưới các trường sư phạm trọng điểm và đóng góp hiệu quả cho các hoạt động đổi mới của ngành.

Trường đã tham gia nhiều hoạt động hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực khác nhau từ đào tạo bồi dưỡng đến nghiên cứu, chuyển giao công nghệ góp phần phát triển chung về kinh tế - văn hóa - xã hội của các địa phương.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có nhiều các kí kết bằng văn bản hằng năm với các sở, ban ngành của các tỉnh, thành trong việc hợp tác tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, NCKH và chuyển giao công nghệ.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1	Khắc phục tồn tại	Thỏa thuận và có những các kí kết bằng văn bản hằng năm với các sở, ban ngành của các tỉnh, thành trong việc hợp tác tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, NCKH và chuyển giao công nghệ	Trường ĐHSP	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nhận rộng các mô hình (đối tượng và hình thức) cũng như các lĩnh vực liên kết (công nghệ thông tin, hóa dược, du lịch, báo chí...) về đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ	Trường ĐHSP	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành

1. Mô tả

Trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho GV và người học tham gia các hoạt động chuyên môn của Trường cũng như trong ngành. **Nội dung của những chính sách này được thể hiện cụ thể trong các Nghị quyết của Đảng bộ Trường, Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường đặc biệt thể hiện chi tiết trong Nghị quyết Hội nghị CBVC hàng năm [H4.04.10.03.01].** Chính sách hỗ trợ được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường; Quy định tham dự hội nghị, hội thảo; Quy định hoạt động KHCN của cán bộ, giảng viên và Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên [H4.04.10.03.02].

Nội dung các quy định trên đã cụ thể hóa về mức chi cho hoạt động hỗ trợ GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục. Đồng thời xây dựng quy định tham dự Hội nghị, Hội thảo nhằm chuyên nghiệp hóa công tác quản lý, khuyến khích GV tham dự các hoạt động chuyên môn [H4.04.10.03.03]. Trong những năm qua, Nhà trường đã cử nhiều lượt GV tham gia xây dựng ngân hàng câu hỏi thi quốc gia do Bộ GD&ĐT chủ trì, góp ý xây dựng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi thi Olympic quốc tế, tham gia các hội đồng đánh giá của kì thi khoa học kĩ thuật quốc

gia dành cho học sinh phổ thông, tham dự các hội nghị, hội thảo về chuyên môn [H4.04.10.03.04]. Năm học 2019-2020, Nhà trường đã cử gần 50 GVSP cốt cán tham gia bồi dưỡng cho 2.485 giáo viên phổ thông cốt cán và hỗ trợ bồi dưỡng hơn 73.000 giáo viên phổ thông đại trà ở 6 tỉnh, thành phố theo phân công của Bộ GD&ĐT [H4.04.10.03.05], [H4.04.10.03.06]. Đối với sinh viên, khi tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo, các kỳ thi sinh viên giỏi đã được Trường hỗ trợ về tài chính cũng như khen thưởng với các đề tài đạt giải, đặc biệt, trong quy định khen thưởng đã có sự phân nhóm khen thưởng, hỗ trợ kinh phí theo cấp, giải thưởng mà sinh viên tham gia và đạt được để khuyến khích sinh viên tích cực tham gia [H4.04.10.03.07].

Để có thể theo dõi, đánh giá các hoạt động hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành, Trường quy định việc báo cáo của Giảng viên sau khi được cử tham gia các hội nghị, hội thảo [H4.04.10.03.08]. Đối với các hỗ trợ về khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn và đánh giá cuộc thi KHKT các cấp..., Trường đánh giá thông qua các báo cáo tổng kết về khoa học công nghệ hằng năm cũng như Báo cáo tổng kết năm học [H4.04.10.03.09]. Ngoài ra, trong các nội dung đánh giá xếp loại viên chức hàng năm, các nội dung về các hoạt động trên của Giảng viên được chú trọng trong việc xây dựng điểm thưởng trong tổng điểm để đánh giá, xếp loại [H4.04.10.03.10].

Năm 2020, Trường đã ban hành nhiều quy định nhằm khuyến khích và nâng cao hoạt động chuyên môn của giảng viên và người học. Trường đã ban hành Quy định khen thưởng đối với các đề tài, giải pháp, sáng kiến, bài báo quốc tế có chỉ số cao cho Giảng viên [H4.04.10.03.11]. Ngoài ra, để nâng vị thế đối với Tạp chí Khoa học xã hội nhân văn và giáo dục, Trường đã ban hành Quy định chế độ nhuận bút đối với các tác giả có bài báo đăng trên tạp chí cũng như có quy định về việc đăng bài trên Tạp chí của các Giảng viên có đề tài cấp Trường được phê duyệt [H4.04.10.03.12]. Kế hoạch điều chỉnh, cải tiến trên đã có những hiệu quả bước đầu, trong đó rõ nét nhất được thể hiện qua số bài báo đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế của Giảng viên tăng và Tạp chí của Trường đã được một số Tạp chí quốc tế đưa vào chỉ mục, định danh cũng như chấp nhận các chỉ số [H4.04.10.03.13], [H4.04.10.03.14].

2. Điểm mạnh

Chính sách hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành được Trường triển khai trên các lĩnh vực trọng điểm và có quy định rõ ràng với những chính sách hỗ trợ cao.

3. Điểm tồn tại

Người học chưa được tham gia thường xuyên một số hoạt động chuyên môn của ngành như Hội thi nghiệp vụ sư phạm.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên tổ chức Hội thi nghiệp vụ sư phạm để người học có cơ hội rèn luyện và nâng cao năng lực sư phạm	Phòng CTSV Các khoa	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, hoàn chỉnh các quy định về các chính sách hỗ trợ Giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành	Phòng KH&HTQT	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

1. Mô tả

Hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ luôn được Trường chú trọng triển khai và khuyến khích mở rộng hoạt động này, **đặc biệt, năm 2019, Đảng ủy Trường đã xây dựng Nghị quyết chuyên đề riêng cho hoạt động đào tạo sau đại học và bồi dưỡng các chương trình ngắn hạn [H4.04.10.04.01], [H4.04.10.04.02].** Đối với hoạt động liên kết đào tạo, bồi dưỡng, định kỳ hằng năm, Trường tổ chức các đoàn xúc tiến liên kết ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) các cấp để trao đổi, rút kinh nghiệm về hoạt động liên kết cũng như mở rộng các đơn vị mới. Hiện nay, Trường có hơn 40 đơn vị liên kết về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, trong đó, năm 2020 có thêm 06 đơn vị liên kết mới là Trường Trung cấp Hồng Hà thành phố Cần Thơ, Trường Trung cấp Việt Khoa, Viện Giáo dục phát triển Quốc tế Việt, Trung tâm GDTX tỉnh Kon Tum, Trung tâm GDTX huyện Sa Thầy, Trung tâm GDTX huyện Đắk Hà. Ngoài ra, Trường đã huy động đội ngũ GV sư phạm chủ chốt và tập trung CSVC tốt nhất để phục vụ cho hoạt động bồi dưỡng giáo viên phổ thông đại trà, hoạt động này mang tính chất hỗ trợ các địa phương trên cơ sở bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán theo chương trình ETEP cho các địa phương được phân công **[H4.04.10.04.03].**

Bên cạnh hoạt động hợp tác trong nước, Trường luôn khuyến khích các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học thuộc các nước có nền giáo dục phát triển. Do đó, Trường đã chủ động kí kết MoU với các đối tác ở nước ngoài [H4.04.10.04.04]. Các nội dung trong MoU đã được triển khai thực hiện, trong đó, hoạt động trao đổi sinh viên đã được tiến hành từ năm 2019 [H4.04.10.04.05].

Trường cũng khuyến khích CBVC tham gia các hoạt động hợp tác với các tổ chức và cá nhân thông qua NCKH và CGCN bằng cách thành lập các nhóm nghiên cứu để thực hiện các đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các tỉnh, thành phố ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên [H4.04.10.04.06].

Việc theo dõi, đánh giá hoạt động liên kết đào tạo, bồi dưỡng được thông qua biên bản ghi nhớ cũng như hợp đồng giữa Trường và các đơn vị liên kết. Nội dung thỏa thuận được thể hiện rõ về trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như các nội dung công việc cụ thể để Trường có thể theo dõi, đánh giá được quá trình liên [H4.04.10.04.07].

Để có những đánh giá hoạt động liên kết đào tạo, bồi dưỡng, hằng năm, Trường tiến hành tổng kết, đánh giá hoạt động và xây dựng giải pháp, kế hoạch để không ngừng nâng cao hiệu quả cho hoạt động những năm tiếp theo [H4.04.10.04.08].

2. Điểm mạnh

Hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ được Trường triển khai chủ động, linh hoạt đáp ứng được nhu cầu đa dạng về nội dung, hình thức của các đơn vị liên kết.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động phối hợp nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chưa thực sự phân bố đều ở các lĩnh vực của Trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch và chính sách để khuyến khích phối hợp nghiên cứu và chuyển giao công nghệ ở các lĩnh vực chưa mạnh	Phòng KH&HTQT	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ động điều tra, khảo sát định kỳ hàng năm để công tác dự báo, lập kế hoạch hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu	Trường ĐHSP	2021	2022

		và chuyển giao công nghệ ngày càng hiệu quả cao.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

* Tự đánh giá Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác

Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau				X			
Chỉ số 4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn					X		
4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành					X		
4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ				X			
Điểm TB của tiêu chí	4.5						

Tiêu chí: 4.11. Thông tin và truyền thông

Chỉ số 4.11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư.

1. Mô tả

Nhà trường có kế hoạch đẩy mạnh và phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông, đặc biệt trong việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn. Việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn như: giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo; khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; tạp chí khoa học; kỉ yếu hội thảo, hội nghị, và các ấn phẩm chuyên môn khác luôn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ và tôn trọng quyền riêng tư [H4.04.11.01.01].

Hoạt động sở hữu trí tuệ trong Nhà trường được thực hiện theo Quy định về quản lí hoạt động sở hữu trí tuệ do ĐHĐN ban hành [H4.04.11.01.02]. Cụ thể, Nhà trường đã xây dựng, xin góp ý của các bên liên quan và ban hành quy định về biên soạn, lựa

chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục sau đại học, đại học vào năm 2017 [H4.04.11.01.03]. Quy định này hướng dẫn chi tiết trình tự các bước xây dựng, thẩm định và đưa vào sử dụng các loại tài liệu tham khảo, giáo trình, bài giảng một cách chặt chẽ trên cơ sở tham chiếu các quy định của ĐHĐN và các thông tư hướng dẫn liên quan [H4.04.11.01.04]. Trong quá trình thực hiện quy định này, Nhà trường luôn lắng nghe ý kiến góp ý của GV và đối sánh với các quy định liên quan của ĐHĐN và Bộ GDĐT. Nhà trường đã tiến hành rà soát, tham vấn ý kiến các bên liên quan cho quy định bằng văn bản và đã nhận được nhiều góp ý quý báu [H4.04.11.01.05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã điều chỉnh và ban hành mới quy định về việc biên soạn và công nhận tài liệu học tập năm 2019 [H4.04.11.01.06]. Quy định mới điều chỉnh, bổ sung một số nội dung so với quy định trước để phù hợp với các quy định của quốc gia, ĐHĐN, và ý kiến các bên liên quan. Tất cả các CBGV đăng ký và được phê duyệt biên soạn, xuất bản và đưa vào sử dụng giáo trình đều thực hiện theo quy định này [H4.04.11.01.07]. Các giáo trình sau khi nghiệm thu sẽ được chỉnh sửa bởi chủ biên và được biên tập lại, in ấn bởi các nhà in chuyên nghiệp [H4.04.11.01.08].

Các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của GV được Nhà trường quy định chặt chẽ, đảm bảo thực hiện đúng theo luật bản quyền, luật khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ [H4.04.11.01.09]. Các quy định này nêu rõ hình thức xử lý với các trường hợp vi phạm về sở hữu trí tuệ, ...

Tạp chí Khoa học và Giáo dục Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN được cấp phép hoạt động từ năm 2011 [H4.04.11.01.10]. Năm 2017, Tạp chí đã đề nghị và được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép đổi tên tạp chí thành Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN (tên tiếng Anh: Journal of Science of The University of Danang - University of Science and Education) [H4.04.11.01.11]. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Tạp chí, Nhà trường đã định hướng phát triển tạp chí theo hướng chuyên sâu về Khoa học Xã hội, Nhân văn, và Giáo dục [H4.04.11.01.12]. Đây là một trong những lĩnh vực nghiên cứu và xuất bản thế mạnh của Nhà trường ở khu vực miền Trung-Tây Nguyên. Phát triển theo hướng chuyên sâu sẽ giúp Tạp chí có cơ hội tham gia được vào các hệ thống trích dẫn lớn của quốc tế, nâng cao vị thế của Nhà trường. Vì vậy, Tạp chí đã đề nghị và được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép đổi tên thành “Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục” (tên tiếng Anh: Journal of Social Sciences, Humanities and Education) [H4.04.11.01.13]. Sau khi đổi tên, Tạp chí đã được chấp nhận vào nhiều hệ thống trích dẫn phổ biến trong nước và quốc tế [H4.04.11.01.14]. Đặc biệt, Tạp chí đã được Bộ GDĐT quyết định đầu tư kinh phí để phát triển gia nhập vào hệ thống trích dẫn Đông Nam Á (ACI) [H4.04.11.01.15]. Mục tiêu đến hết năm 2023, Tạp chí sẽ được gia nhập vào ACI và định hướng phát triển theo Scopus. Qua 9 năm hoạt động, Tạp chí luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo

văn. Nhà trường đã ban hành “Quy chế hoạt động của Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP-ĐHĐN” để nâng cao hiệu quả hoạt động của Tạp chí [H4.04.11.01.16]. Quy chế quy định rõ quy trình tiếp nhận bài báo, phản biện, đăng bài được xây dựng rõ ràng, đảm bảo tính chính xác, khoa học và bảo mật. Quy chế này được điều chỉnh, bổ sung vào năm 2018 và năm 2020 để phù hợp với tôn chỉ, mục tiêu của Tạp chí trong từng giai đoạn [H4.04.11.01.17]. Nhà trường đã hoàn thành xây dựng website theo hướng tạp chí mở để xuất bản trực tuyến tạp chí nhằm nâng cao chất lượng và tiếp cận tốt hơn với các nhà khoa học [H4.04.11.01.18]. Bên cạnh xuất bản trực tuyến, Nhà trường đã hợp đồng với Nhà in để phát hành rộng rãi các ấn phẩm khoa học của Nhà trường [H4.04.11.01.19].

Nhà trường luôn tuân thủ các quy định về thực hiện khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ của Bộ GDĐT [H4.04.11.01.20]. Quy chế đào tạo tín chỉ của Nhà trường quy định rõ việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp của SV để tuân thủ về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, và chống đạo văn [H4.04.11.01.21]. Ngoài ra, Trường đã ban hành các Quy định chi tiết để quản lý việc viết luận văn thạc sĩ [H4.04.11.01.22] và luận án tiến sĩ [H4.04.11.01.23]. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Nhà trường cũng tuân thủ nghiêm các yêu cầu về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư theo các quy định của ĐHĐN và Trường ĐHSP [H4.04.11.01.24]. Trường có website quản lý học tập riêng, đảm bảo các thông tin lưu trữ đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và hỗ trợ người học tốt hơn [H4.04.11.01.25].

Việc xuất bản các ấn phẩm khoa học như: kỷ yếu hội thảo, hội nghị luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước, Pháp luật, quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư. Trước khi tổ chức hội thảo, Nhà trường luôn có các thông báo, kế hoạch đầy đủ [H4.04.11.01.26]. Các bài báo gửi đến Tạp chí khoa học hay đến kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học đều được Nhà trường mời 1-2 nhà khoa học cùng chuyên môn để phản biện bài báo, giảm thiểu trường hợp đạo văn và vi phạm bản quyền [H4.04.11.01.27]. Tất cả các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học của Nhà trường được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản và chỉ số ISBN [H4.04.11.01.28].

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả các quy định quản lý liên quan hoạt động xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn trong trường, Nhà trường đã tiến hành khảo sát GV và SV [H4.04.11.01.29]. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn GV và SV hài lòng với các quy định liên quan của Nhà trường [H4.04.11.01.30]. Các ý kiến góp ý đề nghị Nhà trường trang bị các phần mềm chuyên nghiệp để phát hiện đạo văn, tự đạo văn một cách tự động và hiệu quả.

Trong năm 2020, Tạp chí khoa học Nhà trường đã đăng kí xuất bản 4 số tiếng Việt và 1 một số tiếng Anh. Đến nay, Nhà trường đã hoàn thành được các kế hoạch trên với tổng số 70 bài tiếng Việt [H4.04.11.01.31], 10 bài tiếng Anh

[H4.04.11.01.32]. Bên cạnh đó, GV Nhà trường đã được Cục sở hữu trí tuệ chứng nhận có thêm 5 Bằng độc quyền sáng chế [H4.04.11.01.33] và 3 Bằng độc quyền giải pháp hữu ích [H4.04.11.01.34]. Thư viện Nhà trường đã đưa tất cả các đề tài NCKH, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án lên hệ thống quản lý trực tuyến để cho tất cả các GV và SV Nhà trường có thể truy cập được [H4.04.11.01.35]. Các hoạt động trên được giám sát thường xuyên và được báo cáo hoàn thành kế hoạch đề ra cho năm 2020 [H4.04.11.01.36].

Các hoạt động thông tin và truyền thông của Nhà trường luôn được định hướng để tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ và tôn trọng quyền riêng tư. Tuy nhiên, hiện tại Nhà trường chưa được trang bị phần mềm chuyên nghiệp trong việc phát hiện đạo văn. Đây là điểm tồn tại được lãnh đạo và GV Nhà trường chỉ ra. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch trang bị phần mềm này cho Phòng KH&HTQT trong năm 2021 để nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Điểm mạnh

- Các quy định liên quan của Nhà trường được điều chỉnh, bổ sung kịp thời để nâng cao hiệu quả của các hoạt động xuất bản, thông tin và truyền thông.

- Hệ thống quản lý trực tuyến các ấn phẩm chuyên môn của Nhà trường hoạt động ổn định và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có phần mềm phát hiện đạo văn chuyên nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Trang bị phần mềm chống đạo văn chuyên nghiệp.	Phòng KH&HTQT	2019	2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát các quy định liên quan của Nhà trường để nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý - Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp phân hệ quản lý KHCN của Trường	Phòng KH & HTQT	2020	2021

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦

				X		
--	--	--	--	---	--	--

Chỉ số 4.11.2. Trường công khai các thông tin, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

1. Mô tả

Công bố công khai thông tin được Nhà trường xem là công cụ giải trình đến người học, nhà tuyển dụng, các cấp quản lý và các bên liên quan khác về chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và các hoạt động học thuật khác của Nhà trường. Do đó, thông tin, truyền thông và minh bạch thông tin luôn là vấn đề Nhà trường chú trọng thực hiện. Hằng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch công khai các thông tin đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm [H4.04.11.02.01].

Nhà trường xác định website, mạng xã hội là kênh thông tin quan trọng để thông tin về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Địa chỉ website của Nhà trường: <http://ued.udn.vn> (tiếng Việt), <http://en.ued.udn.vn> (tiếng Anh). ngoài website, Nhà trường còn tăng cường làm tốt công tác thông tin truyền thông trên mạng xã hội [H4.04.11.02.02]. Từ năm 2015, Trường đã thành lập Tổ Truyền thông nhằm chuyên nghiệp hóa công tác truyền thông, thông tin của Trường. Tổ có quy chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động được nêu rõ trong quy chế. Hoạt động của Tổ được vận hành như một tờ báo mạng chuyên nghiệp, trong đó có người viết tin, duyệt bài, đăng bài và chi trả nhuận bút [H4.04.11.02.03].

Các thông tin về chất lượng đào tạo, hệ thống cơ sở vật chất, tài chính, đội ngũ cán bộ, thông tin về tuyển sinh và nhập học, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp hằng năm được các đơn vị chức năng trong trường xác lập thường xuyên. Theo kế hoạch của Trường cũng như của Đại học Đà Nẵng về thực hiện báo cáo công khai năm học hằng năm, Nhà trường thực hiện thu thập các số liệu, hoàn thiện các báo cáo và tiến hành công khai hằng năm theo quy định [H4.04.11.02.04], [H4.04.11.02.05].

Các số liệu báo cáo về người học, CBVC, hệ thống cơ sở vật chất, tài chính, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm được căn cứ trên hệ thống dữ liệu quản lý được cập nhật thường xuyên của Nhà trường và có tính xác thực. Các kết quả được công bố công khai trên website của nhà trường, Đại học Đà Nẵng cũng như cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.11.02.06].

Cùng với đại học Đà Nẵng, hằng năm Nhà trường lập kế hoạch, xây dựng đề án tuyển sinh với việc xác định đối tượng tuyển sinh, phạm vi, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành, khối ngành. Đề án tuyển sinh được công bố công khai trên website của Trường (<http://tuyensinh.ued.udn.vn>), trang thông

tin tuyển sinh của ĐHĐN (<http://ts.udn.vn>). Ngoài ra trường còn làm tốt công tác quảng bá tuyển sinh trên mạng xã hội để phổ biến thông tin tuyển sinh của Nhà trường đến các đối tượng liên quan [H4.04.11.02.07].

Sau khi kết thúc tuyển sinh, nhà trường công bố danh sách sinh viên trúng tuyển, tình hình nhập học các chuyên ngành trên trang tuyển sinh chung của Đại học Đà Nẵng (<http://ts.udn.vn>) và trên website của Trường (<http://tuyensinh.ued.udn.vn>), việc công bố kết quả tuyển sinh trên các website giúp Trường minh bạch thông tin tuyển sinh, các đối tượng liên quan có thể truy cập thông tin một cách dễ dàng [H4.04.11.02.08].

Để đánh giá chất lượng hoạt động tuyển sinh cũng như hoạt động truyền thông các thông tin tuyển sinh đến các đối tượng liên quan, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh. Qua các nội dung được trao đổi, đánh giá tại hội nghị giúp Trường đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng công tác tuyển sinh, nâng cao hiệu quả việc truyền thông, giúp thông tin dễ dàng đến với các bên liên quan [H4.04.11.02.09].

Hàng năm, căn cứ kế hoạch năm học Nhà trường tổ chức các đợt xét tốt nghiệp cho người học đã hoàn thành CTĐT và tích lũy đủ các điều kiện tốt nghiệp, quyết định và danh sách người học tốt nghiệp được công bố trên website <http://daotao.ued.udn.vn> [H4.04.11.02.10]. Sau khi người học tốt nghiệp đủ 6 tháng và một năm, Nhà trường tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và công bố công khai trên website của Nhà trường và Cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.11.02.06].

Hàng năm, Nhà trường đều đánh giá hiệu quả việc thực hiện chính sách công bố thông tin, dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và đề xuất các kế hoạch cải tiến hiệu quả công bố công thông tin, dữ liệu [H4.04.11.02.11].

2. Điểm mạnh

Trường đã trang bị phần mềm quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu đảm bảo các thông tin được lưu trữ đồng bộ, chính xác, thống nhất và nhanh chóng.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp còn gặp khó khăn do sinh viên thay đổi các thông tin liên hệ sau khi ra trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục	Vận hành hiệu quả các ban	Phòng CTSV,	2020	2022

	tồn tại	liên lạc cựu sinh viên để thu thập thông tin việc làm của SV	các khoa		
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về CSVN, CBGV, người học.	Toàn trường	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

* Tự đánh giá Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông

Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 4.11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư.</i>					X		
<i>Chỉ số 4.11.2. Trường công khai các thông tin, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chuẩn 5. MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC

Tiêu chí 5.12. Môi trường sự phạm

Chỉ số 5.12.1. Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường

1. Mô tả

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường được quy hoạch, thiết kế theo quy định và tiêu chuẩn quốc gia: tỷ lệ diện tích đất xây dựng công trình đạt 28%, tỷ lệ đất nền, cây xanh, thảm cỏ đạt 47,5%, mặt nước đạt 3,8% và đất giao thông nội bộ, bãi giữ xe đạt 20,4% [H5.05.12.01.01]. Các công trình xây dựng của Nhà trường đã thực hiện đều dựa trên định hướng của quy hoạch tổng thể 1:500 [H5.05.12.01.02]. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2030. Căn cứ theo đó Trường đã lập quy hoạch tổng thể 1:500 và đã được UBND TP. Đà Nẵng, Viện Quy hoạch xây dựng TP. Đà Nẵng phê duyệt năm 2015 [H5.05.12.01.03]. Cụ thể hóa bằng Kế hoạch định hướng quy hoạch phát triển CSVC Trường ĐHSP - ĐHDN đến 2025, Tầm nhìn đến 2030 [H5.05.12.01.04].

Căn cứ theo chiến lược trên hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển CSVC của trường như: Dự án đầu tư CSVC hạng mục nhà A6, cải tạo nhà hiệu bộ và KTX sinh viên Trường ĐHSP – ĐHDN; dự án Tăng cường kỹ năng thực hành và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; dự án Đầu tư trang thiết bị Phòng thí nghiệm Vật lý trọng điểm; dự án Đầu tư tăng cường năng lực CSVC, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng; dự án Tăng cường năng lực về CSVC và hạ tầng công nghệ thông tin trong khuôn khổ Chương trình ETEP để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng; đề án Phát triển chương trình đào tạo trong lĩnh vực Khoa học Phân tử và Vật liệu theo định hướng nghiên cứu (Dự án MOMA); đề án Xây dựng Trung tâm phát triển chương trình và đánh giá chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng [H5.05.12.01.05].

Triết lý trong xây dựng quy hoạch của Nhà trường là lấy người học làm trung tâm, đảm bảo người học có được môi trường tốt nhất để học tập và nghiên cứu. Bên cạnh các phòng học lý thuyết, Nhà trường chú trọng xây dựng các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ hoạt động học tập NCKH của SV và GV; xây dựng KTX cho SV, bố trí các phòng tự học và những vị trí nghỉ ngơi, giải trí cho SV sau những giờ học căng thẳng; xây dựng Nhà thi đấu đa năng, các sân thể dục, thể thao phục vụ cho các hoạt động phong trào của SV; phát triển hệ thống cây xanh, thảm cỏ, hồ sen tạo điểm nhấn thiết kế cảnh quan, khu vực đọc sách thoáng mát... tạo không gian yên tĩnh cho người học học tập và nghỉ ngơi [H5.05.12.01.05], [H5.05.12.01.06].

Cảnh quan môi trường luôn được cải tạo, duy trì xanh, sạch phù hợp với môi trường sư phạm. Sân vận động đã được nâng cấp khắc phục điểm tồn tại của năm 2019. Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường được xây dựng theo quy hoạch, thiết kế đã được phê duyệt. Từ năm 2017 đến 2020, Nhà trường liên tục hoàn thành nhiều công trình xây dựng, cải tạo và nâng cấp phục vụ nhu cầu người học như: nâng cấp cải tạo khu KTX cho SV quốc tế, xây dựng mới Nhà hoạt động đa năng, xây dựng nhà A6, xây dựng khu tự học nhà A6, công trình cải tạo cảnh quan sân vườn khu vực nhà A, công viên mặt tiền đường Tôn Đức Thắng, sân KTX nhà 1, sân A6, sân A3 và A4, sân C3 [H5.05.12.01.07]. Quá trình xây dựng đã áp dụng các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn trong thiết kế, xây dựng, cải tạo nâng cấp cảnh quan, cơ sở hạ tầng, CSVC của trường [H5.05.12.01.08]. Trường chưa đầu tư nâng cấp được các dãy nhà cấp IV, một số công trình đã xuống cấp sau nhiều năm sử dụng cần được cải tạo nâng cấp nhưng do nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên chưa thực hiện được triệt để.

Trường đã lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng liên quan, đặc biệt các phản hồi từ người học và nhân viên về khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy. Thông qua hội nghị CBVC, hoạt động đối thoại với người học. Ý kiến phản hồi được giải đáp trực tiếp tại hội trường và trả lời bằng văn bản tổng hợp gửi đến các bên liên quan. Trên 90% giảng viên và người học có cảm thấy an toàn, thoải mái và hài lòng trong khuôn viên của trường [H5.05.12.01.09].

Trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, Trường thường xuyên cải thiện chất lượng cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập; Xây dựng các chương trình, đề án, dự án đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện quy hoạch tổng thể của trường; thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển CSVC của trường. Hằng năm, có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể và kế hoạch xây dựng bao gồm các thiết kế, sơ đồ cảnh quan, các tòa nhà và kế hoạch phát triển CSVC của trường [H5.05.12.01.10].

2. Điểm mạnh

- Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường được xây dựng theo quy hoạch tổng thể;
- Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập làm cơ sở cải tiến chất lượng;
- Trường thường xuyên cải tiến chất lượng khuôn viên cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa đầu tư nâng cấp được các dãy nhà cấp IV, một số công trình đã xuống cấp sau nhiều năm sử dụng cần được cải tạo nâng cấp nhưng do nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên chưa thực hiện được triệt để.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng đề án cải tạo, nâng cấp một số dãy nhà cấp IV	Phòng CSV	2020	2022
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cấp khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường theo quy hoạch tổng thể 1:500	Phòng CSV	2020	2022
4		Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập làm cơ sở cải tiến chất lượng	Phòng CSV	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 5.12.2. Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên

1. Mô tả

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường có được xây dựng theo quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt [H5.05.12.02.01], Trường có các kế hoạch triển khai quy hoạch tổng thể bao gồm các thiết kế, sơ đồ cảnh quan, các tòa nhà và kế hoạch phát triển CSV. Hằng năm Nhà trường lập Kế hoạch mua sắm, cải tạo, sửa chữa trình ĐHĐN phê duyệt đảm bảo phù hợp nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên [H5.05.12.02.02].

Việc quy hoạch, thiết kế khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập đảm bảo các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn như tỷ lệ diện tích đất xây dựng công trình đạt 28%, tỷ lệ đất nền, cây xanh, thảm cỏ đạt 47,5%, mặt nước đạt 3,8% và đất giao thông nội bộ, bãi giữ xe đạt 20,4% [H5.05.12.02.03].

Trường thường xuyên cải tiến chất lượng cảnh quan, môi trường, công năng của các tòa nhà được sử dụng phù hợp với hoạt động quản lý, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên như: đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, trải bê tông toàn bộ đường đi, sân trường, nâng cấp các bãi giữ xe, hoàn thiện hệ thống sân bãi thi đấu và tập luyện thể

thao, nhà hoạt động đa năng phục vụ hoạt động ngoại khóa của người học, nâng cao chất lượng hoạt động của các căn tin đáp ứng nhu cầu người học [H5.05.12.02.04]. Các hạng mục công trình đầu tư nâng cấp CSVC lớn từ các nguồn ngân sách Nhà nước do Bộ GD&ĐT làm chủ đầu tư nên phụ thuộc nhiều vào tiến độ tài chính từ chủ đầu tư cấp trên, thời gian khắc phục và đầu tư kéo dài.

Cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt vệ sinh môi trường. Đồng thời vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường được bộ, phận phục vụ và các công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên hằng ngày [H5.05.12.02.05].

Nhà trường luôn duy trì văn hóa học đường; công tác kiểm tra, đánh giá được Tổ Thanh tra - Pháp chế và ĐTN thực hiện tốt, nhằm đảm bảo môi trường sư phạm [H5.05.12.02.06]; có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, đảm bảo an toàn cho CBVC và người học trong khuôn viên Nhà trường. CBVC và người học của Nhà trường hoàn toàn yên tâm công tác và học tập [H5.05.12.02.07].

Trường lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập [H5.05.12.02.08]. Ngoài ra, Nhà trường cũng tiến hành khảo sát đối với SV về CSVC, cảnh quan, của Trường [H5.05.12.02.09]. Những ý kiến phản hồi của SV và GV cũng cho thấy một số tồn tại. Cụ thể như những dãy nhà cấp 4 hiện có của Nhà trường không còn ĐBCL cho hoạt động dạy và học, cần phải được xây dựng mới. Một trong hai điểm tồn tại của năm 2019 đã được khắc phục trong năm 2020. Trong các cuộc họp giao ban Thủ trưởng các đơn vị, Nghị quyết Đảng ủy Nhà trường hằng tháng đều có đánh giá, thông báo cho các đơn vị các hoạt động về CSVC đã thực hiện và thảo luận các vấn đề về cải tạo nâng cấp CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập. Trên cơ sở đó, Trường xây dựng kế hoạch và tìm nguồn kinh phí sửa chữa, nâng cấp và xây mới. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch xây dựng cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập, cơ sở phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, văn nghệ, vui chơi, sinh hoạt học thuật. Trường thường xuyên cải tiến chất lượng khuôn viên cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập [H5.05.12.02.10].

2. Điểm mạnh

- Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường có được xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên;
- Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cảnh quan, môi trường giảng dạy làm cơ sở cải tiến chất lượng;
- Trường thường xuyên cải tiến chất lượng khuôn viên cảnh quan, môi trường phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

3. Điểm tồn tại

Các hạng mục công trình đầu tư nâng cấp CSVC lớn từ các nguồn ngân sách Nhà nước do Bộ GD&ĐT làm chủ đầu tư nên phụ thuộc nhiều vào tiến độ tài chính từ chủ đầu tư cấp trên, thời gian khắc phục và đầu tư kéo dài.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đầu tư nâng cấp CSV từ nội lực của Nhà trường để chỉnh trang các khu vực sân bãi sau nhà C3-A5, sân sau nhà B4, khu vực sân bóng chuyền	Phòng CSV	2020	2022
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cấp khuôn viên, cảnh quan, môi trường hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên của trường theo quy hoạch tổng thể 1:500	Phòng CSV	2020	2022
4		Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cảnh quan, môi trường trong hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên làm cơ sở cải tiến chất lượng	Phòng CSV	2020	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

*. Tự đánh giá tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm

Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 5.12.1. Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường</i>					X		
<i>Chỉ số 5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chí 5.13. Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học

Chỉ số 5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của trường

1. Mô tả

Trường có quy định và kế hoạch thực hiện các hoạt động trang bị, bảo trì, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập [H5.05.13.01.01] Trường thường xuyên trang bị, bảo trì, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập định kỳ như: điều hòa, thiết bị văn phòng, hệ thống điện nước, hệ thống máy chủ... [H5.05.13.01.02]. Hệ thống LMS để thực hiện việc bồi dưỡng giáo viên phổ thông bằng hình thức trực tuyến đáp ứng số lượng truy cập lớn, băng thông đường truyền lớn đáp ứng nhu cầu dạy học trực tuyến [H5.05.13.01.03]. Tuy nhiên, hệ thống thiết bị wifi thiếu đồng bộ do được trang bị qua nhiều thời kỳ khác nhau nên hoạt động đôi khi không ổn định.

Trường có cơ chế để sử dụng hết tiềm năng của các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu [H5.05.13.01.04]. Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa định kỳ các thiết bị giảng đường, hội trường và phòng thí nghiệm; khoán kinh phí hoạt động cho các phòng thí nghiệm, giao quyền tự chủ về quản lý mua sắm vật tư hóa chất cho các Khoa đảm bảo sử dụng linh hoạt phù hợp nhu cầu của người học và hoạt động nghiên cứu của đơn vị [H5.05.13.01.01], [H5.05.13.01.02]. Kết quả kiểm tra, đánh giá tình trạng trang bị, bảo trì, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập... phần lớn được thực hiện trên phần mềm quản lý [H5.05.13.01.05].

Nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người về hoạt động trang bị, bảo trì, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập [H5.05.13.01.06] Từ đó, Trường triển khai cải tiến các hoạt động trang bị, bảo trì, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập [H5.05.13.01.07] Nhà trường luôn ưu tiên các nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển CSVC, tạo điều kiện tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và công tác quản lý. Các trang thiết bị được quản lý phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và NCKH; phù hợp với Tầm nhìn, Kế hoạch chiến lược. Trường đã đầu tư nhiều thiết bị phân tích chuyên sâu cho các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho hoạt động học tập và NCKH của SV và GV; thực hiện nâng cấp các giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm để phù hợp với hoạt động đào tạo, NCKH và để tiếp nhận thiết bị nghiên cứu mới [H5.05.13.01.08]

Trường thực hiện đánh giá và báo cáo các cấp quản lý kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm về trang bị, bảo trì, sử dụng và mức độ phù hợp với mục tiêu giáo dục của các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập. Ký hợp đồng thuê máy chủ ảo bên ngoài để tăng tính an toàn và ổn định cho hệ thống CNTT [H5.05.13.01.09]

Người học và GV phản hồi về CSVC của Nhà trường thông qua hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan và sau đó dựa trên các phản hồi, Nhà trường xem xét để cải thiện chất lượng phục vụ [H5.05.13.01.10].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống LMS để thực hiện việc bồi dưỡng giáo viên phổ thông bằng hình thức trực tuyến đáp ứng số lượng truy cập lớn, băng thông đường truyền lớn đáp ứng nhu cầu dạy học trực tuyến.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống thiết bị wifi thiếu đồng bộ do được trang bị qua nhiều thời kỳ khác nhau nên hoạt động đôi khi không ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư bảo trì nâng cấp thường xuyên hệ thống cáp quang và wifi hiện có để đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao	Phòng CSVC	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng triển khai hệ thống LMS cho hoạt động đào tạo của Nhà trường	Phòng CSVC	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

1. Mô tả

Nhà trường có các quy định và kế hoạch sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, cơ sở thực hành sư phạm, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập. Căn cứ nhiệm vụ hằng năm của Nhà trường, căn cứ kế hoạch đào tạo theo thời khóa biểu phòng CSVC chuẩn bị các điều kiện CSVC phục vụ hoạt động đào tạo và bồi dưỡng bằng Kế hoạch mua sắm, sửa chữa CSVC và kế hoạch phục vụ tương ứng với từng hoạt động cụ thể [H5.05.13.02.01].

Thời khóa biểu/ lịch học/ chương trình tập huấn các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và kế hoạch sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được quản lý trực tuyến [H5.05.13.02.02]

Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, cơ sở thực hành sư phạm, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học [H5.05.13.02.02], [H5.05.13.02.03].

Phần lớn các thiết bị được quản lý theo phương thức dùng chung CSVC giữa các đơn vị trong Nhà trường và sử dụng chung CSVC trong ĐHĐN [H5.05.13.02.04]. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý. Ngoài ra, phương thức quản lý tốt CSVC góp phần giúp 100% đề tài NCKH giáo dục và khoa học cơ bản được triển khai hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ và chuyển giao cho các đơn vị [H5.05.13.02.05]. Đội ngũ kỹ sư phục vụ và giảng dạy thực hành được tạo điều kiện bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [H5.05.13.02.06]. Các phòng thí nghiệm, thực hành có bảng thời khóa biểu, sổ theo dõi để đánh giá thiết bị sử dụng [H5.05.13.02.07]. Thư viện quản lý theo kiểu thư viện mở, có đủ giáo trình và bài giảng cho các môn học; số lượng sách tham khảo đa dạng, phong phú, thường xuyên được cập nhật và có sự liên kết với các trung tâm học liệu trong và ngoài ĐHĐN [H5.05.13.02.08]. Nhà trường hoàn thành việc cải tạo mở rộng khu tự học tại tầng 1 nhà A6, phục vụ hoạt động tự học và làm việc nhóm của SV. Xây dựng nhà hoạt động đa năng với diện tích 1.200 m², mở ra văn phòng các câu lạc bộ đội nhóm, ĐTN, Hội Sinh viên (HSV) và không gian hoạt động kỹ năng cho người học [H5.05.13.02.09]. Tuy nhiên, hệ thống phòng thí nghiệm Nhà B2 xuống cấp sau nhiều năm sử dụng chưa có kinh phí sửa chữa nâng cấp. Một số khoa như Giáo dục Mầm non, Giáo dục nghệ thuật số lượng phòng thực hành và điều kiện chưa tương ứng với quy mô tuyển sinh dự kiến tăng trong các năm đến.

Nhà trường hiện có tổng diện tích phòng học là 19.526 m², bao gồm 107 phòng học, đủ cho công tác đào tạo. Trong đó, có 10 giảng đường lớn có từ 100 - 150 chỗ ngồi, 01 giảng đường lớn 600 chỗ, 34 phòng thí nghiệm và thực hành; 01 thư viện với hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu riêng biệt [H5.05.13.02.10].

Tổng số máy tính toàn trường hiện có 712 máy, trong đó có 212 máy phục vụ công tác quản lý và văn phòng, 500 máy được trang bị tại 9 phòng được nối mạng và 1

phòng máy chủ. Nhà trường tiến hành định kì kiểm kê, đánh giá tình trạng và hiệu quả sử dụng thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, bảo trì thường xuyên. Hằng năm, Trường đều tổng kết đánh giá việc thực hiện đầu tư CSVC từ đó có định hướng điều chỉnh phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của Nhà trường [H5.05.13.02.11].

Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt và ĐHĐN tổ chức đấu thầu các dự án thiết bị gồm: dự án *Tăng cường kĩ năng thực hành và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên Trường ĐHSP - ĐHĐN* bao gồm cải tạo nâng cấp giảng đường A1 (20 tỷ đồng); dự án *Đầu tư tăng cường năng lực CSVC, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho Trường ĐHSP - ĐHĐN* bao gồm nâng cấp giảng đường B3 (50 tỷ đồng) [H5.05.13.02.12]. Các dự án đã góp phần nâng cao CSVC của Nhà trường từ hội trường, giảng đường, phòng thí nghiệm... đáp ứng nhu cầu sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

Nhà trường quy hoạch và điều chỉnh công năng các tòa nhà phù hợp với chức năng và hướng đến mỗi tòa nhà phục vụ một công năng; từ đó tăng cường hiệu quả đầu tư và đồng bộ trong quản lí sử dụng CSVC [H5.05.13.02.13].

Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối internet được đầu tư nâng cấp hằng năm. Công tác quản lí cán bộ, quản lí công văn đến và đi, bảo hiểm xã hội đều được thực hiện trên phần mềm quản lí trực tuyến do ĐHĐN và cơ quan Bảo hiểm xã hội Đà Nẵng thiết lập và vận hành tại Trường. Công tác quản lí SV và đoàn viên trong các lĩnh vực như nội trú, ngoại trú, nhập học, khám sức khỏe, theo dõi học bổng... cũng được quản lí trên phần mềm này [H5.05.13.02.14-16]

Các trang thiết bị phòng học, phòng thí nghiệm thực hành được Nhà trường quản lí thông qua phần mềm quản lí công sản (<http://qlht.ued.udn.vn/quanly/taisan>) [H5.05.13.02.16]. Quản lí sử dụng các giảng đường, phòng máy thông qua phần mềm Quản lí đào tạo. GV có thể đăng nhập và lựa chọn phòng học, đăng kí hoặc hủy bỏ lịch học trên hệ thống trực tuyến [H5.05.13.02.15].

Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng một cách linh hoạt thông qua phần mềm quản lí hệ thống tích hợp quản lí chi tiết đến từng phòng, từng thiết bị, có thống kê đánh giá tần suất sử dụng... phù hợp với các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng [H5.05.13.02.02], [H5.05.13.02.16].

Trường có đánh giá tình hình sử dụng và hiệu quả sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, cơ sở thực hành sư phạm, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập về mức độ đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên, người học và phù hợp cho các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng. Hằng năm Nhà trường đều có báo cáo đánh giá chất lượng và hiệu quả sử dụng theo biểu mẫu quản lí của Bộ Tài chính và ĐHĐN [H5.05.13.17]. Ngoài ra Trường còn

thực hiện hoạt động khảo sát SV tốt nghiệp về điều kiện CSVC phục vụ học tập để có kế hoạch điều chỉnh vào năm sau [H5.05.13.18].

Trường có kế hoạch cải tiến quy định và việc sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, cơ sở thực hành sư phạm, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập [H5.05.13.02.02], [H5.05.13.02.17].

2. Điểm mạnh

Hệ thống quản lý tích hợp tăng cường hiệu quả quản lý và tạo sự linh hoạt trong hoạt động đào tạo.

3. Điểm tồn tại

- Hệ thống phòng thí nghiệm Nhà B2 xuống cấp sau nhiều năm sử dụng chưa có kinh phí sửa chữa nâng cấp;
- Một số khoa như Giáo dục Mầm non, Giáo dục nghệ thuật số lượng phòng thực hành và điều kiện chưa tương ứng với quy mô tuyển sinh dự kiến tăng trong các năm đến.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm khu B2	Phòng CSVC	2021	2022
2		Đầu tư bổ sung các phòng thực hành cho các khoa có quy mô tuyển sinh tăng như GDMN	Phòng CSVC	2021	2022
3	Phát huy điểm mạnh	Đầu tư nguồn lực để phát triển phần mềm hệ thống quản lý tích hợp đáp ứng các yêu cầu quản lý	Phòng CSVC	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp

1. Mô tả

Trường có quy định điều kiện đảm bảo chất lượng các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến [H5.05.13.03.01] Căn cứ kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của Nhà trường tại các địa phương phòng CSVC chuẩn bị các điều kiện về phần cứng, phần mềm và nhân sự đáp ứng đầy đủ quy mô của từng hoạt động [H5.05.13.03.02].

Trường có kế hoạch xây dựng môi trường trực tuyến để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến. Trường khuyến khích các GV xây dựng website học tập (E-learning) từ đó, chất lượng của các khóa học trực tuyến được nâng cao [H5.05.13.03.01], [H5.05.13.03.03 - 06].

Nhà trường đang tiến hành xây dựng phòng dạy học phim trường ảo nhằm xây dựng các bài giảng trực tuyến đưa lên mạng với chất lượng tương đương các chương trình dạy học trên truyền hình [H5.05.13.03.01], [H5.05.13.03.03- 09].

Học liệu của thư viện được quản lý và vận hành qua phần mềm quản lý thư viện. Các tài liệu nội sinh được số hóa và tham khảo trực tuyến. SV tra cứu và mượn sách trên hệ thống phần mềm quản lý trực tuyến. Các nguồn học liệu liên kết với các thư viện lớn và các cơ sở dữ liệu học liệu lớn trong và ngoài ĐHĐN [H5.05.13.03.10 - 11]. Tuy nhiên, hệ thống máy chủ của thư viện được đầu tư chưa đồng bộ, nên vận hành có lúc chưa ổn định.

Môi trường trực tuyến của trường được xây dựng như các chương trình đào tạo trực tuyến như: MS Teams, hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến (<https://bln.ued.udn.vn/>) và có các phòng học trực tuyến, các phòng học trực tuyến được xây dựng và được sử dụng thường xuyên vào hoạt động đào tạo và bồi dưỡng [H5.05.13.03.12 - 21].

Hệ thống máy chủ, đường truyền, hệ thống wifi và các phòng học trực tuyến; trung tâm dữ liệu, hệ thống học liệu và hệ thống quản lý học tập có đáp ứng yêu cầu của giảng viên và người học. Trường đã xây dựng trung tâm dữ liệu, hệ thống học liệu và hệ thống quản lý học tập đáp ứng các nhu cầu về đào tạo và bồi dưỡng [H5.05.13.03.22 - 24].

Trường có đánh giá chất lượng môi trường trực tuyến đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến [H5.05.13.03.23], [H5.05.13.03.24]. Trường cũng đã tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng của CSVC, các trang thiết bị của Nhà trường phục vụ hoạt động học tập và NCKH của GV và SV. Kết quả cho thấy đa số GV, SV hài lòng về các trang thiết bị của Nhà trường [H5.05.13.03.25].

Kế hoạch cải tiến quy định và môi trường trực tuyến đảm bảo chất lượng cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến của trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học thích hợp bao gồm: ban hành các quy định về chính sách khuyến khích giảng viên xây dựng bài giảng trực tuyến, ban hành quy định tổ chức quản lý hoạt động dạy học và thi trực tuyến, nâng cấp CSVC và hạ tầng CNTT, nâng cấp đường truyền [H5.05.13.03.06 – 09].

Nhà trường khảo sát ý kiến SV về mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ của Thư viện. Đa số ý kiến GV và SV hài lòng về chất lượng phục vụ của Thư viện;

tuy nhiên cũng có các ý kiến về việc diện tích của Thư viện còn nhỏ, các tài liệu ngoại văn chưa phong phú, cần bổ sung và cập nhật [H5.05.13.03.26]. Trường có chính sách, cơ chế cải tiến liên tục môi trường trực tuyến. Công nghệ thông tin/môi trường trực tuyến được cập nhật và thay đổi để đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu [H5.05.13.03.27].

2. Điểm mạnh

Hệ thống máy chủ Nhà trường xây dựng và vận hành chủ động đảm trường trực tuyến của trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

3. Điểm tồn tại

- Hệ thống máy chủ của thư viện được đầu tư chưa đồng bộ, nên vận hành có lúc chưa ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư nâng cấp hoàn thiện thư viện đồng bộ hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo	Phòng CSV	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đầu tư nâng cấp đường truyền và thuê máy chủ bên ngoài để đáp ứng nhu cầu vận hành hệ thống trực tuyến nhà trường ổn định ở quy mô lớn hơn	Phòng CSV	2021	2022
3		Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT từ các dự án đầu tư của Bộ GD&ĐT và Chương trình ETEP, RGE	Phòng CSV	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 5.13.4. Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả

1. Mô tả

Trường có quy định quản lý, bảo trì hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo hệ thống làm việc thường xuyên, liên tục, đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả [H5.05.13.04.01 - 06]. Hệ thống CNTT của trường hằng năm được lập kế hoạch bảo trì nâng cấp nằm trong Kế hoạch mua sắm, sửa chữa của Nhà trường như: mua phần mềm an ninh mạng, hệ điều hành máy chủ, nâng cấp phần cứng, nâng cấp đường truyền để đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý, đào tạo và bồi dưỡng [H5.05.13.04.07].

Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì, chất lượng hệ thống công nghệ thông tin có luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả [H5.05.13.04.01 - 03], [H5.05.13.04.08], [H5.05.13.04.09]. Về hệ thống phần cứng, hằng năm Nhà trường đều đầu tư nâng cấp để đáp ứng nhu cầu sử dụng bằng các nguồn đầu tư dự án của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN và nguồn thu của Trường. Nhà trường đã được phê duyệt kế hoạch đầu tư nâng cấp phòng máy chủ, hệ thống đường truyền, wifi phục vụ CTĐT trực tuyến [H5.05.13.04.10]. Riêng hệ thống mạng internet dù nâng cấp thường xuyên nhưng do số lượng truy cập đồng thời quá lớn và một số mạng cáp quang đã cũ nên đôi khi hệ thống gặp sự cố gián đoạn trong quá trình vận hành nhưng đã được khắc phục kịp thời. Hệ thống các trang thiết bị phần cứng với 2 phòng máy chủ, các phần mềm ảo hóa và mã hóa cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng đáp ứng yêu cầu của giảng viên và người học [H5.05.13.01.08], [H5.05.13.01.19], [H5.05.13.01.32], [H5.05.13.03.23], [H5.05.13.03.24] [H5.05.13.04.11 - 15]

Trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về mức độ hài lòng đối với hệ thống công nghệ thông tin [H5.05.13.04.16 - 18].

Trường có kế hoạch cải tiến quy định quản lý, bảo trì hệ thống công nghệ thông tin liên tục. Quy định quản lý và hoạt động bảo trì hệ thống công nghệ thông tin được cập nhật và thay đổi để đáp ứng nhu cầu học tập [H5.05.13.03.06 - 08], [H5.05.13.03.27]. Kết quả phản hồi từ hoạt động khảo sát các bên liên quan cho thấy hạ tầng CNTT của Nhà trường đã đáp ứng cơ bản nhu cầu đào tạo bồi dưỡng. Trên cơ sở đó Nhà trường có kế hoạch nâng cấp sửa chữa và xây dựng các dự án nâng cấp hạ tầng CNTT góp phần cải thiện năng lực của hệ thống [H5.05.13.04.19].

2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, hằng năm được đầu tư bổ sung đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Một số máy chủ cũ thời gian sử dụng trên 5 năm nên tính ổn định của hệ thống thấp, đôi khi xảy ra sự cố bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của Trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực	Thời gian thực hiện
----	----------	--------------------	-------------	---------------------

			hiện	Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT từ các dự án đầu tư của Bộ GD&ĐT và Chương trình ETEP và RGEP	Phòng CSVC	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các hoạt động bảo trì thường xuyên, chủ động thay thế các thiết bị sắp hết thời hạn sử dụng để đáp ứng nhu cầu sử dụng của Nhà trường	Phòng CSVC	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

*** Tự đánh giá tiêu chí 5.13. Cơ sở vật chất và tài nguyên dạy học**

Tiêu chí 5.13. Cơ sở vật chất và tài nguyên dạy học	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của trường</i>					X		
<i>Chỉ số 5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng</i>					X		
<i>Chỉ số 5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp</i>					X		
<i>Chỉ số 5.13.4. Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính

Chỉ số 5.14.1. Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả

Công tác lập kế hoạch tài chính của Trường trong những năm qua luôn được coi trọng và trở thành một bộ phận của việc hoạch định lộ trình trong chiến lược phát triển của Trường. Trong những năm qua, Nhà trường chú trọng công tác hoạch định tài chính hướng đến mục tiêu phát triển hoạt động tài chính bền vững; được xây dựng trên cơ sở phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tài chính giai đoạn 2020-2022 dựa trên *Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2010-2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSP-ĐHĐN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2017-2020, Nhiệm vụ kế hoạch tài chính giai đoạn 03 năm 2018-2020 và 2019 -2021* và nhiệm vụ thu chi ngân sách hằng năm.

Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán phân bổ ngân sách nhằm đảm bảo chủ động nguồn kinh phí cho các hoạt động. Khi lập kế hoạch, Nhà trường dựa vào tình hình thực hiện các chỉ tiêu về tài chính năm trước, các chế độ, quy định, định mức tài chính do Bộ Tài chính ban hành và Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN và Trường để xây dựng. Hằng năm vào đầu quý 3 và đầu quý 4, Phòng Kế hoạch - Tài chính tiến hành triển khai công tác lập dự toán tài chính cho năm tiếp theo và bảo vệ dự toán với cơ quan cấp trên theo đúng quy định. Công tác lập kế hoạch tài chính hằng năm luôn gắn liền mục tiêu gia tăng và đa dạng hóa nguồn thu cho Nhà trường. Chính sách tài chính hằng năm của Nhà trường luôn ưu tiên cho công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh; bố trí nguồn vốn đối ứng để thu hút nguồn tài trợ từ các tổ chức nước ngoài, dự án OAD và các dự án khác nhằm tăng cường năng lực giảng dạy và nâng cao nguồn lực CSVC phục vụ cho nghiên cứu, đào tạo, giảng dạy tại Nhà trường. [H5.05.14.01.01].

Tổng nguồn thu từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường đều được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước [H5.05.14.01.02] và theo đúng quy chế tài chính của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Sư phạm [H5.05.14.01.03]. Nguồn thu tài chính của Trường chủ yếu từ hai nguồn chính là Ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp, ngoài ra còn có các nguồn thu từ một số hoạt động khác nhưng chiếm tỉ trọng không nhiều. Các nguồn thu tài chính của Trường bao gồm:

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: Kế hoạch phân bổ kinh phí ngân sách được Nhà nước cấp hằng năm thông qua quyết định giao dự toán thu chi ngân sách, bao gồm phục vụ cho hoạt động chi thường xuyên và NCKH [H5.05.14.01.04].

- Nguồn thu sự nghiệp: Chủ yếu là học phí từ 3 loại hình đào tạo: chính quy,

VLVH và liên kết đào tạo giữa Trường với các cơ sở giáo dục ở các tỉnh, thành trong cả nước. Mức thu học phí không vượt quá các quy định của Nhà nước [H5.05.14.01.05].

- Nguồn thu khác: Từ các hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ ngắn hạn, đào tạo Tiếng Việt và chuyên ngành cho lưu học sinh Lào, Hàn Quốc, Trung Quốc... và một số hoạt động khác tạo nguồn thu cho Trường. Ngoài ra, Trường có các nguồn thu từ các hoạt động quan hệ và HTQT thông qua các chương trình tài trợ: *Phát triển chương trình đào tạo trong lĩnh vực khoa học phân tử và vật liệu theo định hướng nghiên cứu (MOMA)* của nhà tài trợ Chương trình Erasmus+, Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hóa, thuộc Ủy ban Châu Âu (Thông qua Đại học KU Leuven, Bỉ) với tổng kinh phí tài trợ cho Trường là 177.692,0 euro, nâng cao năng lực chuyên môn cho CBGV của Trường, nâng cao nhận thức của học sinh ở vùng sâu vùng xa về vai trò của các ngành khoa học đối với sự phát triển kinh tế xã hội, mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho mục đích nghiên cứu và dạy học [H5.05.14.01.06].

Các khoản thu trên được thực hiện đúng với các văn bản quy định về tài chính theo sự phân cấp của các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nguồn thu của Trường được tập hợp đầy đủ, hợp pháp, chính xác, theo đúng dự toán [H5.05.14.01.07, H5.05.14.01.08].

Các nguồn thu hợp pháp của Trường ngày càng tăng, đáp ứng các hoạt động của Trường và phục vụ tái đầu tư phát triển thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [H5.05.14.01.09]. Tổng kinh phí các nguồn thu từ ngân sách Nhà nước, phí, lệ phí và nguồn thu khác tăng hằng năm [H5.05.14.01.10], thể hiện ở bảng số liệu sau:

TT	Loại hình	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng
A	Nguồn thu (I+II+III)	100,364,560,133	137,438,592,428	137,527,575,318	342,346,791,593
I	Thu ngân sách	34,484,634,000	42,594,000,000	43,655,000,000	115,193,329,000
II	Tổng thu phí, lệ phí	56,898,117,942	64,978,994,030	70,812,415,000	182,172,863,456
III	Tổng thu sự nghiệp khác	8,981,808,191	29,865,598,398	23,060,160,318	44,980,599,137
B	Tỷ lệ từng chỉ tiêu so với tổng nguồn thu				
I	Tỷ lệ NSNN cấp so với tổng thu	36%	30.5%	31%	
II	Tỷ lệ thu HP so với tổng thu	56%	47%	52%	
III	Tỷ lệ thu khác so với tổng thu	8%	22.5%	17%	

Tổng kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH hằng năm, cụ thể: năm 2016 là 6,95 tỷ, năm 2017 là 5,31 tỉ, năm 2018 là 7,53 tỉ, năm 2019 là 7,61 tỷ đồng

Các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo bồi dưỡng, NCKH và CGCN của Trường tương thích và phù hợp với Sứ mạng và Kế hoạch chiến lược của Trường.

Trong đó, sự mạng và kế hoạch chiến lược của Nhà trường được định hướng là ứng dụng, như vậy trong các năm qua, nguồn tuyển sinh sinh viên đại học đều tăng và vì vậy nguồn thu từ học phí và tỷ trọng nguồn thu học phí cũng tăng theo các năm (bảng số liệu trên).

Trường đã đánh giá, rà soát Kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2016 – 2020 tầm nhìn 2030 và đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn 2030 với các chính sách và mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn trong đó nhấn mạnh việc đẩy mạnh và đa dạng hoá các nguồn thu, trong đó xác định tăng cường tỉ trọng các nguồn thu từ phí, lệ phí, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, dự án, chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng trong tổng nguồn thu của trường để từng bước hướng đến tự chủ đại học [H5.05.14.01.10].

Bên cạnh đó, trong năm 2020 trong Hội nghị cán bộ viên chức và các cuộc họp Đảng ủy của Nhà trường cũng đã rà soát lại các quy định của quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành và kết luận các quy định này không còn phù hợp trong giai đoạn hiện nay, cần phải có quy chế chi tiêu nội bộ mới thay thế trong đó đặc biệt là các chính sách tài chính ưu tiên cho việc tăng cường và đa dạng hóa nguồn thu, điều này được thể hiện trong Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức Trường 2020 và Nghị quyết Đảng ủy. [H5.05.14.01.11].

Trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Nẵng và Phụ lục Quy chế chi tiêu nội bộ và sẽ ban hành Quy chế Tài chính của Đại học Nẵng và của Trường Đại học Sư phạm để cập nhật những Quy định và chính sách mới về tài chính. Đồng thời đề xuất những chính sách mới khuyến khích các đơn vị, cá nhân mang lại nguồn thu về cho Trường (xét khen thưởng bằng 1% giá trị dự án mang về nhưng không vượt mức 20 triệu đồng/dự án)

2. Điểm mạnh

- Nguồn thu từ hoạt động đào tạo chính quy tăng mạnh so với năm 2019 (quy mô tuyển sinh 2020 hệ chính quy tăng)

3. Điểm tồn tại

- Các nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức Đoàn công tác để quảng bá giới thiệu sản phẩm khoa học công nghệ với các địa phương.	P. KH&HQT, Các khoa	01/ 2021	12/2021
2	Phát huy	Mở được các lớp bồi	Phòng Đào	01/ 2021	12/2021

	điểm mạnh	duyệt phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (cốt cán và đại trà);	tạo/ Các khoa		
		Mở được các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực GV QLGD và GV SP ở khu vực 6 tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên.	Phòng Đào tạo/ Các khoa	01/ 2021	12/2021
		Sử dụng nguồn thu hiệu quả để tăng cường năng lực cho Nhà Trường			

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của trường

1. Mô tả

Trong những năm qua Trường đã ban hành và tuân thủ đúng quy định về việc sử dụng các nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế bao gồm quy định Nhà nước về quản lý sử dụng vốn đầu tư nước ngoài và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Đại học Đà Nẵng, quy định về thu học phí đối với các chương trình đào tạo bồi dưỡng, cấp chứng chỉ cho người nước ngoài [H5.05.14.02.01].

Nguồn thu từ các hoạt động hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế của Nhà trường rất đa dạng bao gồm: các hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ ngắn hạn, đào tạo Tiếng Việt và chuyên ngành cho lưu học sinh Lào, Hàn Quốc, Trung Quốc; các chương trình tài trợ, các học bổng nước ngoài cấp cho giảng viên của Trường học sau đại học ở các cơ sở giáo dục nước ngoài. Đặc biệt, trong năm 2020 Nhà trường đã phát triển được bộ Giáo trình Tiếng Việt dành cho người nước ngoài đáp ứng nhu cầu học Tiếng Việt của người nước ngoài ngày càng tăng tại Việt Nam.

Một trong những nguồn thu quan trọng và chiếm tỷ lệ cao nhất trong quan hệ hợp tác quốc tế chính là nguồn thu từ các dự án bao gồm: các dự án vốn vay nước ngoài mà Trường được thụ hưởng như ETEP và nguồn viện trợ không hoàn lại của chính phủ nước ngoài như Dự án MOMA mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho mục đích nghiên cứu và dạy học, dự án FCB về tăng cường năng lực cho đội ngũ quản lý

của Nhà trường [H5.05.14.02.02].

Bên cạnh những lợi ích mang lại về CSVC, tài chính; thông qua hoạt động HTQT, SV và GV của Nhà trường cũng nhận được nhiều học bổng của các đối tác, các trường Đại học quốc tế để giao lưu, học tập, nghiên cứu tại nước ngoài và cũng nhận được tài trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế [H5.05.14.02.03].

Nguồn thu từ quan hệ hợp tác quốc tế tại Trường rất đa dạng, trong năm 2020 Tỷ lệ nguồn thu từ hoạt động hợp tác quốc tế tương đối cao so với tổng nguồn thu của Nhà trường. Nhà trường đang có chiến lược phát triển nguồn lực tài chính về hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học và CGCN đóng vai trò quan trọng để xây dựng và phát triển Nhà trường, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu; nhằm đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Trường, trong đó không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đầu tư CSVC đáp ứng yêu cầu dạy và học và nhu cầu đầu tư phát triển [H5.05.14.02.04]

Nhà trường thực hiện đúng các quy định tài chính đối với nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế, đúng với thỏa thuận tài trợ của chương trình dự án [H5.05.14.02.05]

Trường đã rà soát và đánh giá lại về quy định và việc sử dụng các nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế không. Trong năm 2020 trong các cuộc họp Đảng ủy của Nhà trường cũng đã rà soát lại các quy định của quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành và kết luận các quy định này không còn phù hợp trong giai đoạn hiện nay, cần phải có quy chế chi tiêu nội bộ mới thay thế, trong đó đặc biệt chú trọng đến tính hiệu quả việc sử dụng nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế trong quá trình phát triển, nâng tầm khu vực của Nhà trường. [H5.05.14.02.06]

2. Điểm mạnh

- Nguồn thu từ hoạt động HTQT được sử dụng hiệu quả để nâng cao năng lực cho Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN

3. Điểm tồn tại

Chưa mở rộng các nguồn thu từ hợp tác quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tìm kiếm dự án viện trợ nước ngoài để tăng nguồn thu cho Nhà trường	P. KH&HQT, Các khoa	01/ 2021	12/2021
2		Mở rộng hoạt động đào tạo,	Phòng Đào	01/ 2021	12/2021

		bồi dưỡng, thi cấp chứng chỉ Tiếng Việt cho người nước ngoài.	tạo/ Các khoa		
3	Phát huy điểm mạnh	Đánh giá định kỳ hiệu quả của của các hoạt động sử dụng nguồn thu từ HTQT	Phòng Đào tạo/ Các khoa	01/ 2021	12/2021

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

* Tự đánh giá Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính

Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 5.14.1. Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường.</i>					X		
<i>Chỉ số 5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của trường</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực

Chỉ số 5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả

Trên cơ sở Sứ mạng Tầm nhìn, Trường xây dựng Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2017 - 2022 và kế hoạch xây dựng phát triển đội ngũ hằng năm [H5.05.15.01.01]. Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược, Trường xây dựng Đề án Vị trí việc làm để xác định được nhu cầu đáp ứng về số lượng CBGV và nhân viên so với yêu cầu công việc [H5.05.15.01.02].

Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng nguồn nhân lực dựa trên Đề án Vị trí việc làm, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Công tác tuyển dụng cán bộ, giảng viên và nhân viên được nhà trường coi trọng, quy trình tuyển dụng công khai, minh bạch và có

tiêu chí rõ ràng, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhu cầu phát triển của Nhà trường, có tính cạnh tranh và ưu tiên tuyển dụng Tiến sĩ [H5.05.15.01.03]. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, ban hành chặt chẽ, khoa học, đảm bảo theo các quy định của Nhà nước và Nhà trường. Trường thông báo đến các đơn vị trực thuộc để đăng ký số lượng, chỉ tiêu tuyển dụng; các đơn vị căn cứ trên nhu cầu thực tế của mình đề xuất số lượng chỉ tiêu tuyển dụng. Trên cơ sở đề xuất từ các đơn vị, Hội đồng tuyển dụng của Trường tiến hành họp và xem xét nhu cầu công tác của từng đơn vị, đồng thời căn cứ trên kế hoạch chiến lược phát triển chung để duyệt số lượng chỉ tiêu cần tuyển. Để thu hút, tuyển mộ nhân lực, Trường ra thông báo tuyển dụng công khai (trên trang website của Trường và dán thông báo tại bảng thông báo của Phòng Tổ chức – Hành chính) [H5.05.15.01.04].

Trường đã thực hiện các chính sách phát triển đội ngũ: tuyển mới GV trẻ và có năng lực đã được đào tạo Sau đại học tại các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước để trở thành cán bộ nguồn [H5.05.15.01.05]. GV mới được tuyển dụng thể hiện định hướng và cam kết với Nhà trường bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn. Đối với những giảng viên chưa có học vị Tiến sĩ, Nhà trường chỉ ký hợp đồng làm việc có thời hạn và buộc phải cam kết đi học Tiến sĩ [H5.05.15.01.06]. Kết quả thi tuyển viên chức hàng năm đều được thông báo công khai và báo cáo gửi ĐHĐN. Năm 2020, Nhà trường đã thực hiện, rà soát quy hoạch các chức danh cán bộ tại các khoa, phòng, tổ, trung tâm... thuộc các đơn vị trong toàn Trường. Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch, bổ nhiệm CBQL của Trường được thực hiện theo đúng quy định của các cơ quan nhà nước cũng như quy chế tổ chức, hoạt động của ĐHĐN làm cơ sở để bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo của Trường [H5.05.15.01.07]. Bên cạnh những điểm mạnh việc bồi dưỡng, phát triển sau quy hoạch chưa có tính riêng biệt cho các chức danh cụ thể.

Hàng năm, Trường đánh giá hiệu quả công việc của CBVC theo đúng quy định của Nhà nước. Trường đã có những chính sách về công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức và người lao động. Nhà trường, đã xây dựng và ban hành quy định về đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của Trường, Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường. Các kế hoạch triển khai thi đua, đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức luôn được thực hiện khoa học, chặt chẽ và rõ ràng. Thông qua việc đánh giá, Trường xếp loại được mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, viên chức và người lao động. Kết quả đánh giá, xếp loại này là cơ sở đề nghị các danh hiệu thi đua và xét mức độ hưởng mức lương tăng thêm [H5.05.15.01.08]. Đây là chính sách tạo ra sự cạnh tranh, phấn đấu của CBVC. Song song với việc đánh giá, xếp loại viên chức, Nhà trường luôn kịp thời khen thưởng đối với cán bộ, viên chức và người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thành tích cao trong việc nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ. Nhà trường cũng luôn kịp thời có chính sách khen thưởng đối với GV có thành tích cao trong NCKH, trong

công tác chung tay cùng cộng đồng phòng, chống và ứng phó với dịch COVID-19; các GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ hoặc được công nhận chức danh Phó Giáo sư, Giáo sư [H5.05.15.01.09].

Công tác đánh giá về nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực được thực hiện hàng năm và đánh giá theo từng giai đoạn. Từ đó, nhà trường đã có những điều chỉnh chính sách phát triển nguồn nhân lực để phù hợp với tình hình thực tế. Để công tác thi đua khen thưởng được sát sao hơn, Trường đã ban hành hướng dẫn về việc đánh giá, phân loại và bổ sung lý lịch viên chức. Thành lập Hội đồng kỷ luật viên chức, đồng thời, có hình thức xử lý cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ học tập và NCKH [H5.05.15.01.10]. Trường đã áp dụng Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn cho CBVC do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của ĐHDN và Quyết định về việc nâng lương trước thời hạn cho CBVC, NLĐ Trường Đại học Sư phạm nhằm khuyến khích, động viên CBVC nỗ lực trong thực hiện các nhiệm vụ được giao [H5.05.15.01.11]. Để thúc đẩy sự phát triển hoạt động KHCN, Nhà trường đã rà soát và điều chỉnh, ban hành Quy định khen thưởng KHCN thường niên theo hướng khuyến khích CBGV tăng cường các công bố khoa học trong và ngoài nước; xét chọn danh mục đề tài KH&CN thường niên của Trường; công nhận đề tài nghiên cứu khoa học có hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng toàn quốc [H5.05.15.01.12].

Để gắn kết chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược, Nhà trường đã ban hành Quy định về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức và theo hướng dẫn của Đại học Đà Nẵng về Quy định công tác thi đua, khen thưởng tại Đại học Đà Nẵng [H5.05.15.01.13], [H5.05.15.01.14]. Bên cạnh việc ban hành Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên Trường Đại học Sư phạm – ĐHDN giai đoạn 2017 – 2022 và ban hành Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra cấp trường của Trường ĐHSP – ĐHDN [H5.05.15.01.15], Quyết định ban hành quy định tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ sung chức danh nghề nghiệp [H5.05.15.01.16]. Nhà trường cho phép các khoa chủ động trong công tác tuyển dụng giảng viên chuyên môn của mình bằng công văn cho phép các khoa tuyển dụng giảng viên thường xuyên; Nhà trường thực hiện phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức theo định kỳ [H5.05.15.01.17].

Để đảm bảo các chế độ chính sách, cũng như phát triển nguồn nhân lực, Nhà trường đã xây dựng Đề án Vị trí việc làm định kỳ 3 năm 1 lần và thường xuyên cử CBVC đi đào tạo Tiến sĩ ở trong và ngoài nước [H5.05.15.01.18]. Hỗ trợ cho giảng viên trẻ vay vốn ưu đãi không lãi suất và hỗ trợ 50% học phí cho Giảng viên học Nghiên cứu sinh [H5.05.15.01.19]. Các nhà khoa học được công nhận đạt tiêu chuẩn học hàm PGS, GS trong các đợt xét, công nhận của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước đã thể hiện chất lượng, uy tín của đội ngũ các nhà khoa học của Trường.

Nhìn chung, những chính sách và biện pháp đã được thực hiện cũng đem lại hiệu quả thiết thực trong công tác xây dựng đội ngũ CBQL, GV có trình độ chuyên môn cao, đồng thời nâng cao hiệu quả NCKH và hợp tác quốc tế trong Trường. Những chính sách về khen thưởng, kỷ luật của Trường luôn được đánh giá, xem xét để cải tiến để phù hợp với yêu cầu phát triển của trường. Qua các ý kiến trao đổi, phát biểu tại các hội nghị CBVC và người lao động cấp khoa, phòng, tổ, trung tâm và cấp trường, CBVC nhà trường hài lòng với các chính sách tuyển dụng, phát triển đội ngũ cũng như các chính sách thi đua, khen thưởng của trường hiện nay [H5.05.15.01.20].

2. Điểm mạnh

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhu cầu phát triển của Nhà trường, có tính cạnh tranh và ưu tiên tuyển dụng Tiến sĩ.

- Công tác khen thưởng, kỷ luật được thực hiện đúng quy định, công khai, công bằng, minh bạch; quy chế đánh giá, bình xét của Trường được điều chỉnh, cải tiến thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Việc bồi dưỡng, phát triển sau quy hoạch chưa có tính riêng biệt cho các chức danh cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Triển khai bồi dưỡng, phát triển nhân sự theo quy hoạch các chức danh cụ thể.	Phòng TCHC, các đơn vị có liên quan	1/2021	12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên đánh giá, điều chỉnh các quy định về tuyển dụng, thi đua, đánh giá, xếp loại, khen thưởng CB, VC phù hợp với thực tiễn phát triển Trường.	Phòng TCHC	1/2021	12/2021
		Tiếp tục chính sách tuyển dụng có tính cạnh tranh và ưu tiên tuyển dụng Tiến sĩ.	Phòng TCHC, các đơn vị có liên quan	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá:

Thang đánh giá						
1	2	3	4	5	6	7

				X		
--	--	--	--	---	--	--

Chỉ số 5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc

1. Mô tả

Căn cứ vào Sứ mạng, Tầm nhìn, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ CBVC giai đoạn 2017-2022 [H5.05.15.02.01], xây dựng Đề án Vị trí việc làm năm 2019 [H5.05.15.02.02]. Cụ thể: năm 2020 Trường có 235 GV, trong đó: Tỷ lệ Giáo sư, PGS: đạt 5,1% trong tổng số GV (12); Tỷ lệ Tiến sĩ đạt gần 50% trong tổng số GV (110); Tỷ lệ Thạc sĩ 100 %. GV dưới 40 tuổi phải có trình độ ngoại ngữ đủ điều kiện để gửi đi đào tạo ở nước ngoài. GV tuyển dụng mới phải đảm bảo chuẩn ngoại ngữ B2 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương. 80% GV có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ sử dụng thành thạo 1 ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc với khách quốc tế, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác giảng dạy, quản lí. Nhà trường đã triển khai việc biên soạn quy định chính sách về nâng cao năng lực ngoại ngữ cho CBVC và thu hút chuyên gia, nhà khoa học uy tín nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu tại Trường; Nhà trường ban hành Quyết định cử cán bộ tham gia khóa bồi dưỡng tiếng Trung Quốc, Quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài, Quyết định cử CBVC đi đào tạo Tiến sĩ ở nước ngoài [H5.05.15.02.03].

Từ Kế hoạch chiến lược, hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng CBVC đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị. Để nâng cao chất lượng đội ngũ và phát triển các nhà giáo dục xuất sắc, Nhà trường ưu tiên tuyển dụng Tiến sĩ và cho phép các khoa đề xuất tuyển dụng đột xuất các cá nhân có trình độ cao, ban hành các quy định về tuyển dụng, kí kết hợp đồng làm việc, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H5.05.15.02.04]. Thông báo tuyển dụng được công khai bằng văn bản và trên website của khoa, Trường, ĐHĐN và qua nhiều kênh truyền thông khác. Tất cả GV này đều trải qua kì thi tuyển viên chức và sát hạch về chuyên môn với sự cạnh tranh cao. Thông qua việc thực hiện các quy định và quy trình về tuyển dụng, Trường đã kịp thời bổ sung đội ngũ viên chức cho các đơn vị thông qua quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức [H5.05.15.02.05].

Trường đã chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng viên chức, đáp ứng được vị trí việc làm của Trường. Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, đặc biệt phát triển các nhà giáo xuất sắc, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, trong đó yêu cầu người được tuyển dụng phải đạt các tiêu chí cơ bản: Có trình độ chuyên môn giỏi; có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; Có đạo đức tốt, sức khỏe tốt; Có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; Yêu nghề, gắn bó với Nhà trường [H5.05.15.02.06].

Hiện nay, Trường thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực theo Quy định tuyển dụng, kí kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp ban hành

theo Quyết định số 1983/QĐ-ĐHĐN của Giám đốc ĐHĐN đến trước năm 2019 và Nghị định 161 của Chính Phủ từ năm 2019 đến nay; trong đó quy định rõ các nguyên tắc, hình thức và quy trình tuyển dụng. Ngoài ra, Nhà trường có chủ trương yêu cầu mỗi GV phải kí cam kết lộ trình đi học nghiên cứu sinh khi tuyển dụng. Thực hiện đúng quy trình với các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch đã giúp cho Trường tuyển chọn được GV có chất lượng, từ đó Nhà trường có cơ sở phát triển được các nhà giáo dục xuất sắc [H5.05.15.02.07].

Bên cạnh chính sách tuyển dụng, Nhà trường còn xây dựng kế hoạch sử dụng và phát triển chất lượng đội ngũ; quan tâm bồi dưỡng, ưu đãi đội ngũ cán bộ hiện có và chủ động xây dựng, phát triển đội ngũ kế cận bằng cách cử GV theo học các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời đề xuất với ĐHĐN, Bộ GD&ĐT cử các cán bộ GV đi đào tạo Tiến sĩ trong và ngoài nước bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau nhằm đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện của Trường. Trong những năm qua, Nhà trường đã hỗ trợ GV trẻ vay vốn ưu đãi không lãi suất [H5.05.15.02.08]; Hỗ trợ 50% học phí cho GV học Sau đại học nhằm khuyến khích GV tăng cường học tập nâng cao trình độ chuyên môn [H5.05.15.02.09]. Tỷ lệ GV của Trường có trình độ Tiến sĩ tăng nhanh từ 32,2 % vào năm 2017 lên 46,7% vào năm 2020. Đội ngũ này đã góp phần tích cực trong việc đổi mới PPGD, nâng cao năng lực NCKH và thực hiện biên soạn giáo trình.

Song song với phát triển nguồn nhân lực, Trường đã có nhiều hình thức khuyến khích GV tăng cường hoạt động NCKH thông qua các quy định khen thưởng cho GV có công bố quốc tế thông qua việc ban hành Quy định khen thưởng hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường [H5.05.15.02.10]; Nâng mức kinh phí các đề tài trọng điểm lên 150 triệu. Nhà trường cũng đã ban hành quy định về quản lý đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Trường [H5.05.15.02.11]. Giao chỉ tiêu viết bài tạp chí khoa học cho các khoa [H5.05.15.02.12]; Tổ chức seminar trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy với các Giáo sư, cử cán bộ tham gia các hội thảo tập huấn [H5.05.15.02.13]. Ngoài ra, Trường cũng cử thành viên tham gia Chương trình ETEP để có điều kiện thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực đội ngũ GV của Nhà trường. Đây là một trong những cơ sở để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc. Bên cạnh hoạt động chuyên môn tại Trường, một số GV được mời bồi dưỡng toán quốc tế, tham gia các dự án nghiên cứu liên quốc gia, qua đó GV vừa phát huy hết năng lực chuyên môn của bản thân vừa mang lại uy tín chuyên môn cho Nhà trường. Thành lập các nhóm nghiên cứu phục vụ tốt cho công tác Nghiên cứu và Giảng dạy [H5.05.15.02.14]. Trường chưa có chính sách đặc biệt để đẩy mạnh phát triển các nhóm nghiên cứu, giảng dạy mạnh thuộc Trường về khoa học giáo dục.

Hàng năm, căn cứ vào đề án vị trí việc làm và yêu cầu thực tế của nhiệm vụ phát triển, Nhà trường tiến hành điều chỉnh, rà soát lại chiến lược và kế hoạch tuyển dụng đội ngũ giảng viên, chuyên viên người lao động sao cho tối ưu hóa nguồn nhân lực và

phù hợp với xu hướng phát triển, thay đổi của xã hội [H5.05.15.02.15].

2. Điểm mạnh

- Công tác tuyển dụng chú trọng tới việc thu hút nhân lực có trình độ cao, chất lượng để nâng cao chất lượng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

- Công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho CBGV được thực hiện với nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện của nhà trường cũng như của các đơn vị, bộ phận.

- Trường có chiến lược phát triển và kế hoạch sử dụng đội ngũ hiệu quả thể hiện qua tỉ lệ tiến sĩ tăng nhanh từ năm 2017-2020.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có chính sách đặc biệt để đẩy mạnh phát triển các nhóm nghiên cứu, giảng dạy mạnh thuộc Trường về khoa học giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách đặc thù để thu hút được nhiều nhà giáo dục xuất sắc	P.TC-HC	1/2021	12/2021
2		Có chính sách bồi dưỡng và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh thuộc Trường về khoa học giáo dục có công bố quốc tế	P.KH&HTQT	1/2021	12/2021
3	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, điều chỉnh hệ thống văn bản, quy định về đánh giá xếp loại, khen thưởng và kỉ luật CBVC	P. TCHC	1/2021	12/2021
4		Xây dựng kế hoạch tuyển dụng có tính cạnh tranh và ưu tiên tuyển dụng Tiến sĩ.	P. TCHC	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá:

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng

1. Mô tả

Nhà trường, đã xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo với việc tăng cường hợp tác với các trường đã ký kết, đẩy mạnh chương trình liên kết với với nhiều nhà khoa học lớn ở các Trường có uy tín, Viện nghiên cứu trong nước và nước ngoài, tổ chức quốc tế. Xây dựng một số dự án hợp tác với các nước Anh, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ, Đài Loan... về đào tạo tiếng Anh nhằm thực hiện chủ trương nâng cao hiệu quả dạy và học một số môn bằng tiếng Anh, Hội thảo Khoa học ở Trường ĐHSP-ĐHĐN với mục tiêu nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế nhằm phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường. Hiện nay, Nhà trường có chính sách trong việc tuyển chọn và sử dụng GV thỉnh giảng. Cụ thể, Nhà trường đã áp dụng Quyết định số 2823/QĐ-ĐHĐN của Giám đốc ĐHĐN về *Quy định mời thỉnh giảng và quản lý công tác thỉnh giảng*, trong đó quy định rõ về tiêu chuẩn của GV thỉnh giảng, các quy trình hoạt động quản lý thỉnh giảng [H5.05.15.03.01].

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo có chất lượng cao phù hợp với điều kiện thực tiễn. Hiện nay, Nhà trường thường xuyên mời chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước ở các lĩnh vực tham gia các Hội thảo khoa học, semina chuyên đề tại trường. Các quy định về mời giảng viên thỉnh giảng đáp ứng tiêu chuẩn, quy trình hoạt động giảng viên thỉnh giảng được Trường ban hành, triển khai nhằm tạo sự thuận lợi cho việc thực hiện của các đơn vị trực thuộc. Các đơn vị trực tiếp sử dụng giảng viên thỉnh giảng được phân cấp trực tiếp quản lý, đảm bảo chất lượng tham gia các hoạt động đào tạo của Trường, đặc biệt là trong đào tạo sau đại học. Chế độ đãi ngộ đối với giảng viên thỉnh giảng được thực hiện nhằm thu hút đội ngũ nhà khoa học đầu ngành tham gia giảng dạy, cộng tác với Trường. Từ năm 2019, Trường đã rà soát, ban hành *Quy định về sử dụng, quản lý giảng viên thỉnh giảng tại Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN* nhằm tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng trong cơ chế sử dụng giảng viên thỉnh giảng [H5.05.15.03.02].

Từ đầu mỗi năm học, Nhà trường xây dựng kế hoạch mời GV thỉnh giảng, kí hợp đồng với các GV có năng lực tốt, phù hợp với yêu cầu, phân công giảng dạy, đánh giá theo đúng quy trình thông qua việc ban hành các quy định về sử dụng, quản lý giảng viên thỉnh giảng tại Trường [H5.05.15.03.03]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho các khoa liên hệ và gửi thư mời GV thỉnh giảng và gửi các thông báo về việc nộp đề cương bài giảng, ra đề thi... Nhà trường luôn khuyến khích các đơn vị triển khai các hoạt động hợp tác với các chuyên gia, nhà giáo dục xuất sắc ở tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, tuy nhiên vẫn còn một số khoa chưa thu hút được các nhà giáo dục xuất sắc (đặc biệt là quốc tế) tham gia giảng dạy và hợp tác nghiên cứu.

Ngoài việc áp dụng các tiêu chuẩn theo quy định đối với GV thỉnh giảng, để ĐBCL Nhà trường còn tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV hằng năm, trong đó có GV thỉnh giảng đồng thời ghi nhận

các ý kiến phản hồi của người học trong các diễn đàn đối thoại giữa SV, học viên với lãnh đạo khoa. Những ý kiến này được Nhà trường xác định là kênh thông tin quan trọng trong việc xác định chất lượng của GV thỉnh giảng và làm căn cứ xem xét ký tiếp hoặc dừng hợp đồng với GV thỉnh giảng [H5.05.15.03.04]. Trên cơ sở đó công tác tuyển dụng, sử dụng giảng viên thỉnh giảng được đánh giá để chỉ ra những mặt được và hạn chế. Từ đó, các chính sách cũng được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Công tác thỉnh giảng chú trọng tới việc thu hút nhân lực có trình độ cao, chất lượng để nâng cao chất lượng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

- Các biện pháp hỗ trợ, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ thỉnh giảng.

3. Điểm tồn tại

Việc mở rộng thu hút giảng viên thỉnh giảng, các nhà khoa học quốc tế còn hạn chế ở một số lĩnh vực.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách thu hút giảng viên thỉnh giảng, mở rộng hợp tác trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường	Phòng TCHC, Phòng KH&HTQT	1/2021	12/2021 và các năm về sau
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác hợp tác quốc tế với đội ngũ chuyên gia về các chương trình đào tạo của Nhà trường	Phòng TCHC, Phòng KH&HTQT	1/2021	12/2021 và các năm về sau

5. Điểm tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

* Tự đánh giá Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực

Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển					X		

<i>nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường.</i>						
<i>Chỉ số 5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc.</i>				X		
<i>Chỉ số 5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng.</i>				X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0					

Tiêu chuẩn 6. HỖ TRỢ DẠY HỌC

Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên

Chỉ số 6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới

1. Mô tả

Trường ĐHSP-ĐHĐN đã có hệ thống hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới bao gồm: Các chính sách, qui định hỗ trợ giảng viên tập sự, giảng viên mới như hàng tháng Nhà trường chi hỗ trợ cho giảng viên tập sự và giảng viên mới là 800.000 đồng/tháng; đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm, nguồn lực tài chính và điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện chính sách, quy định bồi dưỡng giảng viên tập sự, giảng viên mới một cách hiệu quả. Cụ thể như: Trường có chính sách tạo nguồn và ký bản ghi nhớ với những sinh viên giỏi, xuất sắc tại những đơn vị, chuyên ngành có nhu cầu tuyển dụng. Ưu tiên tuyển dụng giảng viên có bằng tiến sĩ, đồng thời thu hút nhân lực có trình độ cao từ bên ngoài ở các chuyên ngành có nhu cầu tuyển dụng để đào tạo trở thành giảng viên [H6.06.16.01.01].

Trường đã thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bổ sung vào đội ngũ những GV có phẩm chất và năng lực tốt thể hiện qua kết quả trúng tuyển và ký hợp đồng làm việc với ứng viên trúng tuyển [H6.06.16.01.02]. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chính sách và có các hoạt động hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới. GV được tuyển dụng và thực hiện chế độ tập sự theo quy định số 1983/QĐ-ĐHĐN về việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H6.06.16.01.03]. Trường có các quy định về hoạt động tập sự của giảng viên như: thời gian tập sự, rút ngắn thời gian tập sự; quy định về người hướng giảng viên dẫn tập sự và giảng viên mới, chế độ đối với người hướng dẫn; quy định về nội dung, kế hoạch hướng dẫn tập sự. Nhà trường ra quyết định cử GV có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn tập sự cho các GV mới được tuyển dụng [H6.06.16.01.04].

Trong thời gian tập sự, GV tập sự được hướng dẫn soạn bài giảng, tham gia giờ dạy của các GV có kinh nghiệm và thực hiện các tiết dạy có dự giờ của khoa, bộ môn, quá trình này giúp GV tập sự làm quen với hoạt động dạy học ở đại học [H6.06.16.01.05].

Trong quá trình tập sự, GV được Khoa, Tổ bộ môn đánh giá, góp ý về những điểm mạnh, điểm yếu, hạn chế trước khi đề nghị Trường công nhận hết tập sự và bổ nhiệm ngạch [H6.06.16.01.06]. GV tập sự được ký hợp đồng làm việc, được hưởng 85% mức lương của vị trí việc làm được tuyển dụng và được hưởng đầy đủ các khoản phụ cấp khác theo quy định của pháp luật, quy định của ĐHĐN và của Trường Đại học Sư phạm [H6.06.16.01.07].

Hàng năm, Trường cử GV tập sự tham dự các lớp nghiệp vụ sư phạm đại học nhằm giúp GV tập sự trang bị đầy đủ nghiệp vụ phục vụ giảng dạy ở bậc đại học. Các khoá học này trang bị cho GV tập sự khả năng sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy

học, rèn luyện kỹ năng đứng lớp, đảm bảo hiệu quả của quá trình dạy học [H6.06.16.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường khuyến khích GV mới nâng cao năng lực ngoại ngữ và thường xuyên cung cấp thông tin về các học bổng học tập, nghiên cứu sau đại học tại các nước có nền giáo dục tiên tiến [H6.06.16.01.09]. Đối với GV mới được cử đi đào tạo sau đại học, ngoài chế độ quy định của Nhà nước và quy định của ĐHDN, Nhà trường đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho GV trẻ vay vốn không tính lãi để phục vụ việc học tập nâng cao trình độ từ nguồn quỹ Công đoàn Trường; hỗ trợ 50% học phí khi học trong nước [H6.06.16.01.10, H6.06.16.01.11]. Kết quả, nhiều GV mới đã học xong chương trình Sau đại học ở nước ngoài, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho Trường [H6.06.16.01.12].

Nhà trường thường xuyên tổ chức được nhiều hoạt động mới nhằm tăng cường hỗ trợ GV tập sự và GV mới. Cụ thể, Nhà trường đã tổ chức Tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm giữa GV lâu năm với GV mới về PPGD, kiểm tra đánh giá...[H6.06.16.01.13]; tổ chức lớp bồi dưỡng về elearning cho GV mới nhằm tăng cường khả năng ứng dụng CNTT trong dạy học [H6.06.16.01.14]; tổ chức các chương trình tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm của các giáo sư nhằm nâng cao năng lực NCKH cho GV [H6.06.16.01.15]; tạo điều kiện cho GV mới tham gia viết bài cho Hội nghị khoa học cán bộ trẻ các trường sư phạm toàn quốc; giao đề tài khởi nghiệp cho GV mới nghiên cứu (15 triệu/đề tài) [H6.06.16.01.16]. Các chính sách và hoạt động hỗ trợ GV tập sự và GV mới của Nhà trường đã phát huy hiệu quả tích cực, kết quả cho thấy tất cả các GV mới tuyển dụng đều hoàn thành tập sự đúng thời hạn [H6.06.16.01.17]. Các GV mới đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong các đợt đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm [H6.06.16.01.18]. Bên cạnh đó, Nhà trường sẽ tổ chức nhiều lớp tập huấn cho cán bộ trẻ lĩnh hội văn hóa Nhà trường, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT, tập huấn sử dụng hệ thống Blended learning trong giảng dạy và học tập [H6.06.16.01.19], tổ chức lớp tập huấn về dạy học tích hợp các vấn đề toàn cầu cho GV mới và tập sự [H6.06.16.01.20].

Nhằm cải tiến các chính sách hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới, Trường thường xuyên lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị cá nhân thông qua buổi tổng kết năm học, hội nghị viên chức hằng năm [H6.06.16.01.21]. Từ đó, Trường có kế hoạch cải tiến hệ thống chính sách, nhân sự, tài chính đối với việc hỗ trợ giảng viên mới và giảng viên tập sự. Tuy nhiên, thu nhập của phần lớn giảng viên tập sự, giảng viên mới còn thấp so với thu nhập bình quân chung của Nhà trường bên cạnh áp lực về học tập nâng cao trình độ và sinh hoạt phí nên một số giảng viên mới chưa yên tâm gắn bó lâu dài.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường tổ chức nhiều hội thảo tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, tập huấn nâng cao chuyên môn sâu, tiếp cận xu thế giáo dục hiện đại cho giảng viên nói chung, trong đó có giảng viên mới và giảng viên tập sự.

- Nhà trường đặc biệt quan tâm tới các GV mới, GV tập sự, đã thành lập quỹ hỗ trợ GV trẻ, có chính sách hỗ trợ GV mới NCKH qua các đề tài khởi nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Thu nhập của phần lớn giảng viên tập sự, giảng viên mới còn thấp so với thu nhập bình quân chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục các điểm tồn tại	Tìm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho giảng viên, đặc biệt là giảng viên tập sự, giảng viên mới nâng cao trình độ; Xây dựng các chính sách hỗ trợ tài chính cho đối tượng giảng viên tập sự, giảng viên mới	- Phòng TCHC - Phòng KHTC - Các Khoa.	2021	2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức và tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và hội thảo khoa học. Tổ chức hội thảo giới thiệu xu thế phát triển xã hội hiện đại và đổi mới giáo dục hiện nay của Việt Nam	- Phòng KH&HTQT - Các Khoa	1/2021	12/2021
		Tăng nguồn quỹ hỗ trợ GV tập sự, GV mới.	P. KH-TC	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.

1. Mô tả

Trường ĐHSP - ĐHDN luôn khuyến khích, bồi dưỡng để giảng viên thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả như: hướng dẫn luận án, luận văn, khóa

luận, nghiên cứu khoa học; cố vấn học tập; hướng dẫn tập sự.... Hằng năm, Nhà trường tổ chức các buổi tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm giữa GV lâu năm và GV mới nhằm chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, NCKH [H6.06.16.02.01]. Nhà trường cũng cử GV lâu năm hướng dẫn tập sự cho GV mới nhằm theo dõi, hướng dẫn GV mới tiếp cận với môi trường giáo dục đại học và các phương pháp dạy học mới [H6.06.16.02.02].

Bên cạnh hoạt động giảng dạy, GV còn đảm nhận vai trò cố vấn học tập/giảng viên chủ nhiệm cho người học. Cố vấn học tập có trách nhiệm thông tin đến người học các quy chế, quy định đào tạo hiện hành, tư vấn người học xây dựng kế hoạch học tập hợp lý, đảm bảo tích lũy đủ tín chỉ và tốt nghiệp đúng thời gian quy định. Để có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ cố vấn học tập cho SV, từ đầu khóa, Nhà trường đã có quyết định cử GV làm công tác chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập [H6.06.16.02.03]. Nhờ vào hiệu quả của hoạt động cố vấn học tập nên số lượng SV tốt nghiệp đạt loại khá giỏi ngày càng chiếm tỉ lệ cao [H6.06.16.02.04]. GV làm nhiệm vụ cố vấn học tập được tính số tiết tương ứng với 45 tiết/năm học [H6.06.16.02.05], mặc dù vậy, vẫn còn giảng viên chưa thực sự được hưởng lợi ích từ số tiết hỗ trợ này nếu thời lượng giảng dạy chuyên môn thiếu trên 45 tiết theo định giờ chuẩn.

Hoạt động thực tế, thực tập giữ vai trò quan trọng trong quá trình hình thành các kỹ năng thực hành và kiểm chứng kiến thức, vận dụng vào thực tế. Vì vậy, hằng năm Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho GV có kinh nghiệm làm trưởng đoàn hướng dẫn SV đi thực tập, thực tế chuyên môn, giúp SV sớm làm quen với hoạt động giáo dục phổ thông và nâng cao năng lực giảng dạy, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người học ngoài thực tế [H6.06.16.02.06]. Khi thực hiện vai trò là người hướng dẫn, giảng viên được khuyến khích, khích lệ bằng nhiều hình thức như được bồi dưỡng công tác phí, tạo điều kiện nơi ăn chốn ở... và được hưởng những quyền lợi theo Quy định cho giảng viên được thể hiện cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.06.16.02.07].

Hoạt động hướng dẫn SV NCKH cũng được chú trọng. Từ đầu năm học, Nhà trường giao nhiệm vụ hướng dẫn SV thực hiện các đề tài NCKH, luận văn tốt nghiệp [H6.06.16.02.08]. GV tư vấn đề tài, hướng dẫn SV tiếp cận với hoạt động nghiên cứu. Nhờ đó, kết quả NCKH của SV trong những năm qua đạt nhiều thành tích [H6.06.16.02.09]. Trong năm học 2019 – 2020, giảng viên đã tham gia hướng dẫn sinh viên NCKH, trong đó có 03 đề tài đạt giải Nhất gửi đi tham dự sinh viên NCKH cấp Bộ và 3 đề tài đạt giải Nhì gửi đi tham dự sinh viên NCKH cấp Đại học Đà Nẵng (01 đề tài đạt giải Ba). GV tham gia hướng dẫn SV NCKH được tính 10 tiết/1 đề tài cấp Khoa, 15 tiết/1 đề tài cấp Trường và 20 tiết/ 1 đề tài cấp Bộ [H6.06.16.02.10].

Trong những năm qua, Nhà trường thường xuyên tổ chức Hội nghị giao ban giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập; Hội nghị tổng kết công tác thực tế, thực tập; Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV... nhằm đánh giá lại những kết quả đã đạt được đồng thời

rút kinh nghiệm, đề xuất những giải pháp mới nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện [H6.06.16.02.11, H6.06.16.12.10, H6.06.16.02.13]. Tiếp thu các ý kiến góp ý thông qua các hội nghị, tổng kết, Trường đã có những cải tiến chính sách khuyến khích như: ban hành quy định khen thưởng hoạt động NCKH và tổ chức tặng thưởng cho các GV hướng dẫn SV NCKH đạt giải cấp Bộ [H6.06.16.02.14]. Những hoạt động này đã đem lại hiệu quả tích cực trong việc khuyến khích GV thực hiện được vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHSP – ĐHĐN có quy định, chính sách khuyến khích, bồi dưỡng để giảng viên thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Chính sách khuyến khích dành cho GVCN/CVHT còn chưa phủ khắp hết các đối tượng giảng viên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức giao ban, lấy ý kiến GVCN/CVHT về hoàn thiện chính sách hỗ trợ GV tham gia làm CVHT	Phòng CTSV	01/2021	03/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các chính sách khuyến khích GV tham gia hướng dẫn NCKH, cùng công bố nghiên cứu với học viên, sinh viên	Phòng KH & HTQT	01/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 6.16.3: Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông.

1. Mô tả

Bồi dưỡng thường xuyên, tăng cường năng lực và phát triển nghề nghiệp cho đội ngũ giảng viên là một nhiệm vụ quan trọng của các trường sư phạm nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông. Hoạt động bồi dưỡng thường xuyên được tổ chức thông qua các hình thức: Hội thảo, tập huấn, tham quan, trao đổi, làm việc thực tế với giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, phổ biến, áp dụng kiến thức mới vào hoạt động thực tế. Để thực hiện hoạt động bồi dưỡng thường xuyên một cách hiệu quả, trong những năm qua, Trường ĐHSPT - ĐHĐN có chính sách và kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giảng viên của trường nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên. Từ năm 2017, thực hiện kế hoạch hành động phát triển năng lực Nhà trường theo Bộ chỉ số TEIDI, Trường đã xây dựng và ban hành *Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2017 – 2022* và *Kế hoạch phát triển đội ngũ của Trường cho từng năm* làm nền tảng công tác phát triển đội ngũ [H6.06.16.03.01].

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khoá bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức và phát triển năng lực chuyên môn. Được thể hiện cụ thể trong bản thống kê các khóa đào tạo bồi dưỡng, các quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng, tham dự các hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước. Nhà trường đã cử các đoàn CBGV tham dự Hội thảo tập huấn phát triển năng lực cho giảng viên sư phạm và giảng viên quản lý giáo dục; Tập huấn phát triển năng lực cho GVSP và GVQLGDCC; Hội thảo tập huấn phát triển năng lực cho giảng viên sư phạm và giảng viên quản lý giáo dục; Hội thảo về bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPTCC; Hội thảo về phát triển và sử dụng tài liệu bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPTCC; Tập huấn Giảng viên sư phạm và Giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt; Tập huấn Chương trình Giáo dục Phổ thông mới; Tổ chức cho 100 giảng viên tìm hiểu về chương trình giáo dục phổ thông mới và chương trình môn học theo đơn vị khoa, do các chủ biên từng môn học báo cáo [H6.06.16.03.02]. Kết quả của việc triển khai kế hoạch bồi dưỡng là sau khi kết thúc các lớp, khóa bồi dưỡng giảng viên đều được cấp chứng chỉ, chứng nhận; danh mục sách phổ thông của giảng viên Trường ĐHSPT - ĐHĐN; danh mục các bài báo và công trình NCKH ứng dụng trong thực tế [H6.06.16.03.03].

Để gắn kết với thực tế các trường phổ thông, Trường xây dựng hệ thống các trường vệ tinh từ mầm non, tiểu học tới THCS, THPT ở thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi,...tạo điều kiện cho sinh viên kiến tập và thực tập, sớm có cơ hội tiếp xúc với thực tiễn giáo dục phổ thông. Trường khuyến khích GV tham gia dự giờ tiết dạy của giáo viên phổ thông cũng như thực hiện các tiết dạy tại các trường phổ thông giúp GV có điều kiện tìm hiểu, trao đổi hoạt động chuyên môn với giáo viên phổ thông và trải nghiệm thực tế về môi trường giáo dục phổ thông [H6.06.16.03.04]. Đồng thời, qua hoạt động này GV bộ môn phương pháp tham gia hướng dẫn kiến tập

và thực tập sư phạm được tiếp xúc thực tế với các vấn đề giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, hoạt động gắn kết với nhà trường phổ thông chủ yếu dành cho giảng viên thuộc bộ môn phương pháp giảng dạy chứ chưa phổ biến đến toàn bộ đội ngũ giảng viên trong nhà trường. Ngoài ra, GV còn tham gia các hoạt động tư vấn, nghiên cứu, hoạt động giáo dục theo mô hình STEM tại các trường phổ thông [H6.06.16.03.05].

Để rà soát, điều chỉnh kịp thời các chính sách, kế hoạch hoạt động của Nhà trường, cuối các đợt thực tập sư phạm Trường đều tổ chức hội nghị tổng kết công tác kiến tập, thực tập, đây là cơ hội để Nhà trường tiếp thu những yêu cầu về đổi mới giáo dục phổ thông, tiếp thu ý kiến của GV và các trường phổ thông, từ đó có những điều chỉnh trong việc thực hiện chương trình và bồi dưỡng cán bộ, GV một cách phù hợp [H6.06.16.03.06]. Đồng thời, Nhà trường cũng có chế tài xử lý đối với các cá nhân không thực hiện đúng cam kết đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.16.03.07].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống các trường vệ tinh, giảng viên có nhiều cơ hội áp dụng các tiếp cận mới trong khoa học vào thực tiễn giáo dục phổ thông, không ngừng nâng cao trình độ, cập nhật thực tiễn đổi mới giáo dục.

3. Điểm tồn tại

GV ngoài chuyên ngành phương pháp giảng dạy chưa có nhiều điều kiện tiếp cận với nhà trường phổ thông.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích tất cả giảng viên giảng dạy các ngành sư phạm tham gia hợp tác nghiên cứu, giảng dạy, trao đổi chuyên môn thường xuyên với các trường phổ thông	Phòng Đào tạo, Ban chủ nhiệm các khoa	1/2021	12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng các chương trình hợp tác, trao đổi chuyên môn thường xuyên và định kỳ với các trường phổ thông vệ tinh	Phòng TCHC, Phòng Đào tạo, các khoa	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 6.16.4: Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

1. Mô tả

Trường ĐHSP- ĐHĐN đã quan tâm hỗ trợ giảng viên thông qua việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng lập kế hoạch chi tiết để hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng. Phòng Tổ chức – Hành chính lập kế hoạch, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm, có chú ý tới phương pháp thực nghiệm trong các chương trình bồi dưỡng thường xuyên hoặc cử giảng viên tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm. Trường đã tổ chức và cử GV tham gia các lớp tập huấn về đổi mới dạy học như: Tập huấn về elearning cho giảng viên mới; tập huấn hệ thống Blended learning; Tập huấn Giảng viên sư phạm và Giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt; Tập huấn Chương trình Giáo dục Phổ thông mới. Bên cạnh đó, năm 2020 Nhà trường đã tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn PPGD nhằm tạo điều kiện cho GV tiếp cận với các phương pháp mới [H6.06.16.04.01].

Bên cạnh việc bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, Trường còn đầu tư vào hệ thống cơ sở vật chất để đồng bộ hóa giữa phương pháp giảng dạy, bồi dưỡng với trang thiết bị hỗ trợ như: website dạy học trực tuyến, phát triển hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ trang thiết bị hiện đại; hệ thống trang thiết bị dạy học trực quan được trang bị giúp GV dạy học theo phương pháp thực nghiệm một cách hiệu quả; nâng cấp hệ thống internet, wireless, ... tại các phòng học và giảng đường. Hằng năm, Trường tiến hành đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm xây dựng phương án đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ hoạt động dạy học thực nghiệm của GV. Trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống các giảng đường để giảng viên phát huy hết các thế mạnh trong giảng dạy, NCKH, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm như: trang bị phòng làm việc cho chuyên gia và các giáo sư, phó giáo sư, lắp đặt 100% máy chiếu, thiết bị âm thanh cho các phòng học, giảng đường. Định kỳ Trường tiến hành kiểm kê đánh giá khấu hao tài sản, lập dự trù mua sắm, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị phục vụ chuyên môn, cũng như đề xuất chủ trương đầu tư CSVC và phát triển công nghệ [H6.06.16.04.02].

Đối với các chương trình bồi dưỡng, Nhà trường đặc biệt chú trọng phương pháp đào tạo, kiểm tra, đánh giá trực tuyến. Năm 2020, Nhà trường tổ chức bồi dưỡng nâng hạng chức danh nghề nghiệp cho hơn 10.000 giáo viên ở các địa phương bằng hai hình thức trực tiếp và trực tuyến; sau mỗi khóa học, học viên nộp bài thi và đánh giá GV

bằng hệ thống trực tuyến [H6.06.16.04.03]. Hệ thống này giúp học viên có thể học ở mọi nơi với số lượng lớn, thời gian linh hoạt và tiết kiệm chi phí. Nhà trường đã được học viên đánh giá cao về tính hiệu quả của hệ thống bồi dưỡng trực tuyến. Năm 2019, Trường tổ chức bồi dưỡng cho 2.485 giáo viên phổ thông cốt cán tại Đà Nẵng và 5 tỉnh Tây Nguyên, năm 2020 bồi dưỡng hơn 2390 giáo viên. Qua đợt bồi dưỡng, giáo viên phổ thông cốt cán đã có nhiều phản hồi tích cực về chương trình bồi dưỡng, đặc biệt là các phương pháp mới mà GV đã sử dụng [H6.06.16.04.04]. Số lượng giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng còn thiếu so với yêu cầu và nhu cầu bồi dưỡng của các địa phương dẫn đến quá tải trong triển khai các hoạt động bồi dưỡng.

Để hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp, Nhà trường đánh giá kết quả thực hiện chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên qua các hình thức như lấy mẫu phiếu khảo sát, các tài liệu do giảng viên biên soạn..... Trường giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục thu thập ý kiến phản hồi từ phía người học về phương pháp dạy học của giảng viên sau khi kết thúc mỗi học kì. Phòng cũng tiến hành xin ý kiến của giảng viên về ưu điểm và những điểm cần bổ sung sau mỗi học phần để có điều chỉnh cho hợp lí cho học phần này. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được lấy ý kiến phản hồi về chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, trong đó có nội dung đánh giá về chất lượng hướng dẫn sinh viên học tập và rèn luyện các kĩ năng nghiệp vụ sư phạm của giảng viên. Đây là cơ sở để đánh giá hiệu quả sử dụng các phương pháp giảng dạy của giảng viên, đồng thời làm dày thêm hệ thống dữ liệu đánh giá về hoạt động hỗ trợ giảng viên của nhà trường. Những dữ liệu này cũng là công cụ để giảng viên sử dụng kinh nghiệm của người học như một nguồn tài nguyên học tập [H6.06.16.04.05]

Trường đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy của GV, qua đó giúp Trường đánh giá hiệu quả sử dụng các PPGD của GV và giúp GV điều chỉnh PPGD đạt hiệu quả [H6.06.16.04.06]. Kết quả thu thập này là căn cứ để Nhà trường có kế hoạch cải thiện chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, được thể hiện ở báo cáo tổng kết và phương hướng năm học qua các năm [H6.06.16.04.06].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống bồi dưỡng trực tuyến, cơ sở vật chất hiện đại hỗ trợ tốt cho giảng viên trong các hoạt động triển khai chương trình bồi dưỡng thường xuyên

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng còn thiếu dẫn đến quá tải trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục các điểm tồn tại	Bồi dưỡng, bổ sung đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng	Phòng TCHC	01/2021	06/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đầu tư phát triển các hệ thống giảng dạy trực tuyến, tăng cường các hoạt động tự học qua mạng cho học viên; xây dựng hoàn chỉnh dữ liệu bài giảng điện tử cho các chương trình bồi dưỡng	- Tổ CNTT - Trung tâm Học liệu - Elearning	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 6.16.5. Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.

1. Mô tả

Trường luôn khuyến khích và tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên đáp ứng các yêu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm như: tạo điều kiện cho giảng viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi quốc tế, bồi dưỡng các đội thi Olympic [H6.06.16.05.01]; cử giảng viên tham gia tư vấn và làm giám khảo các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc gia; khuyến khích các khoa nghiên cứu các đề tài khoa học về tâm lý học, tâm lý học xã hội hành vi, các chương trình tập huấn về công tác xã hội...[H6.06.16.05.02]; tham gia phản biện xã hội về các vấn đề của giáo dục [H6.06.16.05.03]

Nhà trường đã tổ chức và cử CBGV tham gia nhiều khóa bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm. Nhà trường tổ chức các hội thảo, seminar, tọa đàm cho giảng viên cơ hội tiếp cận kịp thời các vấn đề giáo dục mới, các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm như: đổi mới chương trình giáo dục phổ

thông, cách thức viết và đăng tải các bài báo, công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế có chỉ số cũng như các buổi tọa đàm về kỹ năng giao tiếp, mời các nhà khoa học, chính trị nói về các vấn đề xã hội, các buổi học nghị quyết... tạo điều kiện để giảng viên đi học tập trao đổi nâng cao chuyên sâu, chuyên nghiệp hoá. Cụ thể, Trường cử CBQL tham gia các lớp *Tập huấn về tăng cường năng lực quản lý tài chính, cơ sở vật chất và phát triển đội ngũ* (theo dự án FCB); *Hội thảo tập huấn phát triển năng lực cho giảng viên sư phạm và giảng viên quản lý giáo dục*; *Tập huấn phát triển năng lực cho GVSP và GVQLGDCC*; *Hội thảo về bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPTCC*; *Tập huấn Giảng viên sư phạm và Giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt*. Cử GVSPCC tham gia *Tập huấn về Giáo dục STEM trong giáo dục trung học*; *Hội thảo về phát triển và sử dụng tài liệu bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPTCC* [H6.06.16.05.04].

Trường tạo điều kiện và cử giảng viên tham các hoạt động của ngành như: tham gia xây dựng sách giáo khoa, tài liệu bồi dưỡng theo chương trình THPT mới, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi THPT quốc gia [H6.06.16.05.05].

Ngoài ra, Trường cũng khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để CBGV tham gia các chương trình tập huấn về khởi nghiệp; tư vấn phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em; chống định kiến giới và bất bình đẳng giới [H6.06.16.05.06]. Qua các hoạt động này, GV trẻ của nhà trường được có cơ hội trải nghiệm, tập huấn và hỗ trợ các địa phương trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Trường cũng đã rà soát các chính sách khuyến khích NCKH, giao các đề tài về khởi nghiệp với nguồn kinh phí 15 triệu/đề tài cho các GV mới [H6.06.16.05.07]. Trường đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho GV về phương pháp dạy học tích hợp các vấn đề toàn cầu (biến đổi khí hậu, phát triển bền vững...) [H6.06.16.05.08].

Từ đó nhà trường có kế hoạch cải thiện chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm được thể hiện ở báo cáo tổng kết và phương hướng năm học qua các năm [H6.06.16.05.09]. Tuy nhiên, số lượng giảng viên tham gia các hoạt động giáo dục đặc biệt bên ngoài Nhà trường còn chưa nhiều, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của Trường

2. Điểm mạnh

Nhà trường hỗ trợ GV trong việc phát triển chuyên môn, tạo cơ hội để chuyên nghiệp hoá nghề nghiệp và tham gia vào các vấn đề giáo dục, xã hội.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên tham gia các hoạt động giáo dục đặc biệt bên ngoài Nhà trường còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị,	Thời gian thực hiện
----	----------	----------	---------	---------------------

			người thực hiện	Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục các điểm tồn tại	Xây dựng chính sách khuyến khích giảng viên tham gia các hoạt động giáo dục đặc biệt của ngành	BGH, Phòng TCHC, Phòng Kế hoạch Tài chính	1/2021	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Hỗ trợ giảng viên kết nối với các địa phương, đơn vị có nhu cầu về tư vấn, thực hiện các hoạt động giáo dục đặc biệt	BGH, Phòng TCHC, Ban chủ nhiệm các khoa	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

* Điểm Tự đánh giá Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên

Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới					X		
Chỉ số 6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.					X		
Chỉ số 6.16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông.					X		
Chỉ số 6.16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên.					X		
Chỉ số 6.16.5. Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư				X			

<i>phạm.</i>							
Điểm TB của tiêu chí	4,80						

Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên

Chỉ số 6.17.1. Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch

1. Mô tả

Các quy định, nội dung, hình thức đánh giá GV được Nhà trường công khai rộng rãi trong toàn bộ CBVC; các hoạt động đánh giá được thực hiện công khai, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Các hình thức đánh giá chính dành cho GV là: xếp loại viên chức hàng năm, dự giờ, lấy ý kiến của SV về công tác giảng dạy.

Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã tiến hành cho đăng ký các danh hiệu thi đua, công khai tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá và hướng dẫn công tác đánh giá, xếp loại CBVC hằng năm [H6.06.17.01.01]. Theo đó, GV giữ nhiệm vụ quản lý được đánh giá với các tiêu chí mang tính chất đặc thù công việc đảm bảo tính chính xác của các kết quả đánh giá; GV được đánh giá trên các tiêu chí chính là khối lượng giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác [H6.06.17.01.02].

Dự thảo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBVC được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại [H6.06.17.01.03]. Kết quả đánh giá, xếp loại chính thức được công khai cho tất cả CBVC Trường thông qua hệ thống văn thư điện tử và gửi email cho toàn trường [H6.06.17.01.04]. Trên cơ sở kết quả đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn một cách phù hợp, giúp GV hoàn thiện về chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận thực hiện các CTĐT, bồi dưỡng [H6.06.17.01.05]. Tuy nhiên, Trường cũng nhận thấy Bộ tiêu chí đánh giá chủ yếu dựa vào khối lượng công việc của giảng viên chưa đánh giá sâu được chất lượng hoàn thành nhiệm vụ.

Hoạt động đánh giá GV được Nhà trường xác định là nhiệm vụ then chốt trong phát triển đội ngũ giai đoạn hiện nay. Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá GV nhằm giúp GV có thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và các công tác khác; qua đó có những điều chỉnh hoạt động dạy học, cải tiến nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng đào tạo tại Trường. Đồng thời, là căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, GV hoặc thực hiện luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và dự nguồn cán bộ quản lý, lãnh đạo [H6.06.17.01.06].

Nhà trường đánh giá GV thông qua nhiều nguồn thông tin: Đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc tổ chức các tiết dạy có dự giờ chuyên môn đối với GV tập sự và GV mới [H6.06.17.01.07].; khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hiệu quả tổ chức hoạt động dạy học của GV và đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức hằng năm. Kết quả đánh giá được phản hồi trực tiếp đến GV, là căn cứ giúp GV có những điều chỉnh để nâng cao chất lượng dạy học nói riêng và chất lượng đào tạo tại Trường

nói chung. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV được thông báo đến từng GV và cán bộ quản lý các cấp cũng đảm bảo tính công khai và minh bạch của hoạt động đánh giá [H6.06.17.01.08]. Việc sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau giúp đánh giá năng lực GV một cách chính xác hơn.

Kết quả đánh giá trong những năm qua phản ánh đúng năng lực của GV, nên được dùng làm căn cứ để điều chỉnh hoạt động dạy học, nâng cao chuyên môn của GV phù hợp. Các hoạt động đánh giá GV được tiến hành công khai trong toàn Trường, kế hoạch và kết quả đánh giá xếp loại CBVC được thông báo rộng rãi đến toàn bộ viên chức, đảm bảo tính minh bạch và công khai [H6.06.17.01.09]. Kết quả xếp loại viên chức là một trong các tiêu chí để tính toán chi trả phúc lợi cuối năm cho CBVC, cụ thể: Viên chức đạt loại A: 300.000đ/1 hệ số; loại B: 240.000đ/1 hệ số; loại C: 180.000đ/1 hệ số; loại D: 120.000đ/1 hệ số. Trong năm học có 36 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.17.01.10]. Đối với các GV mới được tuyển dụng, Trường yêu cầu cam kết lộ trình học tập nhằm tăng cường đội ngũ theo đúng tiến độ đã vạch ra trong kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2017 - 2022 [H6.06.17.01.11]. Sau mỗi năm học, Nhà trường rà soát việc thực hiện cam kết và có chế tài xử lý đối với GV vi phạm [H6.06.17.01.12].

Nhà trường thường xuyên tổ chức rà soát và nghiên cứu hoàn thiện bộ chỉ số đánh giá cán bộ GV theo năng lực thực hiện công việc giúp đánh giá chính xác năng lực, mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ GV [H6.06.17.01.13]. Trong năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục tổ chức góp ý quy chế đánh giá, xếp loại viên chức qua đó nhằm điều chỉnh, cập nhật xếp loại cán bộ lãnh đạo - quản lý, GV, viên chức hành chính và nhân viên phục vụ hiệu quả hơn [H6.06.17.01.14].

2. Điểm mạnh

Quy định đánh giá, xếp loại GV thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện.

3. Điểm tồn tại

Bộ tiêu chí đánh giá CBVC chủ yếu dựa vào khối lượng công việc của giảng viên, chưa đánh giá sâu được chất lượng hoàn thành nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu bổ sung các phương pháp, chỉ số đo lường chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của CBVC	P. TC-HC	01/2021	06/2021

2	Phát huy điểm mạnh	Quy định đánh giá, xếp loại GV thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia.	P. TC-HC	01/2021	12/2021
---	--------------------	--	----------	---------	---------

5. Điểm tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				5		

Chỉ số 6.17.2. Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Trường có nhiều chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học như: Chính sách công nhận và đãi ngộ trong giảng dạy: Lương tăng thêm, chi phụ cấp ưu đãi, tiền vượt giờ...; Chính sách NCKH: khen thưởng cho bài báo quốc tế, vinh danh, giới thiệu khen thưởng các cấp; Vinh danh và khen thưởng cho Tân TS, PGS, GS hàng năm; khen thưởng đột xuất đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động của Nhà trường. [[H6.06.17.02.01]

Trường có quy định rõ ràng về nhiệm vụ của GV trong các hoạt động giảng dạy và NCKH [H6.06.17.02.02]. Nhà trường tiến hành đánh giá và xếp loại CBVC hằng năm. Tùy theo hiệu quả các công việc được giao mà GV được đánh giá và xếp loại từ “không hoàn thành nhiệm vụ” đến “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H6.06.17. 02.03]. Trong quy định hướng dẫn đánh giá xếp loại CBVC và người lao động, khối lượng giờ giảng và NCKH được tính điểm khi xét lương tăng thêm như là một cơ chế để khuyến khích GV hoàn thành trách nhiệm giảng dạy và NCKH với chất lượng cao [H6.06.17. 02.04].

Để khuyến khích việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, Nhà trường quy định khối lượng giờ chuẩn dành cho GV toàn Trường trong một năm. Những GV đạt đủ số lượng giờ chuẩn sẽ được nhận phụ cấp ưu đãi bằng 40% tiền lương. Phần giờ giảng vượt định mức giờ chuẩn cũng được Nhà trường thanh toán với mức chi là 70.000 – 85.000 đồng/ 01 tiết giảng tùy thuộc vào nguồn thu hàng năm [H6.06.17. 02.05] [H6.06.17.02.06].

NCKH là một nội dung được Nhà trường chú trọng đầu tư, khuyến khích. Nhà trường quy định GV phải có giờ NCKH định mức quy đổi ứng với 600 giờ/ năm. Việc GV thực hiện đủ định mức NCKH là một trong những tiêu chí đánh giá và xếp loại viên chức hằng năm. Nhà trường đã ban hành Quy định về khen thưởng hoạt động KHCN thường niên từ năm 2017; làm căn cứ để tuyên dương, khen thưởng GV đạt

thành tích cao trong hướng dẫn SV NCKH hoặc có nhiều công bố quốc tế [H6.06.17.02.07, H6.06.17.02.08].

Từ năm 2019 cho đến nay, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh quy định khen thưởng hoạt động KHCN theo hướng tăng mức thưởng và khen đột xuất nhằm động viên, khuyến khích kịp thời các cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu như quy định thưởng 50 triệu đồng/bài cho giảng viên có bài báo trên tạp chí khoa học có chỉ số ISI, SCI, SCIE, Scopus. Trong năm 2019 -2020 Trường đã chi hơn 500 triệu đồng cho CB, GV có bài báo quốc tế [H6.06.17.02.09]. Hằng năm, Nhà trường xét tăng lương trước thời hạn cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ [H6.06.17.02.10]; GV bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ hoặc được phong hàm Phó giáo sư, Giáo sư cũng được tuyên dương và trao thưởng [H6.06.17.02.11, H6.06.17.02.12].

Đối với các nhân có thành tích xuất sắc đột xuất trong các hoạt động của Nhà trường cũng có các hình thức khen thưởng, vinh danh nhằm động viên khích lệ CBVC tích cực, chủ động tham gia và nâng cao hiệu quả công việc. Năm 2020, Trường đã khen thưởng đột xuất cho các nhóm giảng viên, sinh viên sản xuất máy rửa tay sát khuẩn tự động phòng ngừa COVID-19, CBVC có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xây dựng học liệu và bồi dưỡng giáo viên phổ thông; hoạt động tuyển sinh...[H6.06.17.02.13]

Các chính sách về đánh giá, công nhận năng lực của GV thường xuyên được rà soát và điều chỉnh [H6.06.17.02.14]. Việc đánh giá năng lực không chỉ nhằm mục đích xếp loại GV mà còn mang tính ghi nhận, để GV không ngừng hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và NCKH; từ đó góp phần nâng cao chất lượng và vị thế của Nhà trường [H6.06.17.02.15]. Mặc dù vậy, các chính sách đãi ngộ còn theo các mảng hoạt động riêng biệt, chưa có chính sách khích khích tổng thể cho tất cả các hoạt động của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường có nhiều chính sách công nhận và đãi ngộ GV có thành tích xuất sắc trong các hoạt động của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Các chính sách đãi ngộ còn theo các mảng hoạt động riêng biệt theo lĩnh vực hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn	Xây dựng mới quy định về khen thưởng, vinh danh, đãi ngộ của	P. TC-HC	1/2021	06/2021

	tại	Trường mang tính đồng bộ và tổng thể			
4	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng các hình thức khen thưởng để GV tích cực tham gia giảng dạy và NCKH	P. TC-HC	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				5		

*** Tự đánh giá Tiêu chí 17. Đánh giá và công nhận giảng viên**

Tiêu chí 17. Đánh giá và công nhận giảng viên	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 6.17.1. Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch</i>					X		
<i>Chỉ số 6.17.2. Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chuẩn 7: HỖ TRỢ HỌC TẬP

Tiêu chí 7.18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học

Chỉ số 7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các CTĐT và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.

1. Mô tả

Trường xây dựng đề án tuyển sinh cho các loại hình đào tạo (bao gồm: đại học chính quy, vừa làm vừa học và sau đại học), bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT; các chính sách tuyển sinh đều hướng tới thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; hoạt động tư vấn tuyển sinh tập trung chủ yếu tại các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Trường xây dựng, công bố đề án tuyển sinh và thực hiện đúng theo đề án, tuân thủ các quy định của Bộ GDĐT về chỉ tiêu, ngưỡng đảm bảo chất lượng cũng như các chế độ ưu tiên. Đối với bậc đại học chính quy, Trường còn xây dựng các chính sách nhằm thu hút người học như tặng học bổng cho tân sinh viên điểm cao, miễn phí nội trú, giới thiệu học bổng [H7.7.18.01.01].

Trường có website riêng về tuyển sinh, các thông tin tuyển sinh về sau đại học, đại học, vừa học vừa làm, bồi dưỡng ngắn hạn đều được công khai trên website để người học có thể dễ dàng tìm hiểu. Năm 2020, Trường thành lập Ban Tuyển sinh nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh; Ban Tuyển sinh thường xuyên tổ chức các hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại Trường THPT và trực tuyến trên fanpage của Trường. Ngoài ra, Trường còn cử cán bộ thường xuyên trực và tư vấn trực tuyến cũng như qua điện thoại cho người học có nhu cầu. Hằng năm, Trường đều tổ chức các đoàn tư vấn về các Trường THPT để giới thiệu, quảng bá và tư vấn trực tiếp cho thí sinh [H7.7.18.01.02].

Kết quả thi và học tập của thí sinh được xét và công nhận theo đúng quy định trong đề án tuyển sinh đảm bảo công bằng, minh bạch. Danh sách thí sinh trúng tuyển được công bố rộng rãi trên hệ thống website của Đại học Đà Nẵng (ts.udn.vn) và trang điện tử của Trường. [H7.7.18.01.03]

Kết quả tuyển sinh năm 2020 tăng hơn 40% so với năm 2019, đạt 2124 thí sinh nhập học, đứng thứ 3 trong khối các trường sư phạm của cả nước. Các ngành đào tạo giáo viên đáp ứng chương trình THPT mới chưa thu hút được thí sinh đăng ký theo học do hầu hết thí sinh chưa hiểu rõ về các ngành đào tạo này, cũng như ở bậc phổ thông chưa chính thức đưa các môn học này vào giảng dạy [H7.7.18.01.04].

Hằng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của tân sinh viên để tổng kết, đánh giá về công tác tuyển sinh, qua đó nhìn nhận, đánh giá những mặt mạnh và hạn chế của công tác tuyển sinh, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục và cải tiến các chính sách và quy trình giúp công tác tuyển sinh đạt hiệu quả cao hơn trong các năm sau. [H7.7.18.01.05]. Năm 2020, Trường triển khai lấy ý kiến và khảo sát nhu cầu của người học cho công tác tuyển sinh sau đại học nhằm nâng cao số lượng học viên tham gia thi tuyển hàng năm. Năm 2021, trường chính thức thành lập Tổ Truyền thông

– Tuyển sinh chuyên trách trực thuộc Ban Giám hiệu nhằm chuyên nghiệp hóa các hoạt động truyền thông và tư vấn tuyển sinh [H7.7.18.01.06].

2. Điểm mạnh

- Trường và ĐHDN đã tổ chức tuyển sinh theo đúng quy định, đảm bảo công khai minh bạch, khách quan, lựa chọn được đúng những thí sinh có năng lực vào học tại Trường.

- Việc quảng bá tuyển sinh được thực hiện rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau giúp người học dễ dàng nắm bắt được thông tin của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Chính sách cũng như công tác tư vấn tuyển sinh chưa sát với thí sinh đối với các chương trình đào tạo giáo viên mới.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách đặc thù cho thí sinh đăng ký học các chương trình đào tạo giáo viên mới	Tổ Truyền thông - Tuyển sinh	01/2021	06/2021
1	Phát huy điểm mạnh	Thành lập Tổ Tuyển sinh chuyên trách.	Phòng Tổ chức Hành chính	2021	2021

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 7.18.2. Các thông tin về ngành học, CTĐT, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

1. Mô tả

Các thông tin về ngành học, CTĐT, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và lộ trình học tập của người học được cung cấp đầy đủ cho người học ngay từ những ngày đầu nhập học thông qua tuần sinh hoạt công dân của Trường và giao lưu gặp gỡ tân sinh viên của các khoa. Các thông tin này còn được đăng tải trên các website của Phòng Đào tạo, các khoa và các trang thông tin điện tử của trường giúp sinh viên dễ dàng tra cứu, tìm kiếm [H7.7.18.02.01].

Thông tin về môn học được đưa vào đề cương môn học theo quy định về xây dựng chương trình. Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho người học về lộ trình học

tập của môn học, khóa bồi dưỡng ngay buổi đầu của môn học, đảm bảo người học nắm rõ yêu cầu của môn học, chương trình bồi dưỡng [H7.7.18.02.02].

Việc cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo theo chu trình 2 năm/lần và do Phòng Đào tạo cùng các khoa thực hiện. Các cải tiến trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng được áp dụng cho các khóa tuyển sinh tiếp theo và được thông tin đầy đủ đến người học qua các kênh thông tin của Nhà trường [H7.7.18.02.03].

Hàng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến sinh viên về các hoạt động trong nhà trường, trong đó việc thông tin, thông báo của các đơn vị trực thuộc tới sinh viên luôn được chú trọng tiếp thu và cải tiến [H7.7.18.02.04].

2. Điểm mạnh

Người học được hỗ trợ và tư vấn thường xuyên, đầy đủ khi theo học tại Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc cung cấp thông tin trong quá trình đào tạo còn phân mảnh ở nhiều kênh.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện sổ tay sinh viên theo định hướng hướng dẫn cách tìm kiếm thông tin	Phòng CTSV	01/2021	04/2021
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các kênh thông tin thông báo giúp người học thuận lợi hơn trong việc tìm kiếm, truy cập	Tổ CNTT&TT, các phòng chức năng	2020	2021

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.

1. Mô tả

Người học có vấn đề khó khăn trong học tập/chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn là đối tượng luôn được nhà Trường quan tâm, chăm sóc. Trường thực hiện tốt các chế độ chính sách dành cho người học, không có trường hợp bị sai sót. Đối với SV khuyết tật theo học tại Trường thì lớp học tập luôn được ưu tiên bố trí cho phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên đó, ngoài ra các em còn được ưu tiên ở nội trú trong KTX Nhà trường [H7.7.18.03.01].

Những SV có hoàn cảnh khó khăn được Nhà trường và các tổ chức Đoàn thể quan tâm, hỗ trợ như: Giới thiệu việc làm thêm, giới thiệu dự xét và nhận các học bổng ngoài ngân sách (năm học 2019 – 2020 đạt 1,996 tỉ đồng) giúp cho nhiều SV có hoàn cảnh khó khăn yên tâm theo học. Trường cũng tiến hành thu học phí thành nhiều đợt trong học kỳ nhằm tạo điều kiện cho SV khó khăn có thể hoàn thành quy định về đóng học phí. Để hỗ trợ thêm điều kiện học tập cho SV, Nhà trường đã ủy quyền cho Phòng Công tác SV thực hiện thường xuyên công tác làm thủ xác nhận tục vay vốn tín dụng giáo dục cho SV, đảm bảo cho 100% SV thuộc đối tượng vay vốn được làm đúng thủ tục tại Trường [H7.7.18.03.02].

Sinh viên học chậm tiến độ tạo điều kiện học tập và hoàn thành khóa học thông qua các chính sách của Nhà trường như: mở lớp ít sinh viên, học trong kỳ hè, xét tốt nghiệp nhiều đợt trong năm. Các chính sách này giúp cho sinh viên có thêm cơ hội hoàn thành khóa học và tốt nghiệp sớm nhất có thể [H7.7.18.03.03].

Nhằm giải quyết vấn đề sinh viên tốt nghiệp chậm tiến độ, năm 2020, Trường đã xây dựng quy định về việc theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên, trong đó quy định rõ việc tham gia hỗ trợ sinh viên học chậm tiến độ của các cá nhân, đơn vị trong Nhà trường, đảm bảo sinh viên được tư vấn lộ trình học tập phù hợp với năng lực của bản thân. Trường còn tổ chức các lớp bồi dưỡng dành riêng cho SV dân tộc thiểu số, SV yếu thế, dễ bị tổn thương về ứng phó với rủi ro, thiên tai; phối hợp với các Trung tâm ngoại ngữ tổ chức nhiều lớp học miễn phí cho sinh viên. [H7.7.18.03.04]. Các hoạt động hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài còn ít, đặc biệt là các chương trình hỗ trợ học tiếng Việt nhằm nâng cao khả năng học tập chuyên môn.

Định kỳ mỗi học kỳ 1 lần, Nhà trường tổ chức các buổi tiếp xúc với đại diện SV các lớp, các chi đoàn để lắng nghe ý kiến của SV, từ đó có những biện pháp điều chỉnh thích hợp nhằm tìm ra các biện pháp hỗ trợ tốt hơn cho SV [H7.7.18.03.05].

2. Điểm mạnh

Các loại hình hỗ trợ sinh viên của Trường đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng người học khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động hỗ trợ mang tính chuyên biệt cho sinh viên nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hoạt động hỗ trợ riêng cho đối tượng là sinh viên nước ngoài: học tiếng Việt, giao lưu văn hóa, TDTT...	Trường ĐHSP	2021	2022
1	Phát huy điểm mạnh	Tìm kiếm các học bổng ngoài ngân sách nhằm hỗ trợ tốt hơn cho người học (2 tỉ/năm)	Phòng Công tác sinh viên	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Các thông tin về lộ trình học tập, sự liên thông giữa các môn học, môn học tiên quyết, bắt buộc và tự chọn được cung cấp đầy đủ cho người học ngay từ ngày đầu nhập học và người học còn thường xuyên được tư vấn bởi cố vấn học tập và các đơn vị chức năng trong nhà trường. SV còn có thể tìm kiếm các thông tin này trên website của Phòng Đào tạo. Trường có chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành đào tạo trong Nhà trường và giữa các trường trong Đại học Đà Nẵng tạo cơ hội cho sinh viên có thể học song song 2 chương trình đào tạo tại Trường hoặc các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng. [H7.7.18.04.01].

Trường đã ban hành quy định về giá trị tương đương kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy khi thực hiện các chương trình đào tạo hệ Vừa làm vừa học. Năm 2020, Trường tiến hành xây dựng chương trình đào tạo liên thông giữa đại học và sau đại học giúp cho người học thuận lợi hơn trong việc tiếp tục học lên sau đại học tại Trường [H7.7.18.04.02] và đã trình Đại học Đà Nẵng xem xét, phê duyệt.

Qua các năm triển khai, Trường đã có nhiều cải tiến trong việc công nhận tín chỉ như: xây dựng hệ thống các môn học tương đương, môn học thay thế nhằm hỗ trợ cho học chậm tiến độ, sinh viên học vượt, học chương trình 2. Năm 2020, trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên về các vấn đề liên quan đến công khai **lộ trình học tập và chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học**. Trường đã làm tốt công tác này thể hiện qua số lượng sinh viên đăng ký học chương trình 2 tại trường ngày càng tăng [H7.7.18.04.03].

2. Điểm mạnh

Trường có các chính sách công nhận tín chỉ giữa các ngành đào tạo trong trường và trong Đại học Đà Nẵng, Trường đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông đại học – sau đại học xin cấp Đại học Đà Nẵng phê duyệt.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có các chương trình liên kết, công nhận tín chỉ với đại học khác ngoài Đại học Đà Nẵng và các trường nước ngoài.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài (Trung Quốc, Đài Loan). - Xây dựng chương trình công nhận tín chỉ giữa các trường đại học sư phạm ở Việt Nam	Phòng Đào tạo	2021	2022
1	Phát huy điểm mạnh	Triển khai thông tin rộng rãi về chính sách liên thông, công nhận tín chỉ nhằm thu hút người học	Tổ CNTT và TT	2021	2022

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.

1. Mô tả

Ngoài việc được cung cấp đầy đủ các văn bản, hướng dẫn cụ thể liên quan đến kế hoạch học tập và đăng ký tín chỉ thông qua hệ thống thông tin của nhà trường, các buổi sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa và các buổi đối thoại với sinh viên hàng kỳ; Nhà trường còn bố trí mỗi lớp sinh hoạt của SV có một giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập. Cố vấn học tập có nhiệm vụ tư vấn, hướng dẫn và cùng xây dựng lộ trình học tập cho SV, hướng dẫn SV đăng ký tín chỉ, lựa chọn các học phần bắt buộc, học phần tiên quyết và các học phần tự chọn. Những việc làm này đã giúp cho SV của Trường hoàn thành tốt công việc đăng ký tín chỉ và học tập của mình, tỉ lệ SV tốt nghiệp trước hạn ngày càng tăng [H7.7.18.05.01]

Thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa và các hoạt động phong trào đoàn thể, Nhà trường luôn mời các chuyên gia về tham gia chia sẻ, hướng dẫn và tạo động lực cho sinh viên trong vấn đề hướng nghiệp, khởi nghiệp. Sinh viên của Trường có nhiều ý tưởng khởi nghiệp tham gia và đạt giải cao tại các cuộc thi về khởi nghiệp, các sản phẩm khởi nghiệp của sinh viên được Nhà trường hỗ trợ đưa vào sản xuất trong thực tế, hỗ trợ văn phòng trưng bày và giới thiệu sản phẩm. SV được giới thiệu địa điểm làm thêm, thực tập nghề nghiệp nhằm trau dồi thêm khả năng làm việc sau tốt nghiệp. Nhà trường thường xuyên làm việc với các đơn vị sử dụng lao động nhằm tạo điều kiện cho sinh viên kiến tập, thực tập cũng như định hướng nghề nghiệp [H7.7.18.05.02].

Công tác tư vấn, hướng nghiệp đã được quan tâm triển khai nhưng hiệu quả còn thấp. Để giải quyết vấn đề này, Nhà trường đã kiện toàn lại Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và kết nối sâu hơn với các doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên sau khi tốt nghiệp; năm 2020, chính thức vận hành văn phòng tư vấn tâm lý và hướng nghiệp cho SV, với mong muốn chuẩn hóa công tác tư vấn tâm lý và hướng nghiệp trong thời gian tới [H7.7.18.05.03].

Nhà trường thường xuyên liên lạc với sinh viên sau khi tốt nghiệp nhằm tìm hiểu về tình hình việc làm, cũng như khảo sát các ý kiến của cựu sinh viên. Đối với những sinh viên chưa có việc làm, Nhà trường thường xuyên gửi các thông tin tuyển dụng qua email của sinh viên và đăng tải trên fanpage thông báo của Nhà trường. Ngoài ra, Trường thường xuyên tiếp nhận các thông tin tuyển dụng từ doanh nghiệp và đăng trên website của Phòng Công tác sinh viên và trang fanpage giới thiệu việc làm của Trường [H7.7.18.05.04].

2. Điểm mạnh

Sinh viên có nhiều ý tưởng khởi nghiệp tốt, đạt giải cao tại các cuộc thi khởi nghiệp; ý tưởng khởi nghiệp được hỗ trợ triển khai trong thực tế.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động kết nối đơn vị sử dụng lao động, tuyển dụng chưa đồng đều ở các khoa. Trường chưa có các hoạt động giới thiệu việc làm quy mô lớn.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp	Trung tâm HTSV&Q HDN	2021	2021
2		Xây dựng các nội dung tư vấn hướng nghiệp cho SV trong tuần sinh hoạt công dân hằng năm	Phòng Công tác Sinh viên	2021	2021
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng chính sách về hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp	Phòng Công tác Sinh viên	2021	2021

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

* Tự đánh giá Tiêu chí 7.18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học

Tiêu chí 7.18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.18.1: Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các CTĐT và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.					X		
Chỉ số 7.18.2: Các thông tin về ngành học, CTĐT, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.					X		
Chỉ số 7.18.3: Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó					X		

<i>khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.</i>						
<i>Chỉ số 7.18.4: Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.</i>					X	
<i>Chỉ số 7.18.5: Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.</i>					X	
Điểm TB của tiêu chí	5.0					

Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập

Chỉ số 7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể để triển khai thực hiện hoạt động đào tạo cũng như kiểm tra đánh giá phù hợp với bối cảnh của Nhà trường và từng loại hình đào tạo để thực hiện các chính sách **đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của hoạt động đánh giá kết quả học tập**. Trên cơ sở những quy định này, Nhà trường triển khai các hoạt động kiểm tra đánh giá theo đúng quy trình và đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của các CTĐT [H7.07.19.01.01].

Việc đánh giá KQHT của người học được thực hiện thông qua đánh giá tổng kết cuối kỳ và đánh giá quá trình được giảng viên thực hiện trong suốt quá trình dạy-học. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí & ĐBCLGD cùng với các khoa tổ chức kỳ thi kết thúc học phần duy nhất, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỉ trọng 50% trong trọng số đánh giá học phần, bài thi được phòng Khảo thí & ĐBCLGD đánh phách trước khi trước khi bàn giao cho cán bộ chấm thi, các bài thi trắc nghiệm cũng được chấm bằng máy, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, công bằng. Sau khi công bố điểm thi kết thúc học phần, sinh viên có thắc mắc về điểm số được phúc khảo bài thi theo quy định [H7.07.19.01.02].

Bên cạnh đó việc đánh giá kết quả học tập của người học còn được cán bộ giảng dạy thực hiện thông qua các hình thức kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa kì (chiếm 50% trọng số còn lại) [H7.07.19.01.03].

Trường đã thực hiện đa dạng hóa loại hình kiểm tra đánh giá. Các hình thức kiểm tra đánh giá bao gồm: thực hành, tự luận, trắc nghiệm khách quan, tiểu luận, đồ án môn học, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tế chuyên môn hoặc kết hợp các loại hình kiểm tra đánh giá [H7.07.19.01.04].

Nhà trường đã quy định rõ ràng về quy trình ra đề thi, tổ chức thi cho các loại hình đào tạo. Đề thi được xây dựng trên cơ sở ma trận đã được các khoa xây dựng và phê duyệt. Việc xây dựng ma trận đảm bảo nội dung đề thi đúng trọng tâm, nằm trong khu vực của học phần và đáp ứng chuẩn đầu ra, mục tiêu của học phần. Ma trận được xây dựng dựa trên nội dung chi tiết của học phần và mức độ năng lực nhận thức theo thang Bloom từ nhận thức bậc thấp đến nhận thức bậc cao. Các đề thi đều được làm theo mẫu quy định và được Trường bộ môn duyệt [H7.07.19.01.05]. Để đảm bảo tính khách quan, Trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động tổ chức thi vào cuối mỗi học kì. Kết quả kiểm tra cho thấy việc tổ chức thi được thực hiện theo đúng quy trình và đảm bảo chính xác, khách quan [H7.07.19.01.06]. Ngoài ra, Nhà trường đã triển khai xây dựng các ngân hàng câu hỏi thi, đặc biệt là ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm. Tuy nhiên, số lượng ngân hàng câu hỏi thi được đánh giá và chuẩn hóa theo quy định chưa nhiều.

Năm 2019, Nhà trường chuyển đổi hệ thống tiêu chuẩn chất lượng lên ISO 9001-2015, trong đó ban hành mới quy trình quản lý kết quả học tập của người học với mục đích thống nhất phương pháp đánh giá, quản lý kết quả đánh giá người học. Quy trình quản lý kết quả học tập của người học bao gồm 4 bước, trong đó kiểm tra, đối chiếu kết quả là một bước quan trọng được thực hiện trước khi xét học vụ giúp tránh các trường hợp sai sót trong việc nhập điểm, quản lý điểm gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người học [H7.07.19.01.07].

Để có căn cứ điều chỉnh, phát triển CTĐT nói chung và việc đánh giá kết quả học tập nói riêng để đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, hằng năm Nhà trường tiến hành rà soát CTĐT. Một trong những nội dung được quan tâm rà soát là mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT, việc đánh giá kết quả học tập của học phần có giúp Nhà trường đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Kết quả rà soát CTĐT được các khoa chuyên môn sử dụng làm căn cứ điều chỉnh hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học, góp phần hướng đến việc đánh giá theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT [H7.07.19.01.08].

Các quy định về đào tạo và kiểm tra đánh giá được Nhà trường phổ biến tới SV qua nhiều kênh khác nhau: thông qua các buổi học tập chính trị đầu khóa, đầu năm học; thông qua Cố vấn học tập. Trong buổi học đầu tiên của học phần, GV thông báo cho SV về cách thức kiểm tra đánh giá. Các quy định về đào tạo, kiểm tra đánh giá cũng được Nhà trường đưa lên website giúp SV dễ dàng tiếp cận [H7.07.19.01.09]. Nhờ vậy, SV nắm rõ được và thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà trường [H7.07.19.01.10].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy và SV sắp tốt nghiệp về khóa học, trong đó có hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả cho thấy đa số SV (trên 95%) hài lòng về hoạt động kiểm tra đánh giá và cho rằng phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo công bằng, khách quan [H7.07.19.01.11].

2. Điểm mạnh

Trường định kỳ rà soát CTĐT, hoạt động đánh giá kết quả học tập là một trong những nội dung được rà soát, đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa xây dựng được nhiều ngân hàng đề thi chuẩn hóa để phục vụ hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng ngân hàng câu hỏi cho các học phần	Phòng Khảo thí, Các khoa	2020	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, phát triển CTĐT, nâng cao hiệu quả việc đánh giá người học.	Phòng Khảo thí, Các khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Chỉ số 7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các CTĐT và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin.

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo của Nhà trường thực hiện theo học chế tín chỉ. SV hệ đào tạo Đại học chính quy của Trường được công nhận đạt năng lực để có thể tốt nghiệp phải tích lũy đủ số lượng tín chỉ tối thiểu, trong đó phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và đạt được chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và chứng chỉ Giáo dục Thể chất, Quốc phòng. CTĐT của Nhà trường được thiết kế để mỗi học phần sẽ đáp ứng một hoặc một số chuẩn đầu ra của CTĐT. SV sau khi hoàn thành đủ các tín chỉ theo quy định sẽ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT [H7.07.19.02.01]. Đối với hệ VLVH, SV

tích lũy đủ số tín chỉ tốt thiểu và đạt được các tiêu chuẩn về chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất cũng được xét và công nhận tốt nghiệp theo quy định [H7.07.19.02.02].

Trong quá trình xây dựng, rà soát và phát triển CTĐT, các hoạt động hướng đến tiêu giúp người học được trang bị những năng lực nhằm đáp ứng yêu cầu của mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT đã được xác định và tiến hành suốt quá trình thực hiện CTĐT. Trong quá trình xây dựng CTĐT, việc lựa chọn học phần ở các khối kiến thức được cân nhắc trên căn cứ của chuẩn đầu ra CTĐT; ma trận kiến thức, kỹ năng cũng được xây dựng giúp khoa chuyên môn xác định được lộ trình hình thành các năng lực cần thiết của CTĐT thông qua việc lựa chọn học phần và kế hoạch đào tạo điều này đảm bảo người học được tạo các điều kiện cần thiết để hình thành và rèn luyện các năng lực theo yêu cầu của chuẩn đầu ra [H7.07.19.02.03]. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá kết quả học tập ở mỗi học phần cũng được lựa chọn phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra học phần góp đánh giá được năng lực người học [H7.07.19.02.04].

Đối với các ngành sư phạm, năng lực giảng dạy là yếu tố đặc biệt quan trọng. Trong CTĐT các ngành sư phạm của Trường, các học phần về kiến thức và kỹ năng sư phạm chiếm tỉ trọng trên 30% tổng số tín chỉ. Các học phần rèn luyện kỹ năng sư phạm sử dụng kết hợp nhiều hình thức kiểm tra đánh giá, trong đó phương pháp thực hành luôn được sử dụng để xác định năng lực giảng dạy của SV [H7.07.19.02.05]. Ngoài việc đánh giá năng lực giảng dạy của SV bằng các học phần ở Trường; SV còn được đánh giá bởi các giáo viên phổ thông thông qua hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm [H7.07.19.02.06].

Việc đánh giá năng lực sư phạm của SV qua thực tập mang tính toàn diện bao gồm đánh giá về năng lực giảng dạy, năng lực NCKH giáo dục, năng lực tìm hiểu đối tượng giáo dục, năng lực làm giáo viên chủ nhiệm và được đánh giá từ đầu học kì 6 của khóa học. Tuy nhiên, quá trình thực hiện mô hình này không tránh khỏi những bất cập, hạn chế: Chồng chéo thời gian học tập và thực tập, SV chưa tích lũy đủ kiến thức để trải nghiệm các hoạt động giảng dạy, cơ sở đào tạo và cơ sở thực tập chưa có sự thống nhất cao trong tổ chức thực hiện [H7.07.19.02.07].

Quy định về xét học vụ, xét tốt nghiệp và công nhận kết quả học tập của người học ở các CTĐT và chương trình bồi dưỡng thường xuyên được thực hiện theo quy định chi tiết ở quy trình quản lý kết quả học tập của người học. Kết quả học tập của người học được nhập vào hệ thống quản lý điểm của người học, được tiến hành rà soát, đối chiếu và điều chỉnh trước khi tiến hành xét học vụ, xét tốt nghiệp và công nhận kết quả, đảm bảo phản ánh chính xác năng lực của người học [H7.07.19.02.08].

Nhà trường đã xây dựng Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ cho tất cả các ngành. Cụ thể là đối với SV hệ chính quy, SV đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ là SV có năng lực ngoại ngữ đạt từ bậc 3/6 (đối với tiếng Anh) và bậc 2/6 (đối với ngoại ngữ khác) trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam được ban hành theo

Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 24/01/2014. SV cũng được công nhận tương đương về chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong các trường hợp: SV nhập học có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ, có chứng chỉ ngoại ngữ quốc gia, quốc tế hợp lệ còn hiệu lực. Đối với năng lực tin học, SV tốt nghiệp cần đạt được *Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản* ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Các chuẩn đầu ra này cũng được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tiễn [H7.07.19.02.09].

Đối với hoạt động bồi dưỡng, Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực người học bằng cả hình trực tiếp và trực tuyến. Người học tham gia khóa bồi dưỡng phải thực hiện các bài tập và trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên hệ thống dạy học trực tuyến và thi trực tiếp bằng hình thức trắc nghiệm. Điều này giúp đánh giá được năng lực của người học làm cơ sở để cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đối với việc hoàn thành khóa học [H7.07.19.02.10].

Nhà trường cũng thực hiện khảo sát mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học sau tốt nghiệp để đánh giá sự phù hợp về năng lực của sinh viên sau tốt nghiệp với nhu cầu lao động. Đây là kênh thông tin giúp nhà trường đánh giá chất lượng đào tạo nhưng khó khăn trong việc thu thập số liệu nên được thực hiện không thường xuyên [H7.07.19.02.11].

2. Điểm mạnh

Kết quả kiểm tra đánh giá và công nhận của Trường đảm bảo chính xác, công bằng khách quan và phản ánh đúng năng lực người học.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá năng lực của người học sau khi ra trường còn chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Định kì đánh giá năng lực của người học sau khi ra trường thông qua các đợt khảo sát và Hội nghị với các nhà sử dụng lao động.	Phòng KT&ĐBCL; Trung tâm Hỗ trợ SV & QHDN	2021	2023
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa loại hình kiểm tra đánh giá năng lực người	Phòng KT&ĐBCL; Các khoa	2021	2023

		học.			
--	--	------	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

*** Tự đánh giá tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập**

Tiêu chí 7.19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.</i>					X		
<i>Chỉ số 7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các CTĐT và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin.</i>					X		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chí 7.20: Các hoạt động ngoại khóa

Chỉ số 7.20.1: Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.

1. Mô tả

Thực hành, thực tế là hoạt động rất quan trọng trong quá trình đào tạo của Nhà trường, vì vậy người học luôn được quan tâm, hỗ trợ điều kiện tốt nhất trong các hoạt động thực hành, thực tế chuyên môn. Năm 2020, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động cải tạo, nâng cấp các phòng thực hành, thí nghiệm (báo chí, âm nhạc, múa...) [H7.7.20.01.01].

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho người học tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể thao. Phong trào SV của Nhà trường luôn được đánh giá là đơn vị xuất sắc dẫn đầu của ĐHĐN và thành phố Đà Nẵng. SV của trường luôn đạt các thành tích cao trong các hội thi văn nghệ thể thao do ĐHĐN và Thành phố Đà Nẵng tổ chức [H7.7.20.01.02].

SV được tạo điều kiện tham gia và tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng, tham gia công tác xã hội, tình nguyện. Điều này giúp cho SV trang bị thêm các kỹ năng mềm hữu ích cho công việc và đời sống sau khi tốt nghiệp [H7.7.20.01.03].

Các CLB, Đội, Nhóm trong sinh viên được thành lập và hoạt động dưới sự quản lý hỗ trợ của Hội Sinh viên Trường. Sinh viên khi tham gia các hoạt động được Hội sinh viên tư vấn và hỗ trợ kinh phí hoạt động. Những sinh viên có thành tích tốt được Nhà trường và các tổ chức Đoàn thể cấp giấy chứng nhận và đề nghị khen thưởng [H7.7.20.01.04].

Trường luôn quan tâm và cải thiện các công trình phục vụ cho người học rèn luyện và sinh hoạt văn nghệ, TDTT. Số lượng và chất lượng các công trình luôn được nâng cao qua hằng năm, đến nay cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động phong trào đã khá đầy đủ và phong phú. Năm 2019 Trường đã hoàn thành xây dựng khu nhà sinh hoạt đa năng 02 tầng với diện tích sàn 1200 m² phục vụ các hoạt động sinh hoạt chung của CLB, Đội, Nhóm trong Trường, xây dựng 01 sân bóng rổ mới. Năm 2020, Nhà trường tiến hành cải tạo 02 sân bóng chuyền ngoài trời và xây dựng sân vận động thành 3 sân bóng đá bằng cỏ nhân tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và rèn luyện thể chất của người học [H7.7.20.01.05].

Nhằm cải tiến hoạt động rèn luyện nghiệp vụ chuyên môn, năm 2020, Nhà trường chỉ đạo các khoa xúc tiến thành lập CLB Nghiệp vụ sư phạm và các CLB học thuật liên quan đến chuyên ngành đào tạo nhằm tạo môi trường rèn luyện nghiệp vụ chuyên sâu cho sinh viên, mỗi khoa có tối thiểu 01 CLB học thuật; tạo điều kiện cho sinh viên sư phạm được sử dụng các phòng học để tập giảng ngoài giờ lên lớp [H7.7.20.01.06].

Năm 2020, Phòng Công tác Sinh viên tổ chức lấy ý kiến sinh viên về việc hỗ trợ người học trong các hoạt động thực hành, thực tế, văn hóa văn nghệ, TDTT và được sinh viên đánh giá cao, tỉ lệ sinh viên hài lòng đạt trên 97%. Hằng năm, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đều tổ chức tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm, từ đó đề ra các giải pháp cải tiến hoạt động phong trào của sinh viên [H7.7.20.01.07]

2. Điểm mạnh

- Sinh viên được quan tâm, tạo điều kiện tham gia các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ, văn hóa, thể thao.

- Phong trào sinh viên của Trường luôn dẫn đầu Đại học Đà Nẵng và là đơn vị tiêu biểu của thành phố Đà Nẵng.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất dành cho hoạt động phong trào của sinh viên vẫn còn thiếu về số lượng, chưa đáp ứng hết nhu cầu của sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng thêm các sân chơi thể thao ngoài trời	Phòng Cơ sở vật chất	2021	2022

1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng các chương trình hỗ trợ triển khai các ý tưởng khởi nghiệp trong sinh viên	Đoàn Thanh niên và Phòng Công tác Sinh viên	2021	2022
---	--------------------	---	---	------	------

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Chỉ số 7.20.2: Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường

1. Mô tả

Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của cựu sinh viên đối với đơn vị, Nhà trường đã chỉ đạo các Khoa thành lập Ban liên lạc Cựu SV cấp khoa. Năm 2019, Trường đã tổ chức ngày hội cựu SV với sự tham gia của hàng trăm cựu SV đến từ 12 khoa. Năm 2020, do dịch bệnh COVID nên chương trình ngày hội cựu SV không được tổ chức như dự kiến. Nhà trường giao cho các khoa có hình thức tổ chức gặp mặt cựu sinh viên nhân dịp kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam và tổ chức sinh hoạt, lấy ý kiến của cựu SV về các vấn đề của Khoa, Trường [H7.7.20.02.01]

Bắt đầu từ năm 2020, hoạt động của Ban Liên lạc Cựu SV được chuẩn hóa như: kiện toàn BLL hằng năm, các BLL cấp khoa báo cáo hoạt động và đề xuất hoạt động, hỗ trợ để Trường làm căn cứ triển khai các hoạt động của năm tiếp theo [H7.7.20.02.02].

Cựu SV và Ban liên lạc Cựu SV đã có nhiều đóng góp tích cực cho Nhà trường như đóng góp xây dựng quỹ học bổng ở các khoa, tham gia đóng góp ý kiến phát triển Nhà trường, được mời tham gia đóng góp ý kiến về chương trình đào tạo. [H7.7.20.02.03]. Tuy nhiên, Ban Liên lạc Cựu SV ở một số khoa còn chưa hiệu quả do chưa có sự kết nối tốt giữa các thể hệ sinh viên trong khoa.

Định kỳ hằng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến của cựu sinh viên đã tốt nghiệp sau 6 tháng và 1 năm, trên cơ sở ý kiến của Cựu SV nhà trường có những cải tiến phù hợp về chương trình cũng như cơ sở vật chất nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội. Hoạt động của Ban Liên lạc cựu sinh viên ngày càng được quan tâm, đẩy mạnh [H7.7.20.02.04].

2. Điểm mạnh

Cựu sinh viên tích cực tham gia các hoạt động giáo dục của Nhà trường

3. Điểm tồn tại

Việc kết nối các Ban Liên lạc CSV ở một số khoa còn chưa hiệu quả, chưa phát huy được nguồn lực từ CSV.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức chương trình tập huấn kỹ năng kết nối và hoạt động cho Ban Liên lạc cựu sinh viên.	Phòng Công tác Sinh viên và các Khoa	2021	2021
1	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh hoạt động của Ban liên lạc Cựu sinh viên, đặc biệt là hoạt động giới thiệu việc làm và thực tập, kiến tập.	Phòng Công tác Sinh viên và các Khoa	2021	2022
2		Hoàn thiện các quy định về hoạt động của Ban Liên lạc CSV	Phòng Công tác Sinh viên	2021	2021

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

** Tự đánh giá tiêu chí 7.20: Các hoạt động ngoại khóa*

Tiêu chí 7.20: Các hoạt động ngoại khóa	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Chỉ số 7.20.1: Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.</i>					X		
<i>Chỉ số 7.20.2: Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động</i>					X		

<i>giáo dục của trường</i>							
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn/Tiêu chí/Chỉ số	TĐG
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng	
<i>Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược</i>	
Chỉ số 1.1.1.	5
Chỉ số 1.1.2.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.5
<i>Tiêu chí 1.2. Quản lý</i>	
Chỉ số 1.2.1.	5
Chỉ số 1.2.2.	5
Chỉ số 1.2.3.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	5.0
<i>Tiêu chí 1.3. Hệ thống đảm bảo chất lượng</i>	
Chỉ số 1.3.1.	5
Chỉ số 1.3.2.	5
Chỉ số 1.3.3.	5
Chỉ số 1.3.4.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	5.0
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.89
Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo	
<i>Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình</i>	
Chỉ số 2.4.1.	5
Chỉ số 2.4.2.	4
Chỉ số 2.4.3.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.7
<i>Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện</i>	
Chỉ số 2.5.1.	4
Chỉ số 2.5.2.	5
Chỉ số 2.5.3.	5
Chỉ số 2.5.4.	5
Chỉ số 2.5.5.	4
Chỉ số 2.5.6.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.7
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.67
Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
<i>Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu phát triển và đổi mới</i>	

Chỉ số 3.6.1.	5
Chỉ số 3.6.2.	5
Chỉ số 3.6.3.	5
Chỉ số 3.6.4.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.75
Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
Chỉ số 3.7.1.	5
Chỉ số 3.7.2.	5
Chỉ số 3.7.3.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.86
Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương	
Chỉ số 4.8.1.	5
Chỉ số 4.8.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế	
Chỉ số 4.9.1.	5
Chỉ số 4.9.2.	5
Chỉ số 4.9.3.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác	
Chỉ số 4.10.1.	4
Chỉ số 4.10.2.	5
Chỉ số 4.10.3.	5
Chỉ số 4.10.4.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.5
Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông	
Chỉ số 4.11.1.	5
Chỉ số 4.11.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.82
Tiêu chuẩn 5: Môi trường sư phạm và các nguồn lực	
Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm	
Chỉ số 5.12.1.	5
Chỉ số 5.12.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Tiêu chí 13. Cơ sở vật chất, nguồn tài nguyên dạy và học	

Chỉ số 5.13.1.	5
Chỉ số 5.13.2.	5
Chỉ số 5.13.3.	5
Chỉ số 5.13.4.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính	
Chỉ số 5.14.1.	5
Chỉ số 5.14.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực	
Chỉ số 5.15.1.	5
Chỉ số 5.15.2.	5
Chỉ số 5.15.3.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	5.00
Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ dạy học	
Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	
Chỉ số 6.16.1.	5
Chỉ số 6.16.2.	5
Chỉ số 6.16.3.	5
Chỉ số 6.16.4.	5
Chỉ số 6.16.5.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.8
Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên	
Chỉ số 6.17.1.	5
Chỉ số 6.17.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.86
Tiêu chuẩn 7: Hỗ trợ học tập	
Tiêu chí 7.18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học	
Chỉ số 7.18.1.	5
Chỉ số 7.18.2.	5
Chỉ số 7.18.3.	5
Chỉ số 7.18.4.	5
Chỉ số 7.18.5.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập	

Chỉ số 7.19.1.	5
Chỉ số 7.19.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Tiêu chí 7.20. Các hoạt động ngoại khóa	
Chỉ số 7.20.1.	5
Chỉ số 7.20.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn	5.00
ĐIỂM TRUNG BÌNH ĐÁNH GIÁ CSGD	4.87

Phần 4. KẾT LUẬN

Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư kí và các Nhóm Chuyên trách để thực hiện các nhiệm vụ. Quá trình TĐG của Nhà trường đã tập hợp được tất cả thành phần trong Trường cùng tham gia và đóng góp ý kiến từ cấp lãnh đạo, quản lý đến đội ngũ GV, viên chức. Quá trình TĐG được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ban Quản lí Chương trình ETEP và chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới. Nhà trường TĐG các nội dung, hoạt động theo Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm với 07 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí, 63 chỉ số. Mỗi chỉ số đều được báo cáo thành 05 phần là *Mô tả, Điểm mạnh, Điểm tồn tại, Kế hoạch cải tiến và Mức độ TĐG*, cuối mỗi tiêu chí đều có tổng hợp kết quả đánh giá tiêu chí.

Thông qua quá trình TĐG, Nhà trường xác định được bức tranh toàn cảnh cũng như định vị được trên từng lĩnh vực:

Đối với Tầm nhìn chiến lược, quản lí và ĐBCL, Nhà trường đã xây dựng, rà soát, điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn phù hợp và xây dựng. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch chiến lược, mô hình quản lí để thực hiện Sứ mạng và đạt được các mục tiêu trong Tầm nhìn đã dự báo.

Đối với CTĐT, chương trình bồi dưỡng; Nhà trường đã xây dựng và phát triển CTĐT, chương trình bồi dưỡng đáp ứng được chuẩn đầu ra, nhu cầu xã hội và gắn kết với chuẩn nghề nghiệp; đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được định kì rà soát, điều chỉnh thông qua việc lấy ý kiến các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường.

Đối với lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và đổi mới, Trường đã triển khai nhiều hoạt động để thực hiện Chiến lược KHCN. Kết quả nghiên cứu của Nhà trường được áp dụng có hiệu quả cao; góp phần thúc đẩy sự phát triển, đổi mới khoa học giáo dục và được công bố ở nhiều tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế.

Đối với hoạt động đối ngoại, Trường có mối quan hệ hợp tác với nhiều địa phương, các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Trường đã phối hợp với các đối tác để tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho GV, cán bộ quản lí ở các trường phổ thông; phối hợp với các tổ chức và các trường Đại học trong nước và quốc tế để thực hiện nhiều đề tài NCKH có giá trị và đồng tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị cấp quốc gia và quốc tế được đánh giá cao. Nhà trường đã triển khai được nhiều các biên bản ghi nhớ trong thực tế.

Đối với lĩnh vực Môi trường sư phạm và các nguồn lực, Trường đảm bảo các điều kiện về cảnh quan môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với không gian sư phạm. Nhà trường có đủ các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm đáp ứng hoạt động dạy và học một cách hiệu quả. Trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm tăng nguồn thu về cho Trường như mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường NCKH, CGCN; tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các dự án trong và ngoài nước. Các

nguồn tài chính của trường được quản lý chặt chẽ và sử dụng hợp lý. Nhà trường đặc biệt chú trọng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tỉ lệ GV có trình độ Tiến sĩ tăng nhanh trong các năm gần đây.

Đối với lĩnh vực hỗ trợ giảng dạy và học tập, các hoạt động hỗ trợ được Nhà trường tiến hành mang lại hiệu quả cao. GV được khuyến khích và tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ dạy học và NCKH. Các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn được Nhà trường tiến hành hiện quả đã và đang nâng cao chất lượng đội ngũ GV. Trường đã có nhiều biện pháp cụ thể giúp người học hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu kiểm tra đánh giá; thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Nhà trường luôn đảm bảo tốt các chế độ chính sách xã hội, thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ SV và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT trong SV.

Trên cơ sở những điểm mạnh và tồn tại, Trường ĐHSP - ĐHDN đã xây dựng kế hoạch cải tiến cụ thể thường niên để vừa phát huy điểm mạnh vừa khắc phục tồn tại; nhằm cụ thể hoá Sứ mạng, hiện thực hoá Tầm nhìn và đưa Nhà trường không ngừng phát triển, trở thành cơ sở giáo dục Đại học uy tín trong khu vực và trên thế giới, xứng tầm thực hiện sứ mệnh “phục vụ cộng đồng”.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Sư phạm,
Đại học Đà Nẵng theo Bộ chỉ số Phát triển các trường sư phạm TEIDI năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP, ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/TC-CB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thỏa thuận thực hiện Chương trình ETEP số 105/QĐ-ETEP ngày 31 tháng 12 năm 2018 giữa Ban Quản lý Chương trình ETEP và Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 425/CV-ETEP ngày 29 tháng 09 năm 2020 của Giám đốc Chương trình ETEP về việc xây dựng kế hoạch tự đánh giá TEIDI năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Bộ Chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI gồm các Ông bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng Tự đánh giá có nhiệm vụ tổ chức, triển khai tự đánh giá Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng theo Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI theo hướng dẫn của Hội đồng Tự đánh giá và Ban Quản lý Chương trình ETEP.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các phòng chức năng, Tổ trưởng các Tổ trực thuộc, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các thành viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.../

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu: TC-HC, KT&ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI
HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG THEO BỘ CHỈ SỐ TEIDI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1698 /QĐ-ĐHSP ngày 13 tháng 10 năm 2020 của

Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)

- | | |
|---|---------------------|
| 1. PGS.TS Lưu Trang, Hiệu trưởng | - Chủ tịch Hội đồng |
| 2. PGS.TS Trần Xuân Bách, Phó Hiệu trưởng | - Phó Chủ tịch TT |
| 3. PGS.TS Võ Văn Minh, Phó Hiệu trưởng | - Phó Chủ tịch |
| 4. TS. Bùi Bích Hạnh, Phó Hiệu trưởng | - Phó Chủ tịch |
| 5. ThS. Trịnh Thế Anh, Trưởng phòng KT&ĐBCLGD | - Ủy viên TT |
| 6. TS. Nguyễn Thanh Tường, Trưởng phòng TCHC | - Ủy viên |
| 7. TS. Phan Đức Tuấn, Trưởng phòng Đào tạo | - Ủy viên |
| 8. TS. Nguyễn Quý Tuấn, Trưởng phòng KH&HTQT | - Ủy viên |
| 9. ThS. Nguyễn Vinh San, Trưởng phòng CTSV | - Ủy viên |
| 10. ThS. Nguyễn Văn Khánh, Trưởng phòng CSVC | - Ủy viên |
| 11. ThS. Dương Thị Yến, Trưởng phòng KHTC | - Ủy viên |
| 12. TS. Phạm Quý Mười, Trưởng khoa Toán học | - Ủy viên |
| 13. TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh, Trưởng khoa Tin học | - Ủy viên |
| 14. PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu, Trưởng khoa Vật lý | - Ủy viên |
| 15. TS. Trần Đức Mạnh, Trưởng khoa Hóa học | - Ủy viên |
| 16. TS. Nguyễn Minh Lý, Trưởng khoa Sinh - Môi trường | - Ủy viên |
| 17. TS. Nguyễn Duy Phương, Trưởng khoa Lịch sử | - Ủy viên |
| 18. TS. Hồ Trần Ngọc Oanh, Phó Trưởng khoa Ngữ văn | - Ủy viên |
| 19. TS. Nguyễn Thị Trâm Anh, Trưởng khoa TLGD | - Ủy viên |
| 20. TS. Đinh Thị Phượng, Trưởng khoa GDCT | - Ủy viên |
| 21. TS. Hoàng Nam Hải, Trưởng khoa Giáo dục Tiểu học | - Ủy viên |
| 22. ThS. Tôn Nữ Diệu Hằng, Phó Trưởng khoa GDMN | - Ủy viên |
| 23. ThS. Trương Quang Minh Đức, Phó Trưởng khoa GDNT | - Ủy viên |
| 24. CN. Huỳnh Ngọc Minh Thi, Tổ trưởng Tổ Thư viện | - Ủy viên |
| 25. TS. Đặng Hùng Vĩ, Tổ trưởng Tổ CNTT&TT | - Ủy viên |
| 26. ThS. Tôn Nữ Duy Hoàng, Phó phòng KT&ĐBCLGD | - Ủy viên, Thư ký |

Danh sách trên gồm có 26 người.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Thư ký, Nhóm chuyên trách phục vụ Tự đánh giá
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Bộ chỉ số Phát triển
các trường sư phạm TEIDI năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP, ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/TC-CB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thỏa thuận thực hiện Chương trình ETEP số 105/QĐ-ETEP ngày 31 tháng 12 năm 2018 giữa Ban Quản lý Chương trình ETEP và Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 425/CV-ETEP ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Chương trình ETEP về việc xây dựng kế hoạch tự đánh giá TEIDI năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Ban Thư ký, Nhóm chuyên trách Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Bộ Chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban Thư ký, Nhóm chuyên trách có nhiệm vụ triển khai công việc tự đánh giá Trường Đại học Sư phạm và tìm kiếm minh chứng theo Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI theo hướng dẫn của Hội đồng Tự đánh giá và Ban Quản lý Chương trình ETEP.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các phòng chức năng, Tổ trưởng các Tổ trực thuộc, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các thành viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu: TC-HC, KT&ĐBCLGD.


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PGS. TS. Lưu Trang



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM,
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG THEO BỘ CHỈ SỐ TEIDI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1697/QĐ-ĐHSP ngày 13 tháng 10 năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)*

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
1	ThS. Trịnh Thế Anh	Phòng KT&ĐBCLGD	Trưởng Ban
2	ThS. Tôn Nữ Duy Hoàng	Phòng KT&ĐBCLGD	Phó Ban
3	CN. Đỗ Thế Cường	Phòng KT&ĐBCLGD	Thành viên
4	CN. Trương Minh Tú	Phòng KT&ĐBCLGD	Thành viên
5	CN. Trương Văn Thanh	Phòng KT&ĐBCLGD	Thành viên
6	CN. Lê Văn Bình	Phòng TC-HC	Thành viên
7	CN. Phan Trương Hoàng My	Phòng KH&HTQT	Thành viên
8	CN. Lê Trang Tin	Phòng CTSV	Thành viên
9	CN. Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phòng CSVC	Thành viên
10	ThS. Tống Thị Quý	Phòng Đào tạo	Thành viên
11	CN. Trần Thị Minh Lựu	Phòng KH_TC	Thành viên
12	CN. Nguyễn Thị Lê Na	Tổ Thư viện	Thành viên

Danh sách trên gồm 12 người.



DANH SÁCH THÀNH VIÊN NHÓM CHUYÊN TRÁCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG THEO BỘ CHỈ SỐ TEIDI

(Bản hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)

Nhóm 1

1. Phan Đức Tuấn	Nhóm trưởng
2. Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên
3. Phan Thị Hoa	Thành viên
4. Đàm Minh Anh	Thành viên
5. Nguyễn Minh Phong	Thành viên
6. Hồ Minh Hoàn	Thành viên

Nhóm 3

1. Nguyễn Vinh San	Nhóm trưởng
2. Nguyễn Viết Hải Hiệp	Thành viên
3. Huỳnh Bọng	Thành viên
4. Lê Trang Tin	Thành viên

Nhóm 5

1. Dương Thị Yến	Nhóm trưởng
2. Phạm Thị Giang Thanh	Thành viên
3. Nguyễn Thị Minh Lựu	Thành viên
4. Thái Thị Ngọc Vỹ	Thành viên
5. Lê Đình Ủy	Thành viên

Nhóm 7

1. Nguyễn Văn Khánh	Nhóm trưởng
2. Trịnh Khắc Đức	Thành viên
3. Phạm Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
4. Hoàng Mạnh Hùng	Thành viên
5. Võ Ngọc Quảng	Thành viên

Nhóm 2

1. Nguyễn Thanh Tường	Nhóm trưởng
2. Nguyễn Thị Thùy Dung	Thành viên
3. Lê Văn Bình	Thành viên
4. Tân Ngọc Lan	Thành viên
5. Lê Thanh Hà	Thành viên
6. Nghiêm Văn Bình	Thành viên

Nhóm 4

1. Nguyễn Quý Tuấn	Nhóm trưởng
2. Nguyễn Văn Sang	Thành viên
3. Phan Trương Hoàng My	Thành viên
4. Nguyễn Thị Thu An	Thành viên
5. Phạm Thị Thanh Mai	Thành viên

Nhóm 6

1. Trịnh Thế Anh	Nhóm trưởng
2. Tôn Nữ Duy Hoàng	Thành viên
3. Trương Văn Thanh	Thành viên
4. Trương Minh Tú	Thành viên
5. Đỗ Thế Cường	Thành viên